VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

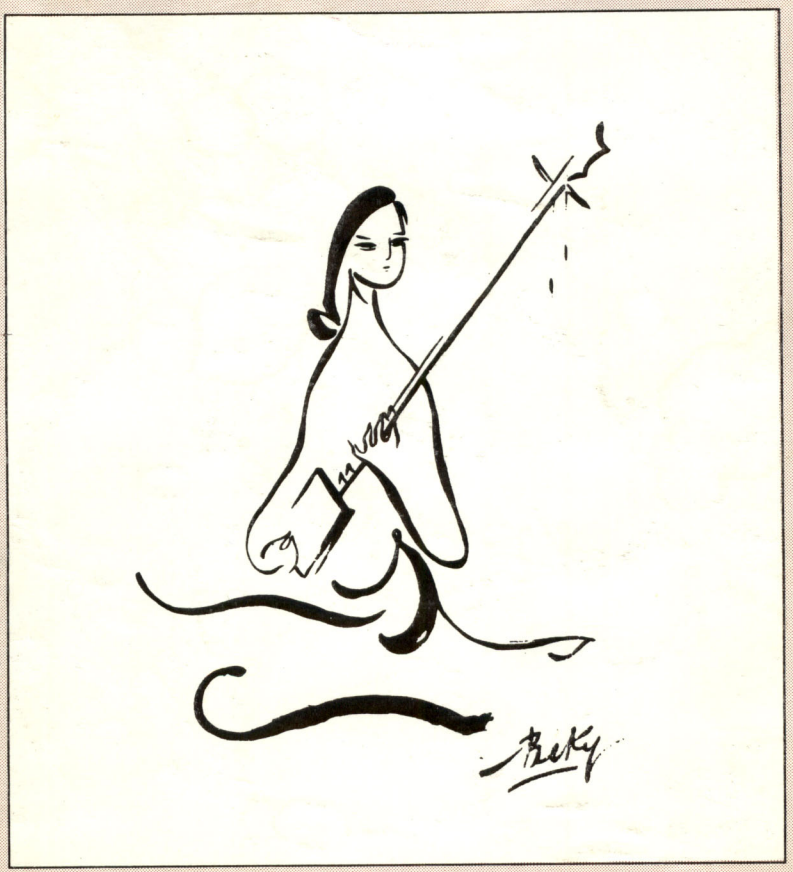

Kiều gảy đàn • Bé Kỳ

số 97 • tháng 5 năm 1994

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY

VĂN HỌC	thư tòa soạn	2
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	cơn mộng du ba mươi năm	4
VÕ PHIẾN	*tiếng hát biên thùy*	24
NGUYỄN XUÂN NGHĨA	chương sáu: bước ra thế giới cạnh tranh	25
TRẦN HỒNG CHÂU	*ngã ba sỏi đá*	50
NGUYỄN XUÂN QUANG	cái là đực?	51
LÊ TÍN HƯƠNG	*bước mãi, dường như bước đã thừa*	61
NGỌC KHÔI	au bon accueil	63
VẠN GIẢ	*bỗng nhiên*	81
ĐỖ QUYÊN	*lá thư chép lại*	82
	lá thư chiều nay	*83*
NGÔ THẾ VINH	giã biệt cựu kim sơn	84
ĐẶNG HIỀN	*trong cuộc tình ân hận*	89
MAI KIM NGỌC	chị em	90
HOÀNG XUÂN SƠN	*cali, mười ba. chuyến muộn*	104
LÊ THỊ THẤM VÂN	*mặt đất và em*	105
NGUYỄN MỘNG GIÁC	đọc "người trăm năm cũ" của hoàng khởi phong	106
VĂN HỌC	ghi nhận đó đây	113

VĂN HỌC

thư tòa soạn

Số báo này phát hành đúng vào ngày kỷ niệm mười chín năm lưu vong của tập thể tị nạn Việt Nam chúng ta. Mười chín năm với quá nhiều đổi thay trong cuộc đời của từng người, từng cộng đồng. Có những thành quả không thể chối cãi được của tập thể người Việt hải ngoại trong mọi sinh hoạt, như những thành công về học vấn, kinh doanh, văn hóa, xã hội từng được báo chí ở các nước người Việt định cư ca tụng. Tuy nhiên vẫn có những khiếm khuyết, những sai lầm, những sốc nổi, những phân hóa làm cho cộng đồng hải ngoại chưa trở thành một sức mạnh khả dĩ có thể ảnh hưởng đến biến chuyển ở quốc nội. Sau mười chín năm, cộng đồng người Việt hải ngoại vẫn còn là một tập thể yếu thế về kinh tế, chính trị, và có dấu hiệu cho thấy tình trạng phân hóa chẳng những không suy giảm mà ngày càng gia tăng.

Đã tới lúc cần nhìn lại một cách bình tĩnh những nguyên nhân của tình trạng đáng buồn ấy. Văn Học giới thiệu hai bài nhận định quan trọng trong số này: một bài của Tạ Chí Đại Trường, một sử gia, từ trong nước phân tích vì đâu dân tộc chúng ta bị dẫn dắt vào hết cơn mộng du này đến cơn mộng du khác, bi thảm nhất là cơn mộng du ba mươi năm dưới chế độ cộng sản. Nguyễn Xuân Nghĩa, một kinh tế gia, căn cứ vào tư tưởng chính trị của Ngô Thời Nhiệm, đưa ra những đề nghị để Việt Nam có thể ra khỏi cơn mộng du và tiến kịp với một thế giới đang thay đổi toàn diện sau cuộc cách mạng tin học.

Để chuẩn bị cho ngày kỷ niệm hai mươi năm lưu vong vào sang năm, trong số báo tháng trước, Văn Học đã công bố dự án viết một tập sơ thảo hai mươi năm văn chương hải ngoại. Đây là một việc làm cần nhiều người hợp tác, cả những nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình lẫn bạn

đọc. Rõ ràng chúng ta đã xây dựng được một nền văn chương đa dạng phong phú ở hải ngoại trong mười chín năm qua. Nhưng vì thiếu những công trình phê bình, nghiên cứu nhận định nghiêm chỉnh, chúng ta không đánh giá đúng mức nền văn chương đó. Tạp chí Văn Học tình nguyện đứng ra làm phối hợp viên để thu thập các văn liệu, liên lạc với những nhà nghiên cứu văn học, công bố các ý kiến nhận định, và tìm nơi xuất bản kết quả các công trình sơ thảo.

Vì Tòa soạn Văn Học không thể sưu tập đầy đủ các tác phẩm đã xuất bản tại hải ngoại, nhất là những tác phẩm tác giả tự xuất bản và phát hành theo đường bưu điện, nên xin quý vị gửi sách báo về cho chúng tôi. Văn Học sẽ thông báo đầy đủ và kịp thời những sách báo đã nhận được trong mục Hộp thư. Trường hợp vì điều kiện tài chánh văn thơ của quý vị chưa in thành sách, xin gửi bài đã đăng báo, và ghi chú cẩn thận tên báo, số báo, nơi xuất bản, ngày phát hành, trang báo số mấy...

Về phần các nhà nghiên cứu văn học, xin quý vị thông báo cho Văn Học biết quý vị có thể phụ trách cho phần nào trong công trình sơ thảo, phần tổng quan văn chương hải ngoại hay chuyên biệt theo thể loại truyện ngắn, truyện dài, thơ, ký, biên khảo, phê bình... theo chủ đề, khuynh hướng. Chúng tôi tha thiết mong đợi sự cộng tác quý giá của tất cả những người yêu văn chương, người viết lẫn người đọc, cho công việc hữu ích và cần thiết này.

Văn Học

Vì máy computer của tòa soạn bị hỏng bất ngờ, làm mất hết những bài dự tính ra số này, trong đó có bài "Trường hợp Trần Đức Thảo" của Đặng Phùng Quân, nên Văn Học số này ra trễ một tuần, lại thiếu những bài đã dự tính đi số này như bài kỳ 2 của Đặng Phùng Quân. Trân trọng cáo lỗi cùng quý độc giả và tác giả.

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

cơn mộng du ba mươi năm

Sự kết hợp của tầng lớp lãnh đạo (được quen gọi là Đảng) và quần chúng, được đảng Cộng sản đề cao như là một tính chất căn bản làm nên sức mạnh của họ: "Nhân dân một lòng theo Đảng". Tuy nhiên sự kết hợp không phải trơn tru và bao trùm như nền văn chương phục vụ đã gợi nên.

Những cán bộ lớp đầu của đảng Cộng sản vào những năm 20, 30 và đầu 40 còn rất gần với bản chất và cuộc sống thôn quê - tất nhiên đậm nét truyền thống đến hồi tan rã ở Bắc và Bắc Trung bộ. Ông Trường Chinh, dòng dõi địa chủ và khoa bảng, trong thời kì trốn chạy đã giả dạng làm thầy lí, thầy hương và qua mặt được mật thám tỉnh thành, điều đó không có nghĩa là ông đã xuất thần nhập vai như đàn em tán dương mà chính là tự lề lối suy nghĩ, cung cách hoạt động của ông đã có dạng như thế. Tánh chất kì cục giúp ông trốn chạy khỏi kẻ thù thành phố sẽ vẫn tồn tại trong người ông, từng lúc từng lúc theo địa vị cao hơn mà phát lộ trong lời quát nạt những kẻ không đồng ý (như với nhóm Tân văn hóa) và trong việc sử dụng quyền uy ở vị thế tột đỉnh trong cải cách ruộng đất, thời kì áp dụng chủ thuyết maoít hợp với niềm say mê thán phục Mao Trạch Đông khi ông chọn biệt hiệu cho mình.

Như đã nói, tính chất mộng huyễn của macxít được các nhà lí thuyết thời ấy tiếp thu phát biểu với một chừng mực khoái cảm xuất thần trong kiểu nói huênh hoang nắm vững chân lí của họ mà ngày nay có người "tự phê" là đã có quan niệm ngây thơ về chủ nghĩa xã hội. Và hình ảnh của Đảng từ bên ngoài nhìn vào lại đậm nét thần bí hơn: ta gặp một nhân vật trong *Giông tố* (Vũ Trọng Phụng), ông già Hải Vân "cực tả" có dáng kì quái, khoáng đạt, biết cả thôi miên, từ hải ngoại về giải quyết gọn ghẽ ân thù rồi chờ tàu đi trong một đêm dông bão.

Ở một khu vực đặc biệt hơn -vùng Nam kì- thì tầng lớp trí thức cộng sản là địa chủ, ông làng hay con cháu địa chủ ông làng nằm trong không

khí hội kín Thiên địa hội, thâm nhiễm truyện Tàu vẫn không thoát khỏi vòng huyền bí và tạo được sự xuyên suốt với các tầng lớp bên dưới. Ông Trần Văn Giàu viết sách dạy triết học duy vật biện chứng đã dẫn Phong thần, Tây du thay cho Prométhée, cho hệ thống thần thoại Hi La của các nhà kinh điển phương Tây. Ngày nay ta vẫn còn gặp các biệt danh "anh Ba", "anh Năm", "chị Sáu"... trong hệ thống chính quyền -sử dụng trong hệ thống Đảng thường xuyên hơn-, đó là các thứ bực của Thiên địa hội, của băng đảng. Chúng ta gặp những người "tự động" thành cộng sản trước khi được tổ chức Đảng công nhận, và những người này lại kết tập theo liên hệ bà con thân thuộc, làng xóm láng giềng nông thôn. Ba tổ chức cộng sản riêng biệt xuất hiện trước khi được thống nhất chứng tỏ có sự gắn bó đối với ba vùng lớn của đất nước mà chính người bên trong cũng lấy làm hãnh diện: "Thằng cộng sản Nam kì nào cũng có máu du côn..." Cho nên khi Đảng giấu bớt cái vỏ tranh đấu giai cấp dữ tợn thì đúng là có một sự liên kết nhuần nhuyễn về mức độ sinh hoạt, tinh thần xuyên suốt từ những người cộng sản -bắt đầu ở các lãnh tụ- đến các tầng lớp dân chúng trong mức độ truyền thống cấp thấp ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc và được (...?) giữ mãi về sau vì hiệu quả của nó. Vì thế trong hình ảnh hư ảo của nhân vật Nguyễn Ái Quốc, các ông già mới nhìn thấy mất vị chủ tịch nước có hai con ngươi. Còn ở Nam bộ, hình ông chủ tịch nước phải được "thỉnh", lại phải là hình cười, nghĩa là có giá trị của một loại bùa phát tài phát lộc.

Viễn ảnh độc lập nâng cao giá trị cho loại tin tưởng này và xa hơn nữa thì có một thiên đường hạ giới Liên Xô được người Cộng sản cho xâm nhập vào dân chúng như một chọn lựa ưu việt và nhất là, không có đường lối nào khác. "Thử chỉ ra xem, có chế độ nào hơn chế độ xã hội chủ nghĩa nào?", người bộ đội bình thường năm 1975 đã dạy cho một người Sài Gòn như thế.

Bước kết hợp hai mục tiêu: độc lập và chủ nghĩa xã hội được lèn vào đầu óc dân chúng theo với trình tự Đảng củng cố chính quyền và thế giới cộng sản bành trướng trên các lục địa. Không thể có một tổ quốc Việt Nam khơi khơi mà phải là một tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nghĩ, làm trái với chủ nghĩa xã hội là phản bội tổ quốc. Ai không nhận điều đó thì phải ở bên kia ranh giới của sự dung thứ. Vấn đề còn lại của những kẻ đó chỉ là sự lanh chân hay chậm bước mà thôi. Cho nên giả như không có Trung Quốc thì vẫn phải có cuộc thanh trừng trên toàn quốc kiểu Stalin. Nhưng Mao đã thắng năm 1949 và hệ thống đồn

bót của Pháp ở đông bắc đã bị dẹp bỏ năm 1950 thì chủ nghĩa maoít vào Việt Nam không phải chỉ là sự đồng cảm văn hóa cùng chủ thuyết mà còn là cả sức đè của lực lượng vạu lí trường chinh. Có điều uy tín lãnh đạo dân tộc của người cộng sản không suy suyển đối với đại bộ phận của dân chúng bởi vì đã có sự phân biệt ý niệm dân tộc xã hội chủ nghĩa (phe ta) và dân tộc tư sản (phe địch) cùng với hiệu quả cầm quyền phối hợp khiến cho không ai có thể (và dám) dùng luận cứ chủ nghĩa thực dân kiểu mới áp dụng cho chính phủ Hồ Chí Minh được. Dù sao thì kết quả cũng là các chính sách giảm tô, giảm tức, cải cách ruộng đất, phong trào chỉnh huấn... kiểu Mao được thi hành với sự triệt hạ một lớp người có liên hệ với thế giới văn minh Tây phương và sự nổi lên của một tầng lớp Chí Phèo, Thị Nở được tung hô. Đám trí thức, văn nghệ sĩ thành phố mắc vào quá khứ phải ngậm ngùi cởi lốt, lúng túng tán tụng quan điểm Giai cấp để cứu lấy thân, không đủ sản xuất ra một Bạch mao nữ nội hóa để phục vụ mà chỉ đi theo chứng kiến các cuộc đấu tố để tự răn đe. Cửa bên ngoài đã đóng vì chiến tranh, kẻ nội thù vốn có liên hệ bên ngoài về mặt tư tưởng đã bị dẹp bỏ, từ đây chỉ còn có một truyền thống áo vải chân đất cụ thể, và những thần tượng mới.

Trình độ thấp xuống nhưng hiện thân của lí tưởng đã được kéo gần lại, hấp dẫn hơn thời Pháp thuộc. Chiến tranh mịt mù khói lửa chẳng ai biết Liên Xô là đâu nhưng tiểu thuyết Liên Xô đã được dịch trong đó vị Chủ tịch bỏ công chuyển ngữ quyển Tỉnh ủy bí mật quyến rũ với một không khí ẩn khuất hào hùng. Với người dân thường, sự sung túc của Liên Xô thấy rõ qua lời đồn, đại loại con bò Liên Xô có cái vú chu vi đến bốn mét. Và cụ thể hơn là với phương pháp cấy nhau Philatov thần kì chữa đủ bá bệnh phổ biến đến tận chiến khu Nam bộ, hấp dẫn đến cả người "trong thành" lặn lội tìm vào. Nhà khoa học đâm ra có dáng ông thầy pháp, ông đạo, giải thích chuyên môn bằng công thức khoa học nhưng hành nghề trong không khí thần bí! Gần hơn nữa là nước Trung Hoa vĩ đại đối với ta như môi với răng thì người cán bộ lớp chỉnh huấn bảo rằng chẳng có một hãng tư bản nào của Anh đủ khả năng mua số lượng lông heo của thương nghiệp Tàu thu nhặt trong một năm.

Loại chuyện này sẽ dần dần chuyển về đề tài đất nước dân tộc theo kiểu "liên hệ" xây dựng tinh thần tự tôn dân tộc, để nói đến rừng vàng biển bạc lặp lại lời lãnh tụ chuẩn bị ngày khai phá, đánh bắt... Cứ theo đà đó, hễ cứ phát hiện một từ ngữ nào, sự kiện nào mới đến tai là chộp lấy và khai triển: như dầu lửa Trung Đông đối với dầu lửa Việt Nam

chỉ là con tem dán lên mông con voi! Sự biến dạng của lối co rút tự tôn này sau 1975 sẽ là một thứ tự tôn địa phương che không kín sự hổ thẹn tự ti: mỏ dầu (?) ở Thái Bình một thời được đăng hình bốc cháy trên tờ Nhân dân, mỏ dầu ấy ở độ sâu 20m có xăng máy bay, là quý vô cùng nên được để dành, và trước hết hãy xài dầu ở biển Đông phía Nam, ít hơn, xấu hơn!

Tất cả đều có vẻ khôi hài đối với người đứng ngoài, đối với người tỉnh giấc sau này. Cơn mê của dân tộc là kết quả điều kiện hóa quần chúng của một chính đảng, áp dụng đồng loạt, không thắc mắc, các biện pháp của một chính quyền công khai và những cách thức giang hồ của hội kín như đã thấy và đã được nói đến nhiều trong các bước của tiến trình cải cách ruộng đất ở Bắc bộ, các vùng Trung bộ yếu hơn và còn nằm trong dự tính ở Nam bộ. Chính quyền làm nhiệm vụ lá chắn cho các hoạt động mà ngày thường có thể gọi là "bạo loạn", cho nên đất nước trở thành tràn ngập một không khí hội kín khủng bố len lách vào tận tâm hồn của người dân - và cả đảng viên. Trường hợp ở đây, với hệ thống tư tưởng maoít có bần cố nông là nòng cốt thì hội kín có thể nói là mang tính cách quần chúng phương Đông. Từ đó nảy sinh sự chấp nhận các huyền thoại mới lồng vào huyền thoại cũ, không phải chỉ ở tầng cấp thấp mà còn ở các cán bộ trung cao cấp.

D. Pike đưa chứng dẫn, nhận ra rằng những điều Đảng dạy dỗ cho lớp người nối tiếp về "tính cách Hồ Chí Minh", về sự tài ba của Đảng có mang tính chất huyền thoại, nhưng ông lại coi đó là một sự gian lận không cần thiết bởi vì chiến thắng đối với Pháp (và đối với Mĩ - Việt Nam Cộng Hòa, thời Pike viết sách) đúng là do tài tổ chức sắc bén của Đảng, không thể phủ nhận được. Ông không thấy rằng các bài báo-sử chính do Tổ chức tạo nên đó đã góp phần cho sự thành công liên tiếp bởi vì nó kết tập thành một hệ thống thần thoại có đầu có đuôi, ràng rịt che lấp những yếu kém, điều chỉnh sự lừng khừng của người nghe, khuyến dụ tương lai với những người thần phục và đàn áp tận trong tâm tưởng những kẻ phản đối.

Hãy nghĩ, nếu cứ nói như một học giả là anh thanh niên Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn như bất cứ người xuôi Nam nào khác lúc đó đi tìm sinh kế, hay đi thăm ông cha đang lưu lạc ở đấy rồi trong vòng quen biết được đưa đẩy đi Tây, thì hẳn không có cái huyền thoại "Ra đi tìm đường cứu nước" được hiểu là đã xuất hiện ngay từ đầu ở đất Nghệ. Nói như thế thì sẽ không có tên Thành phố Hồ Chí Minh, và cái trụ sở

của Messageries Maritimes kia hẳn đã bị đập phá hay để cho tàn tạ chứ không phải là một ngôi đền của thời đại mới mà Đảng cố tìm cách cho trở thành linh thiêng nơi một vùng đất người ta lo ăn nhậu, kinh doanh, không cuồng nhiệt lắm với ông Chủ tịch. Nhắc đến chuyện làm việc dưới quyền Borodin hay Noulens thì có hại đến vị thế tối cao của lãnh tụ. Cả đến việc ông lãnh tụ không có gia đình chẳng chịt với huyền thoại con người vượt thường, mãi đến năm 1990 được công khai ở báo trung ương mà còn mang hệ lụy cho tờ báo của Thành phố - lỗi ở việc gợi ý bàn thêm (vượt quyền) có thể gây tác động cho thế hệ trẻ. Phải có những từ ngữ loại "đi xa" chứ không phải là "chết" với cái xác trái với di chúc nằm đó mới có thể giữ được thần tượng để ổn cố nội bộ, tiếp tục cuộc chiến và về sau còn có thể sử dụng "tư tưởng Hồ Chí Minh" vốn không có gì đặc sắc lắm để làm việc níu kéo chủ nghĩa xã hội một thời thống soái nay đã tan rã ngay từ cội gốc. Phải có huyền thoại người lính lấy thân chèn pháo mới xây dựng và nâng cao tinh thần chiến đấu lên đến mức nếu rủi ro có trường hợp "anh hùng" Nguyễn Văn Bé được ca tụng lỡ đà cũng không hại gì cho sức dâng ồ ạt của những con người hăng say. Sức mạnh "cả vú lấp miệng em" do đó được nâng cấp, dữ dằn, chặt chịa hơn.

Không nên quên tính chất ma thuật của ngôn từ văn chương tác động trên dân chúng. Trong quá khứ, văn chương dã châm ngòi bạo loạn ở những sấm kí, thơ khẩu khí, và văn chương nằm trong các bài hịch biện minh cho những cuộc tiến quân, những lần cướp chính quyền thành công. Nhưng đám nho sĩ cũ dù phục vụ cho chính quyền, đến khi muốn phản đối có "lui về ở ẩn" vẫn còn ruộng để cày ra lúa gạo nuôi thân xác. Đằng này, đám trí thức lớn nhỏ của chế độ mới bắt buộc phải tách rời mối nguy đe dọa thân xác có tên là địa chủ và tư sản, phải né tránh là đối tượng triệt hạ của giai đoạn cách mạng maoít: "Trí phú địa hào, đào tận gốc, trốc tận rễ". Họ lại không còn một cơ sở cung ứng tài chính nào để bảo đảm tự do tối thiểu của mình nên dành làm công nhân viên chức lãnh lương, chịu chế độ tem phiếu canh chừng bữa ăn hằng ngày, mà trên ngôn từ của chủ trương chính sách thì được gọi là "trí thức xã hội chủ nghĩa, con em công nông". Một số ít được xếp vào hàng ngũ nomenklatura để biểu diễn với thế giới, hưởng thụ có khi chỉ là một chút gì đó không nhiều gì lắm nhưng cũng đủ cho đàn em, những người của thế hệ kế tiếp suy nghĩ mà đầu tư cho những ngày già của mình.

Sự nồng nhiệt hăng say được sự sợ hãi thúc đẩy, sự mơn trớn của

Đảng che lấp được nỗi tủi nhục, thế là từ đó khả năng từ chương rổn rảng của ngàn xưa nổi lên vang vang trong tiếng nhạc, trong âm điệu thi ca, hùng hồn trong các luận thuyết, nghiên cứu đầy giọng căm thù. Vai trò thiết yếu của khía cạnh thông tin tuyên truyền khiến người ta đưa các chuyên viên, văn nghệ sĩ ra chiến trường càng lúc càng nhiều, càng nhặt qua những giai đoạn chiến tranh tiếp nối và ngược lại. Đảng được phục vụ hết mình. Không nên lấy làm lạ khi ông Trần Đức Thảo bỏ cả tương lai trên đất của thực dân đế quốc trở về (1952) phục vụ dân tộc lại mất khí thế kiến thức, chỉ được phô bày trong mức độ cho phép để phục vụ Đảng: viết sách triết học cao cấp in ở bên ngoài cho người ta tưởng là Đảng trân trọng người tài, còn trong nước thì "tự nguyện" nói như ở nghị quyết, xã luận báo Nhân Dân và muốn phát biểu với một mức độ cao hơn thường thức thì lại viện dẫn đến kinh điển, lãnh tụ còn nhiều hơn người khác nhờ thói quen dọc sách nhiều hơn. Sau cải cách ruộng đất, quyền lực của Đảng bao trùm đến tuyệt đối. Đợt sửa sai với những dao động không làm sứt mẻ quyền lực ấy mà còn củng cố thêm. Bởi vì người cầm đầu đã khôn ngoan hiểu rõ câu: "Già néo đứt dây" -hay là dùng từ mới: "lùi một bước..."- và họ đem áp dụng không phải sợ động chạm đến quyền lực mà là để bảo đảm quyền lực lâu dài.

Vụ Nhân Văn (1956) không thể đóng vai trò nguy hiểm. Đây là thời kì "cởi trói" ngắn ngủi trước khi có tên đó sau 1986 với những nét dị biệt về hậu quả chỉ vì thế giới đổi thay. Thời kì hậu Stalin ở Liên Xô, Trăm hoa đua nở ở Trung Quốc là yếu tố bên ngoài; sự tiếp quản Hà Nội và một số thành phố dù sao cũng còn nếp sống khoáng đạt và chưa có thói quen sợ chính quyền đến tận ngõ ngách là yếu tố bên trong để các nhà trí thức và văn nghệ sĩ ra đi từ 1946 có thời cơ và quần chúng. Nhưng Đảng đã có một bộ máy siết chặt tuyệt vời cùng lúc với cánh cửa ngăn cách với thế giới bên ngoài đóng sập xuống sau ba trăm ngày tập kết (1955) nhốt một đám ngụy dân mới đây còn hồ hởi đón chào Bác nhiều hơn Đảng mà không biết rằng Đảng đã Mao hóa và Bác chỉ đóng vai thần tượng không còn nắm tình thế trong tay nữa. Cuộc nổi dậy ở Quỳnh Lưu (11-56) riêng biệt trong phạm vi tín đồ Công giáo chỉ là một cuộc thanh trừng về phía chính quyền mới, một hồi di cư chậm bước làm sạch sẽ hàng ngũ miền Bắc hơn.

Sự cương cường chống đối bị dẹp tan, người dân trở lại ngoan ngoãn hơn bao giờ hết. Vài giọt nước mắt ân hận của vị cha già dân tộc không gây ra ý tưởng đòi hỏi một trách nhiệm pháp lí nào của "sai lầm" mà

là xuê xoa cho những người nuốt nhục nhớ đến lời tục "Chờ được vạ thì má đã sưng" -với thời mới thì: thân xác đã rã... Đảng đủ mạnh để đề ra chủ trương miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và miền Nam làm nhiệm vụ cách mạng dân tộc- nghĩa là nổi dậy với một chủ trương cài người chặt chẽ như mớ than bùn ngún cháy dưới tán rừng U Minh. Dân chúng hai miền Nam Bắc nhìn nhau bằng hình bóng ảo ảnh của nhau, hoặc dưới sự dắt dẫn của Đảng hoặc theo đà mơ ước riêng tư trong đó có sự tự mình đánh lừa dần dà thành lí tưởng thiết thân hay để đánh lừa người khác. Dù có phản ứng gì mặc kệ, miền Bắc vẫn rập khuôn theo chủ nghĩa Mao tuy rằng sau vài năm bắt đầu thập niên 60 người ta có thêm phần sức nặng về đường hướng dân tộc để uhằm chiến thắng. Quan điểm nông dân của một vùng châu thổ quanh uăm không đủ ăn với kiến thức nhồi nhét về ông tổ Hùng trên vùng cận sơn khiến Đảng chăm chắm nhìn vào đồng bằng Cửu Long màu mỡ, không quan tâm -có thể là không biết nữa- đến vùng hải đảo rộng lớn trước sức ép của người bạn vĩ đại. Giá như tổng tuyển cử 1956 thực hiện được, Đảng chắc chắn sẽ chiếm được miền Nam và trò đấu tố sẽ diễn ra khắp nước mà một lần biểu diễn cuối cùng phối hợp với đà chiến thắng thu chiến lợi phẩm muộn là vụ đánh tư sản miền Nam 1977-78 theo kiểu bần cố nông, chỉ đạo bởi ông cựu thợ sơn Đỗ Mười.

Dù sao thì sau 1955 Đảng cũng đã nắm quyền nửa nước với thủ đô, với đại sứ các nơi nên không chỉ có chuyện tuyên truyền theo lối hò vè cổ động mà còn phải lập thuyết điều chỉnh cho hợp sách lược đề ra. Phải tìm cơ sở lịch sử cho tập hợp chữ mới: tổ quốc - xã hội chủ nghĩa. Chữ tổ quốc có âm vang tình cảm giúp nuốt trôi ý niệm xã hội chủ nghĩa khó chấp nhận hơn nhưng lại là mục đích thực sự, tột cùng của Đảng. Quan niệm truyền thống vốn chỉ quen nhìn giá trị đất nước, dân tộc theo độ dài thời gain, với định kiến về một thời hoàng kim trong quá khứ nhưng với thời đại khoa học thì cần phải chứng minh, và chứng minh cho bằng được. Lãnh tụ đã nói: "Các vua Hùng dã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước" thì các nhà sử học phải vẽ cho ra vua Hùng, các nhà khảo cổ học phải đào bới, cưỡng ép các lớp đất chứng minh một thời trước đó hàng vạn năm để vua Hùng tăng tuổi thọ ngược thời gian. Niềm say sưa mê mẩn tìm bằng cớ lây lan sang một ông thầy Tàu (hay nói theo ông Viện trưởng Phạm Huy Thông 1969: một học giả nước ngoài) đem thẻ ngọc An Dương dâng lên vị cha già kính yêu và được

lớp học giả nội địa xúm vào tán tụng cho đó là bằng cớ vật chất của thời Cổ Loa.

Nhưng vua Hùng được chứng minh không phải là để cho vua Hùng. Lịch sử nước Việt được dẫn giải có hai giai đoạn vẻ vang mà rốt lại chỉ có một là ở tột đỉnh: lịch sử từ thời thành lập Đảng, vì lịch sử các vua Hùng có thân xác là nhờ Đảng. Thứ lịch sử huyền thoại thời nay mà D. Pike thấy rõ là dành cho thanh niên, nhắm vào miền Nam, rồi nhờ Đảng được kéo dài đến nhiều thiên niên kỉ trước công nguyên. Lịch sử đang xảy ra trước mắt biến thành huyền thoại, còn huyền thoại trong quá khứ lại khoác áo khoa học hiện hình qua trống đồng búa đá: lớp lãnh tụ hãnh diện với công lao dắt dẫn, đào tạo trí thức và lớp trí thức theo đó được hãnh diện góp phần phục vụ chủ nghĩa xã hội. Một dáng dấp khoa học như thế đã mang lại ảnh hưởng không nhỏ.

Cùng với đà chiến thắng và sự tự tín "khoa học" đó đã nổi lên một thứ tư tưởng "Việt Nam trung tâm" rất nghiêm túc: tính ưu việt của Việt Nam là đương nhiên, ắt cả lời lãnh tụ dặn dò "Chớ coi Việt Nam là nhất nhé!" Nhưng chính con đường dắt dẫn của lãnh tụ tất yếu đi đến đó mà! Con đường đã vạch, tại sao không đi? Con đường khai thác lòng tự tôn đến mức độ tối tăm, thấy ở cả mọi tầng lớp, trở thành một nếp sống, ngăn chặn mọi tiến bộ để chỉ còn những quanh quẩn thần bí: cán bộ giải thích việc các công ti ngoại quốc đề nghị ngăn chặn tác hại môi sinh của các nhà máy dân chủ cộng hòa mới thành lập, là "trong nước thải, trong ống khói nhà máy ta có thứ quý báu vô chừng mà bọn tư bản quỷ quyệt muốn lấy đi về làm giàu cho họ!" Cũng cái đầu óc lãnh đạo hợm hĩnh trong cơn mơ ấy, đi vào lãnh đạo một địa phương miền Nam sau này đã từ chối một công ti xin làm giùm một con đường - công ti này chỉ muốn "làm ơn" để nhân tiện chuyển đưa máy móc của họ dễ dàng hơn mà thôi!

Cường độ chiến tranh càng cao thì văn nghệ sĩ càng có đà cao tiếng phục vụ. Ngôn từ văn chương nhuần nhuyễn đã là đặc tính của miền Bắc, nay thì đường lối đề tài đã có Đảng lo, văn nghệ sĩ chỉ lo gọt giũa câu với lòng đầy tự tin của tông đồ chuyển phát chân lí. Tất nhiên nếu có những ngây ngô trong phát biểu, những vụng dại trong trình bày thì mục đích phục vụ đúng đã là điều kiện bào chữa cho tất cả. Có một thời quanh các năm 50, người ta bắt các thi sĩ làm ca dao, hò vè hay viết văn cho nông dân hiểu theo lời dặn của Hồ Chủ tịch, còn ca dao cũ thì phải giải thích sao cho hợp với thời Bần cố, như ông Vũ Ngọc Phan đã làm,

và sẽ hối hận. Dần dần thấy hiệu quả ma thuật của chữ nghĩa cao cấp cũng có thể phục vụ chế độ mới, đem cho chế độ dáng dấp trí thức hơn, nên ông Chế Lan Viên của thời Vàng Sao nay được phép làm thơ triết lí biện minh (đại khái) rằng "văn nghệ sĩ phải chịu sự lãnh đạo của Đảng cũng như chiếc hỏa tiễn đi vào vũ trụ kia phải được điều khiển bởi cả một bộ máy tinh vi". Dù ở mức độ được gọi là cao cấp, người ta vẫn cứ uốn nắn luận cứ cho giản dị để tin tưởng càng vững chắc, để thúc đẩy con người hành động mạnh mẽ hơn.

Cuộc chiến từ 1964 tràn ra miền Bắc thực ra cũng làm rạn nứt hệ thống xã hội chủ nghĩa công xã vừa tạo dựng nên - tương tự như cuộc chiến 1978-79 của một chính quyền xã hội chủ nghĩa được coi là chính thống đang canh chừng đám xét lại Nam Tư ở miền Nam, sẽ nới lỏng sự kềm kẹp khiến cho bọn ngụy dân cũng được hưởng lây một chút dễ thở. Những đòi hỏi tiếp thu kĩ thuật cao do chiến tranh bắt buộc cho phép ngóc đầu dậy đám con cháu nhà khá giả cũ vì những người của Giai cấp không thắng nổi sức ì của quá khứ để đổi thay kịp thời. Cùng lúc, dạng hình của những ngày kháng chiến trước kia giải tỏa được một phần nỗi nhục nhằn nô lệ tư tưởng của đám trí thức cũ mới, thực ra thì như đã nói, không có quyền hành gì, chùm lấp trong chế độ tem phiếu, nhưng vẫn còn bám chút tự tôn của dân khoa bảng, chữ nghĩa.

*

Mục tiêu xã hội chủ nghĩa (lí tưởng) đồng thời với sự đề cao tinh thần dân tộc ở Miền Bắc được sự bưng bít của chế độ và nhờ tình hình chiến tranh đã khiến tạo ra một sự hấp dẫn từ miền Nam và thế giới. Một phần với định kiến gạt hẳn những điều nói trái lại, đây là cách nhìn một nửa chăm chú riêng về điều tốt của miền Bắc. Trong cuộc đấu một mất một còn mà một bên thì nhất quyết mình là thành phần ưu việt không có sai sót nào và sử dụng đủ mọi cách để đạt được mục đích, còn một bên thì nhìn nhận cái tốt cái xấu, lẽ tất uhiên cũng giành lấy phần tốt về mình, nhưng mục tiêu như thế đã trở thành tinh tế xa vời; cuộc đấu như thế có căn bản là sự suy yếu tinh thần dẫn đến cung cách điều hành không hoàn hảo -kém cỏi nữa- khiến sự thua thiệt về bên nào đã thấy rõ. Quan điểm "trọng chân lí" này đến nay vẫn được người Cộng sản lợi dụng có hiệu quả.

Thế giới nhìn vào miền Bắc qua sự hấp dẫn của chiến tranh, của chiến thắng bên phía đó và với một sự ưu ái về hình ảnh chủ nghĩa dân tộc nghĩ theo kiểu của mình, lạc hậu so với quan niệm dân tộc, tổ quốc

xã hội chủ nghĩa của Hà Nội đã khuôn nắn và thúc đẩy đi tới. Người ta không thấy ở đó truyền thống đã bị biến dạng theo hướng nội chuyển nên tuy vẫn còn dáng hình truyền thống nhưng lại thiên về những đặc tính mà giá là ở phía đối phương thì sẽ bị coi là "tiêu cực" xấu xa. Sự khác biệt và cách biệt giữa lí tưởng và thực tế đẩy mạnh tính dối trá có tên ở văn học là hiện thực xã hội chủ nghĩa. Sự khác biệt kia còn làm đậm nét lối sống hai mặt mà với một tình thế không căng thẳng, không va chạm đến sinh mệnh thì có tên là sự tinh tế, tế nhị, khéo léo. Lí tưởng gặp khó khăn, có người khăng khăng theo lời dặn của Lenin "bám chặt vào chiếc xe nơi khúc quanh bỏ mặc kẻ thiếu kiên trì văng ra ngoài", biến lí tưởng thành cuồng tưởng, ép người khác phải theo. Do đó tự nguyện và cưỡng bức quyện với nhau, dối trá trở thành nếp sống và với nhu cầu tồn tại của Đảng, nó được thể chế hóa. Dối trá khôug phải chỉ là bệnh tật của cá nhân mà là của tổ chức lãnh đạo, của cơ quan công quyền, Nhà nước.

Sự thông tin tràn lan, không thể nào kiểm soát được của thế giới tự do chứng tỏ chỉ giúp được cho phía bên kia sử dụng thông tin có chọn lọc, được sự phụ giúp tiêu cực của một trình độ phổ biến kĩ thuật thấp kém. Một quan niệm dân chủ tư sản về tổ chức chính quyền vốn đã có hiệu quả yếu ớt ngay ở Tây phương, đem thực hiện ở Miền Nam -ít ra là ở chừng mực nguyên tắc chung đã chặn tay chính quyền một phần- quan niệm đó chỉ dẫn đến sự hỗn loạn ở một nơi hỗn loạn sẵn. Và sự hỗn loạn nào cũng dẫn đến mơ ước bình yên. Một khi đã có một chủ thuyết định xây dựng tương lai hòa bình tốt đẹp cho nhân loại thì người ta không ngờ vực gì trong chọn lựa nữa. Người cộng sản quốc tế đã khai thác các phong trào hòa bình như một vũ khí thật sự, và kiến hiệu. Ngay trên đất nước Việt Nam đã có một thành phần của nhân loại tự xưng là tranh đấu cho hòa bình, đồng thời đem lại bình yên cho đất nước loạn lạc, lẽ tự nhiên các phong trào hòa bình phải hướng về miền Bắc, không ít thì nhiều, không biết rằng ở đấy hòa bình là phương tiện để chiến thắng, còn ở đây, với họ hòa bình là bình yên, yên thân, là thời trang ca hát, kể cả là lí tưởng khơi khơi...

Miền Nam với danh hiệu cũng là Việt Nam, được đối chiếu với miền Bắc như là Ác đối với Thiện, Vô hình dạng đối với Hoàn hảo. Một thứ ưu ái thiên lệch đến độ tức cười. Và dẫn đến những hành động vào lúc khác thấy là quá khôi hài. Có thể nói đến một sự mê tín truyền thống, mê tín về miền Bắc ngay ở miền Nam với những mức độ khác nhau ở

những tầng lớp khác nhau, về một khuôn mẫu tốt đẹp của dân tộc và thế giới trong sự kích thích hào hùng của chiến tranh. Và như thế cũng có thể nói là đúng đến sự kiện toàn dân đánh Mĩ.

Sự tồn tại của miền Nam nằm trong vòng tay của chế độ tư bản mà lại không có sự kết tập đảng phái, quần chúng của nền dân chủ tư sản tự do. Đảng phái "tư sản" suy yếu từ gốc: ngoài tính chất cá nhân lãnh tụ còn là sự yếu kém của quần chúng thị dân vốn gốc gác nông dân mà biến loạn chiến tranh dồn về đô thị càng làm tăng chất lượng nông dân của thành phố. Các đảng phái di cư nhiều năng động nhưng lại khó xâm nhập vào quần chúng ở miền Nam vốn là của các tôn giáo. Mà các tổ chức này thì lại không thích hợp với đời sống chính trị mới, cả về quan điểm lẫn trình độ. Công giáo có điều kiện quốc tế để thích ứng hơn, nhưng nói chung các tôn giáo chưa qua khỏi mức độ của những khối áp lực, dù là có tầm vóc. Những cố gắng muộn màng từ vụ Phật giáo (1963) chưa kịp cho các tôn giáo dấn thân vào đời sống chính trị vững vàng hơn. Các phong trào, đảng phái có nền tảng là của một tôn giáo có đời sống hết sức mờ nhạt, hoặc chỉ xuất hiện cấp thời. Rốt lại chỉ làm rối loạn tăng thêm.

Quan niệm chính trị dân chủ tư sản cũng chỉ xuất hiện trong chừng mực có lợi cho người chống đối. Và ở trường hợp này thì kẻ quá khích thâu lợi nhiều hơn cả. Hệ thống chính quyền song hành mà người cộng sản đã thiết lập được nắm giữ việc điều chỉnh bằng những biện pháp không dành cho sự nương tay. Thấy có tác hại là có trừ khử: nhà báo Từ Chung với kiến thức đại học cao cấp và lập trường chống cộng, ông Viện trưởng Nguyễn Văn Bông có thể đổi bộ mặt quân phiệt của các tướng lãnh... Các trí thức khác hoặc co rút, hoặc có phần muốn như tầng lớp mình ở miền Bắc, đã xông vào các phong trào chống đối chính quyền trong guồng máy pháp lí mà họ hưởng thụ để bày tỏ lòng dấn thân cho đất nước. Tuy nhiên những điều họ đòi hỏi chỉ là những thứ của nền dân chủ tư sản mà thôi; tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do lập hội, đảng... là các thứ tự do không được đặt thành vấn đề nữa ở phía người ta ngưỡng vọng, ở đó quyền bính đã về tay "nhân dân", nghĩa là vấn đề đã giải quyết xong xuôi cả rồi. Vấn đề nhà nước pháp quyền được miền Bắc quan niệm giản dị đến mức cơ quan trung ương chỉ có một Ban pháp lí, và mãi đến sau thống nhất, trong thập niên 80 mới có chức chưởng Bộ, vì thế cơ sở II của họ ở Thành phố Hồ Chí Minh phải ở trong một ngõ

hẻm trong lúc cơ sở II của các Bộ khác đều có nhà cửa bề thế vì chiếm ngay các bộ cũ của Sài Gòn.

Vì thiếu tính pháp lí nên trong ngôn từ thường dùng đã nảy sinh ra câu nói tự khen "Giải quyết có lí có tình", thực ra thì chỉ là cái lí cái tình thấy trước mắt đem ra xuê xoa cho đỡ rắc rối. Loại tâm lí sàn sàn như thế dễ mở ra đón những lời tuyên truyền giản dị về tình tự dân tộc. Trong lúc đó ý niệm về tình tự dân tộc của tầng lớp trên ở miền Nam vào thời gian trước, sau 1945 lại có phần là kết tụ mặc cảm của thời ngoại thuộc. Định kiến không xê dịch vì họ không phải sống dưới chế độ cộng sản để "thấy" khác đi và chịu hệ lụy của thời cải cách nơi đó; họ vẫn tiếp tục sống dưới một chế độ nối tiếp khuôn khổ Tây phương nên không địa vị xã hội có sẵn, vẫn thấy mình còn quan trọng để to tiếng đòi hỏi mà không chịu rủi ro nhiều lắm.

Có một thứ mặc cảm ở cấp thấp hơn là của những kẻ không phải ở đất gốc, xa rời đất gốc, vốn gắn liền với quan niệm truyền thống mang tính xóm làng, dòng máu, chủng tộc. Họ xa lạ với một quan niệm về một đất nước phức tạp, một thời đại phức tạp mà đúng ra giáo dục mới phải giúp họ có một nhận định phóng khoáng hơn. Câu thơ của người chiến sĩ nghệ sĩ Huỳnh Văn Nghệ từ 1946 vẫn ở trong tâm tưởng của nhiều người - cả nồng nhiệt lẫn gượng ép:

Từ lúc mang gươm đi mở cõi
Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long!

Vì thế trong lúc giới sử học Miền Bắc quảng cáo khoa học về thời Hùng Vương thì ở miền Nam đã có một nhóm lấy họ Lạc đăng đàn diễn thuyết được cả chính quyền văn hóa yểm trợ, nói về cái trống đồng có kiến giải về nguyên tử - gần lúc với một nhà nghiên cứu Hà Nội nói rằng thiên cầu đã được người xưa vẽ trên trống đồng Hoàng Hạ, một trống đồng được đánh giá thuộc loại xưa nhất! Cũng phải nghĩ rằng cuộc đổ quân ào ạt của Mĩ đã đem lại sự tiếp xúc trực tiếp nhanh chóng với kĩ thuật tối tân, với sinh hoạt mới nhất của thế giới làm biến đổi mạnh mẽ xã hội Miền Nam -có thể nói là đột biến so với lúc người Pháp hiện diện- và khiến nảy sinh những phản ứng luyến tiếc thời xưa, những tập họp bảo vệ truyền thống dẫn đến các cuộc biểu tình chống đối chính quyền và hướng về một khẩu hiệu dân tộc và truyền thống không như những người phản đối ở Sài Gòn vọng tưởng.

Tầng lớp nghiên cứu giảng dạy cũng bị lôi cuốn vào cơn mê hoặc về nguồn đó. Lôi cuốn bằng áp lực sinh viên qua những cuộc biểu tình

-như ở Đại học Mĩ- bằng chính bản thân thiên tả, "tìm về dân tộc" của nhóm Công giáo "thức tỉnh" hay đón gió để may ra cứu vãn được gì có thể cứu được. Thực ra thì trí thức Việt Nam ở đâu cũng chẳng có tiếng nói quan trọng nhưng ở miền Nam, nhờ cơ cấu xã hội dù muốn cũng không đủ sức kềm kẹp chặt chẽ và cũng còn dành một chân đứng cho họ nên lời nói và hành động của họ cũng được chú ý tới, nhất là khi với sự lo toan của bản thân, họ chịu khó lệch một ít về phía đám quần chúng ùn ùn chỉ nghe theo duy nhất một tiếng nói của xúc cảm được điều kiện hóa.

Miền Nam cũng là cái cầu rộng đi ra thế giới tư bản và được bên ngoài -phần đáng chú ý là Việt kiều- hướng về Hà Nội trong ảo giác mà không phải bỡ ngỡ. Điều này đã xảy ra trong cuộc chiến tranh trước. Trong tâm tư thì họ hướng về Hà Nội nhưng trong sinh hoạt thì họ chọn Sài Gòn như đã chứng tỏ trong nhiều lần khuất lấp, và rõ rệt là chính phủ Ngô Đình Diệm chỉ đẩy được có ba người của Phong trào Bảo vệ Hòa bình năm 1954 ra Bắc, ở đấy hai người im hơi lặng tiếng, một người "tiến bộ" kịp thời để trở thành một quan chức lãnh đạo nghiên cứu, quên cả nền tảng kiến thức đã giúp ông trở thành người hùng trí thức Paris Sài Gòn. Những người còn lại của Phong trào "tự nguyện" tranh đấu trong lòng địch, ra đi chỉ vì bị đưa đẩy như trường hợp ông Nguyễn Hữu Thọ được đánh tháo đem về làm một ông Bảo Đại ngược năm 1960 và muộn hơn, ông Trịnh Đình Thảo cùng bà vợ cứ tưởng "trong khu" có khách sạn để yên nghỉ (!) qua lời thuật lại có tính cách bao dung kênh kiệu của người phụ trách đưa họ đi năm 1968. Có thể kể thêm bà Ngô Bá Thành, giá như không có chiến thắng 1975 thì cũng vẫn đang hô hào "phụ nữ đòi quyền sống" tại Sài Gòn đầy bơ sữa, nơi bà dạy đại học chứ nhất định không về sinh quán Hà Nội vinh quang của bà.

Một tả phái ở các thành phố và các trường đại học Tây phương kết hợp với tình tự dân tộc được đẩy cao độ, nhờ sự sôi sục bày tỏ chính kiến tương đối tự do đã đưa đến những luận thuyết mang dáng dấp trí thức cao và những hành động anh hùng bốc đồng. Không kể đến "tòa án" Stockholm với triết gia B. Russell chứng tỏ lúc "tin" thì ai cũng như ai, đến những luận án chống đế quốc, thực dân có đủ biểu đồ, thống kê làm bằng cớ... nhưng lại xuất phát từ một vài luận đề chính trị thô sơ đã viết thành khẩu hiệu, ta gặp những cường điệu lịch sử tán rộng tung ra từ các "viện" ọp ẹp ở Hà Nội nói về phương thức sản xuất châu Á, phong kiến, về nông dân khởi nghĩa, về các anh hùng dân tộc, về

chế độ thực dân kiểu mới... không đưa lại phát hiện gì mới ngoài cái khuôn macxít và lối trau chuốt văn từ. Trong hành động, ta gặp những cuộc biểu tình phản chiến của du học sinh dẫn đến cú liều lĩnh thúc đẩy bởi thời trang không tặc của những người hùng khủng bố khiến anh Nguyễn Thái Bình định cướp máy bay bằng một túi chanh giả làm lựu đạn. Rồi dựa vào chân đứng quốc tế, hai nhà giáo Pháp treo cờ Mặt trận trước tòa nhà Quốc hội Sài Gòn.

Đó là những chặp hồi co giật trong cơn mê say lí tưởng, nhưng trong chuỗi thời gian thường nhật vẫn có những phút giây hồi hộp khích động mà không đe dọa mất tinh thần. Phối hợp trong ngoài, đám thanh niên miền Nam mới lớn trong thế hệ hậu Genève, cả con cháu người cầm quyền, hành động theo tâm tư tuổi trẻ của thế giới tư bản và vẫy vùng trong thế giới đó, đã làm công việc "quậy phá" miền Nam trong một không khí đầy hỉ nộ ái ố và không kém phần hấp dẫn huyền bí lên đến tột đỉnh với những vụ tự thiêu. Những cuộc biểu tình cút bắt với cảnh sát, đốt xe Mĩ trong tiếng reo hò ngoài đường lớn và cười khúc khích trong hẻm nhỏ, những đêm không ngủ ca hát vang lừng "nối vòng tay lớn" theo một niềm say mê về thống nhất trong yêu thương, bình đẳng xuống đường gặp gỡ giấc mơ hòa bình thời thượng ngươn của sư bà Trúc Lâm nương. Rồi ra ngoài bưng là những buổi học tập trùm đầu chừa hai con mắt như đảng KKK... Trong kẽ hở của một tổ chức xã hội lỏng lẻo, một chính quyền yếu kém, người thanh niên có điều kiện để giải tỏa sức hăng say của mình, nhập vào cơn mê cuồng tưởng của ý thức hệ giữa tiếng bom đạn ầm ĩ và những hình ảnh nhảy múa hốt hoảng của các kênh truyền hình. Cả một không gian quốc tế rộng lớn, những xã hội với trình độ phát triển không có ở miền Bắc, ở toàn thể khối "ưu việt" đã xông vào phục vụ Bác và Đảng bằng nhiệt tình hết mực tin vào lẽ phải của mình.

Quan điểm phục vụ quần chúng, hòa nhập với quần chúng, đẩy mạnh với chính sách "ba cùng" ở miền Bắc, có cơ sở tiềm ẩn từ căn bản những người thực hiện, đã kéo trình độ suy luận hạ thấp đồng thời với tin tưởng thần quyền được khuyến khích, biện minh. Khi được coi là đã có quan điểm lập trường đúng -nói nôm na là đã chọn được phe phía rồi- thì sự cả tin được đặt dồn về một phía chọn lựa, dành cho phía kia toàn thể những hoài nghi và khinh miệt. Cho nên cán bộ tuyên truyền gốc nông dân mang nhiệm vụ hấp dẫn tín đồ quần chúng không ngần ngại gì mà không lôi kéo người nghe đến góc độ thiên lệch nhất.

Và trong cơn đam mê thì những điều vô lí nhất vẫn có thể lọt vào lỗ tai được. Nếu còn có chút tỉnh trí thì áp lực của Đảng, của đoàn thể sẽ buộc người ta tự động im tiếng để cho người khác tuân phục.

Tính ưu việt là ở phía xã hội chủ nghĩa, ở miền Bắc thân yêu chứ không phải là phía đế quốc và tay sai, cho nên người cán bộ mới bảo nông dân Quảng Ngãi (1964) là xe tăng của địch chỉ bọc bằng carton. May mắn cho mấy ông già ở gần đường lộ có dịp vác cuốc gõ lên để kiểm chứng! Có lí hơn vì khó kiểm chứng hơn là chuyện các trực thăng Cán gáo chỉ thấy có khung sắt vì Mĩ thiếu kim loại và làm không kịp cho nhu cầu chiến trường nền chưa kịp hoàn chỉnh đã đem ra sử dụng. Ở một phía khác, chúng ta gặp ông đạo Dừa đem tin tưởng cargo-cult lồng vào thuyết vị lai của nhà Phật, hiện đại hóa bằng tư tưởng cộng tồn hòa bình, biểu diễn màn mèo chuột sống chung và chiếc thuyền bát nhã thống nhất thả neo trên cồn Phụng. Và đó không phải chỉ do lối suy nghĩ mê tín dị đoan của những con người "lạc hậu" đã khiến tín đồ đến năm 1990 còn giành giật với công an làm chết ông Đạo. Đã nói, có một căn bản tín ngưỡng bình dân mà người cộng sản cũng chia sẻ và được lí thuyết vô sản -hiểu theo nghĩa bần cùng- nâng cấp tự phụ, nuôi dưỡng trong tiềm thức với maoít. Cho nên người cán bộ cộng sản gần đây còn truyền tụng điều loan truyền rằng ngày trước đồng chí của họ đã chặt giáo chủ Hòa Hảo ra làm ba khúc chôn ba nơi trong tỉnh mới Long (Xuyên) Châu (Đốc) Sa (Đéc) vì sợ Huỳnh Phú Sổ sống lại! Và mỗi khi vừa chỉ trích thói mê tín dị đoan tàn dư của chế độ cũ nói theo sách vở, vừa muốn bảo vệ và phát triển chút tài sản do cưỡng đoạt hay xây dựng được, họ bị dân chúng ngụy xầm xì: "Không ai cúng vái nhiều hơn các ông bà cán bộ!"

Miền Nam, một xứ sở của tôn giáo phát triển -có phần tăng tiến vì phản ứng với cộng sản- đã tràn ngập muôn hình vạn trạng biểu hiện mà các tôn giáo cao cấp ngăn chặn, cố trì níu tín đồ để giữ trong vòng tín lí chính thống. Ở khu vực tinh thần này lại vang vọng tiếng gọi hòa bình của muôn thuở được sự hưởng ứng đúng của người dân trực tiếp hứng chịu bom đạn và do sự biếng lười của đám dân thành phố có an toàn tương đối. Và bằng những lời tuyên truyền dễ nghe, cụ thể cùng với sức mạnh quân sự, người cộng sản cũng dắt dẫn cho thấy một viễn tượng hòa bình không phải chỉ dừng lại với bom đạn im tiếng mà còn mở ra chân trời sáng rực có Đảng lãnh đạo. Có điều là tất cả đều còn ở về phía trước. Độc lập, thống nhất, xã hội chủ nghĩa là một tín điều, không có

vấn đề tranh cãi và là lá bùa giải quyết được tất cả. Không phải chỉ có chúng tôi biết được câu nói "Rồi đây sẽ không còn ai giàu ai nghèo, không còn người đạp xích lô..." của anh xích lô Sài Gòn còng lưng giữa bom dạn Tết Mậu Thân mà nhà đạo diễn Đặng Nhật Minh theo đoàn quân chiến thắng cũng được một người dân Đà Nẵng hỏi như thế hồi tháng 3-1975. Người ta tin ở một miền Bắc tuyệt vời và ngóng theo lời các cán bộ nằm vùng khuyến dụ đại loại như dân Tiền Giang hãy chờ hòa bình, miền Bắc sẽ đem vào cây cầu tiền chế vào thay bắc Mĩ Thuận, khỏi cần Nhật khảo sát đào đường hầm chui qua sông chẳng hạn.

Sức mạnh nào thì cũng là sức mạnh và đúng như Đảng nói ở nơi khác, vấn đề là phục vụ cho ai? Đảng đã nắm được sức mạnh, Đảng phục vụ dân tộc, xây dựng tương lai loài người. Trong vòng tâm tưởng của quần chúng, sức mạnh đó được nâng cấp lên bội phần. Có hướng dẫn, sức mạnh đó đưa đến những thành quả kinh dị với sức lôi cuốn gần như không có tính cách trần thế nữa, điều mà vào lúc quên tín điều khe khắt ngày thường, người ta sử dụng đến từ "thần thánh". Đảng Cộng Sản Việt Nam với một nhóm lãnh tụ của những năm 45 trong đà hăng say lí tưởng, có chính quyền để tăng niềm tin đẩy đến mức cuồng tưởng, đã dưa cả dân tộc đi vào cơn mộng du ba mươi năm khiến thế giới nghiêng mình bái phục nhưng thân xác dân tộc thì rã rời, chỉ còn một bộ phận huênh hoang gượng gạo với nhau để tiếp tục thu vén thành quả trên một bộ phận dân tộc.

Sau cơn mê là hồi loạng quạng. Niềm say men chiến thắng cũng lấp được một thời gian về thực trạng một chế độ thực dân nội biên Bắc Nam sau 30-4-1975. Lí tưởng, "chính nghĩa", chiến thắng, tất cả đã khiến cho tình trạng ấy trở thành đương nhiên, không phải tranh cãi. Với chiến thắng, người ta xử sự như kẻ chiếm đóng và với lí thuyết về cả chủ nghĩa lẫn dân tộc, người ta hủy tư cách làm dân, làm người của kẻ chiến bại. Các lãnh tụ bần cố nông -đúng hơn là bần cố nông hóa về mặt tâm tưởng- của Hà Nội ra sức chuyển vận tài sản theo đường Bắc tiến, nuôi sống đất nước theo một cung cách quản lí thấp kém đến nỗi dù trong vòng e dè, một chuyên viên kinh tế Sài Gòn cũ gần đây cũng phải gọi là "nền kinh tế chiến lợi phẩm", còn người cộng sản thì có rất nhiều từ bao biện: tiểu nông, nóng vội, duy ý chí (lại cũng chữ Trung Quốc!)... Đám thanh niên xung phong choáng ngợp trước lí thuyết và thực tế dẫn dụ, ăn khoai bắp trong lúc cán bộ xã rượu thịt ê hề, làm việc để chuộc lỗi cho cha anh, cho bản thân, đào sông, phá rừng cuống quýt đi tìm hột

lúa theo một ý niệm hoàn toàn xa lạ với họ, ý niệm của những kẻ suốt đời lo đói ở phía bắc. Một nền kinh tế hậu chiến trên hai vùng phát triển cao thấp khác nhau nên mang dạng cướp bóc, phung phá. Một tầm nhìn quản lí đất nước theo kiểu nông dân, địa phương kềm sức phát triển đồng bằng Cửu Long một phần bằng cung cách quản lí tệ hại mà cứ cho là đúng ở phía bắc (tập đoàn, hợp tác xã nông nghiệp...) để đổ tiền vào đồng bằng sông Hồng cạn kiệt chỉ có đất phần trăm của xã viên là khởi sắc. Óc nhân tuần lấn át thực tế, chỉ có sức ì để bám víu củng cố nơi căn bản và sau đó là trút dân vào Nam, lấn đất rừng Tây nguyên (dân H'mông, Dao... vào tận Sông Bé!) để che lấp sự bất lực, giải tỏa bất mãn quanh thủ đô.

Một loại nông dân Việt Nam hạng nhì ra đời qua bước tập sự của biện pháp đăng kí chấp nhận đầu hàng, chịu đựng mất tiền của tích trữ dành dụm, mất nhà cửa. Loại người đó có quá khứ bị xóa sạch với biện pháp đóng băng chặn hủy giấy tờ pháp lí nhưng để lại thân xác bị đe dọa bởi tờ khai lí lịch - riêng với đám trí thức, giáo chức thì hồ sơ dồn về cho công an văn hóa quản lí. Tác động của biện pháp quản lí như thế rõ ràng là không chừa một ai phía dưới vĩ tuyến 17, kể cả dân "giải phóng". Kết quả là người ta gian dối để có giấy tờ, luồn lọt để có một hình thức hợp pháp -được gọi là "thành tích phấn đấu"-, lấm lét nịnh bợ để cầu sống, trước hết là để tìm cơm áo trong đời sống vật vờ "nửa đời Vân Tiên" như người phụ nữ Thị Nghè nọ đã than. Người cầm quyền mới - và nhân dân mới kiêu ngạo, lì lợm hưởng lợi từ tình trạng ấy, và thế là một nếp sống mới thành hình, một nếp sống sẽ là chỗ dựa để giữ gìn quyền lực, và để phục hồi quyền lực nếu lỡ bị mất đi.

Từ lâu ở miền Bắc, người ta xóa "chủ nghĩa công thần" nơi cá nhân để người dân nhắm mắt lì sinh, bằng lòng với một thứ tinh thần yêu tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong sáng cho văn nhân múa bút, chỉ còn lại một chủ nghĩa công thần của Đảng không gọi đích danh nhưng tràn trề ở muôn lời xưng tụng. Tưởng là đã bị diệt trừ, nhưng chủ nghĩa công thần cá nhân bị dồn ép lại được cơ hội phát triển sau 1975 nghiêng trút lên phần chiến bại của đất nước.

Chiến thắng với óc tự phụ "truyền thống" đồng thời với "tiến bộ" khiến diễn ra hiện tượng thực dân văn hóa với tâm tưởng và ngôn từ Chí Phèo ngự trị. Người ta lấy kiến thức xóm làng tố cáo "chế độ thực dân văn hóa kiểu mới" ở miền Nam khiến đến cả các tay tranh đấu trước kia bị xét lại đảng tịch trong thời chiến, lớp bỏ chạy, lớp im tiếng

ngậm đắng nuốt cay chờ mãi đến gần đây mới rụt rè lên tiếng mà cũng chỉ được phép nhắc tới vào những dịp kỉ niệm. Loại nhân vật làm cảnh này rồi cũng sẽ tàn dần trước các nhân vật của Đảng học qua quýt cho thành dân khoa bảng, cấp bằng phong tước cho nhau và cải sửa gương mặt thành "đổi mới". Có một thứ răn đe, bất ne bất nét trong ngôn từ văn chương, trên lời ăn tiếng nói, nếp suy nghĩ có khi chỉ là của địa phương lạc hậu mà nhân danh chiến thắng đã trở thành trung ương, tiến bộ. Khả năng thấp kém của loại trung-ương-mà-địa-phương đó trong việc quản lí toàn diện, tổng thể -quản lí "vĩ mô" theo từ ngữ mới học được- là lí do chính của tình trạng thụt thò, khập khiễng, ăn đong của đất nước bây giờ. Cả dân tộc, ngoài phần nhờ nhỡi bọn gọi là đế quốc, bán nước, đã sống như con vật ngủ đông, ăn vào bản thân, tàn tạ vật chất lẫn tinh thần.

Cũng có thể nói đến một giai đoạn thực dân kiểu mới trong nước, bởi vì đã có các tay tập kết, nằm vùng làm cán bộ cơ sở với sức mạnh "vô sản chuyên chính" gốc Bắc tuyệt đối, từ đó nảy sinh cả một hệ thống những người mới cấu kết làm giàu hoặc bằng biện pháp truyền thống là hối lộ, tham nhũng, hoặc theo cách làm ăn kiểm tư sản mà đảng đã ra lệnh triệt hạ nay công khai xuất hiện thêm với tính cách gia tộc, địa phương của những người biết cách sử dụng quyền hành, lnồn lách hoặc liều lĩnh ngang bướng hợp pháp quen thuộc từ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Rồi cũng nảy sinh từ tính chất băng đảng hội kín xưa, từ tính chất ông làng, du kích mới dây mà phát sinh một tình trạng kì thị địa phương quái gở giữa tỉnh, làng cứ tưởng là khó thấy trong một đảng cầm quyền có hệ thống, có tổ chức chặt chẽ làm nên vinh quang một thời. Điều đó đã nổi lên qua phản ứng chống "chủ nghĩa lí lịch" làm nhẹ bớt -mà không làm mất hẳn- sức đè lên đám dân ngụy, qua một vài tiếng nói rụt rè cười cợt về khả năng quản lí "vĩ mô", qua những cuộc giành dân lấn đất ở những vụ hợp tỉnh, chia tỉnh...

Cuối hồi loạng quạng có những người ngẩn ngơ không tin. Nhưng chính cái "mùi Nam Tư" mà các lãnh tụ ngửi được khi máy bay lượn trên nền trời Tân Sơn Nhứt của thực dân mới, đã kháng cự bên trong và tình hình thế giới bên ngoài với sự phát triển kĩ thuật thông tin đã phá vỡ sự bưng bít ngay cả trước hồi Đông Âu, Liên Xô sụp đổ. Tầng lớp già nếu vì thói quen, tự ái, vì cả quyền lợi ít ỏi; một lớp người trí thức, chữ nghĩa cố bám lấy hình bóng vinh quang cũ, trước cảnh hệ thống ý thức của mình đang tan rã, sợ hãi lạc lõng đi ra ngoài vòng vây được

đào tạo, đã lặp lại nỗi tức giận của người nho sĩ Nguyễn Công Trứ van nợ xưa kia. Nỗi ám ảnh bây giờ lại to rộng hơn vì kẻ chiến bại Nixon cũ lại thực hiện được chiến lược "ngăn chặn, vượt lên ngăn chặn, diễn biến hòa bình" trên toàn hệ thống, không cần trở lại chiến trường xưa mà vẫn có dáng đe dọa dữ dội với những nhà kinh doanh da trắng da vàng ra vào cùng lúc với sự bức hiếp của người bạn lớn Trung Quốc đang bành trướng về phía nam vì không còn lực cản nào cả.

Vấn đề trước mắt không còn chỉ là lí tưởng xã hội chủ nghĩa (nhưng cần thiết như một nhãn hiệu để nắm quyền) mà chỉ là quyền lợi thủ đắc của kẻ cầm quyền và sự an nguy của bản thân họ trong lời dặn của Lenin: "Chiếm chính quyền đã khó mà giữ chính quyền còn khó hơn."

Nhưng "dưới lá cờ vẻ vang của Đảng" đã có những người mở mắt dưới sự thúc đẩy của cả một sinh hoạt "nguỵ" ưu việt hơn những gì kinh sách dạy bảo. Con đường tiến về phía trước rốt lại chỉ là con đường đổi chủ qua những thế hệ xương máu và dần dà thấy tủi nhục với nhau vì sự nghèo đói lạc hậu có đà làm mất tư cách của cả dân tộc: lời dạy bảo cũ "đói cho sạch, rách cho thơm" bỗng trở nên một thứ hợm mình vô lối. Và nhìn như thế thì thấy hai mươi năm Việt Nam Cộng Hòa không phải là vô ích. Nếu thống nhất sau 1956 thì Nam bộ sẽ được "hưởng" một cuộc cải cách ruộng đất maoít kinh hoàng tiếp sau miền Bắc, trong thập niên 60 có thể có một hình thức Hồng vệ binh nào đó, và Hoàng Sa, Trường Sa sẽ mất sớm hơn, không có dầu mỏ để thay cả củi rừng bứng tận gốc... Nam Việt Nam không thể làm như Nam Triều Tiên nhưng sức năng động của hai mươi năm thuận chiều lịch sử dưới "chế độ thực dân kiểu mới" vẫn còn đấy dù hệ thống cầm quyền tan rã, dân chúng bị sỉ nhục, vẫn còn đủ sức để tác động đến người cầm quyền mới: Cả tập đoàn lên cầm quyền đổi mới năm 1986 dưới sự thúc ép một phần của Gorbachev là bộ sậu tiếp quản và cai trị thành phố Sài Gòn cũ.

Tất nhiên là không phải không có những tính toán răn đe dự phòng và trì níu. Năm 1986 ở Thành phố Hồ Chí Minh, người ta lôi ra xử tử ba người của chế độ cũ bị bắt từ 1978, 79: hai tu sĩ Phật giáo và một người lính. Để đề phòng đám trí thức, tiểu tư sản, cắt đứt mầm mống chia sẻ quyền hành, người ta giải tán hai đảng Dân Chủ và Xã Hội, các đảng bù nhìn lập từ 1944 nhiều lúc từng hãnh diện là chịu sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản (vậy mà vào khoảng 1949-50 ở Liên khu V người ta vẫn truy bức các tay hỏi thăm để vào các đảng này. Nghèo mà ham!) Tất cả rồi sẽ vào khuôn phép sau một lúc mở trói cho dễ thở một chút.

Các nhà trí thức khoa học xã hội đừng hòng nêu một chút ý kiến riêng tư để mong có chút hãnh diện tinh thần bù lại cuộc sống khốn khổ của mình. Những người di tản nên danh ở xứ người, hay thường thường bậc trung hơn, những người làm ăn khấm khá bên ngoài trở về được hoan nghênh, săn đón, nhưng đó chỉ được hiểu như là con cái của Đảng, lầm đường lạc lối nay biết ăn năn!

Tuy nhiên nhờ cái đà cũ, miền Nam dễ chuyển đổi sang kinh tế thị trường, lấy một nửa nước dỡ gánh nặng trì trệ của miền Bắc, "cải tạo ngược" miền Bắc, tránh cho cả nước khỏi lâm vào tình trạng bở ngở như người dân Liên Xô. Miền Nam gạt bỏ cái tiếng Nga vô ích mà bị cưỡng ép học, sử dụng mớ tiếng Anh đã mòn mỏi để mở cửa với bên ngoài theo nền nếp bị gián đoạn, thu hút đầu tư ngoại quốc tới 80% tổng số -không cần kêu gọi "Gởi kiều hối là yêu nước" (1978?)-, đẩy mạnh sản xuất, xuất cảng lúa gạo do nông dân đòi ruộng đất làm sụp đổ cả hệ thống hợp tác xã nông nghiệp mới thành hình dưới các nghị quyết lỡ làng của Đảng. Đảng có muốn trì níu vị thế thần thánh một thời cũng không còn được như cũ nữa. Và Hà Nội giống như một cai đầu dài - hay nói theo ngôn từ sử học, như một thứ vương quyền thu tô trong một chế độ mà dấu vết hội kín của Đảng luồn trong các hương, đàn có tên là khu, tỉnh, huyện, chi bộ với trình độ người lãnh đạo thấp đến mức không ngờ... Một truyền thống thần phục đến hồi lung lay được cố trì níu, ví dụ dự phòng ghìm lại bằng con đường tải điện Bắc Nam 500KW dù là nguồn năng lượng phía Nam có đủ và xây dựng ít tốn kém hơn.

Cơn mộng du dữ dội 30 năm trùm lên giấc ngủ 10 năm mộng mị điện khí hóa, một cơn mơ cách mạng mang mầm mống bảo thủ đến cùng cực rốt lại rồi cũng tan dần ra, mort en douce, với nỗi đau khắc khoải của người dân Việt một thời dấn thân hết mình:

Biết phận mong manh cứ đành phương nam,
Cô quạnh hiên nhà lại sa đáy giếng.
(Hoàng Cầm - Giọt mưa phương nam, 8-9-1991)

Sài Gòn tháng 9-1992

Trích trong "Việt Nam nhìn từ bên trong và bên ngoài", Văn Lang vừa xuất bản

VÕ PHIẾN

tiếng hát biên thùy

Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào người!
(Xuân Diệu)

Này khúc hoan ca mừng tuổi trẻ,
Này là thi sĩ của tình yêu,
Tranh xuân chật ních hoa cùng bướm,
Hội sống xôn xao nhạc dặt dìu...
Bàn tiệc nhân sinh đông đảo quá
Tiếng răng xoàm xoạp cắn xuân hồng
Có người chợt lắng tai nghe ngóng
Hỏi khẽ: "Đâu đây tiếng não nùng?"

– Tôi đấy. Chính tôi trầm bổng đấy.
Thiên hạ quây quần xô cả về đông
Về phía bình minh của cuộc sống tươi nồng
Mình tôi ở cuối biên thùy cõi thế.
Mây xám ngoét tro tàn, gió buốt tràn tử khí,
Tôi hát trong mây gió biên thùy
Hát vào lỗ tai không vành cạnh đôi mắt không mi
Của lão già mang lưỡi hái
Ngoác lỗ miệng không môi, lão cười oai oái
Lão cười ằng ặc. Lão cười.
Cái tử vong cũng mang một mặt người
Cũng đòi hỏi câu ca tiếng hát.
Khi sức lực, bạn bè, vinh quang, hạnh phúc bỏ ta đi tất,
Thì nơi đây lão vẫn đợi chờ hoài.
Lão, bạn thủy chung của hết thảy muôn loài...
Hát ỉ ôi cuối biên thùy cuộc sống
Là tôi đấy. Là tôi đang trầm bổng
Cùng con quạ của già Poe.

NGUYỄN XUÂN NGHĨA

việt nam: bước ra thế giới cạnh tranh

Sở dĩ "giáo" không phổ cập là do học trò không được học vì thày giảng không tinh. Sở dĩ "pháp" không xây dựng là do người tài không được dùng vì thưởng phạt bất công. Sở dĩ "chính" không thi hành là do kẻ lại không liêm vì bổng lộc không đủ. Mà thày giảng không tinh, thưởng phạt không công và bổng lộc không đủ, thảy đều do sự thiếu thốn mà ra cả.

Ngô Thời Nhiệm (Bài tựa "Cẩn Bộc Chi Ngôn")

Quốc Gia Trước Ngã Ba Đường

Vào cuối thế kỷ này, dân ta phải đối phó với hai vấn đề có quan hệ khắng khít là tình trạng nghèo khốn và lạc hậu của đất nước, thực ra đã triền miên kéo dài từ thế kỷ trước. Có lẽ đã cả trăm năm rồi, đây là lần đầu mà dân ta sẽ độc lập giải quyết lấy bài toán của mình chứ chẳng còn do một thế lực quốc tế nào sai khiến hoặc dìu dắt. Trong phạm vi khiêm tốn của một tài liệu nhỏ, và do khả năng giới hạn của người viết, người ta sẽ khó tìm thấy ở đây một kế hoạch hoặc một phương hướng giải quyết những nan đề quả thực là lớn lao nói trên. Nhưng, khi nhìn vào hiện tình đất nước và đối chiếu với những đổi thay dồn dập của bối cảnh thế giới, người viết không thể không nêu lên một vài ý thô thiển về những điều cần thiết và mong ước cho Việt Nam.

Trước khi tìm hiểu về những diều trên -chiều hướng hiện đại hóa đất nước để phát triển kinh tế và xây dựng một xã hội hòa đồng bên trong, có khả năng tranh đua vững mạnh bên ngoài- ta cần tổng kết một vài nhận định về bối cảnh chung của thế giới. Dĩ nhiên, việc lượng định về những nan đề của đất nước cũng cần thiết khi chúng ta muốn tìm một vài dấu mốc dẫn ta đi tới.

Trong giai đoạn vừa qua, những vấn đề của đất nước nước đã được

trình bày phân tách rất nhiều. Mỗi cách trình bày và thẩm lượng lại đặt nặng một số yếu tố quyết định. Sự dị biệt vì vậy là điều dễ hiểu. Nói chung, ta có thể thấy bốn loại vấn đề khác nhau.

Trước hết là loại vấn đề xuất phát từ một quốc gia khiếm khai về kinh tế (kém phát triển, chưa công nghiệp hóa, nông nghiệp còn là căn bản trong sinh hoạt và cơ cấu tổ chức) cho nên đất nước còn nghèo khốn, đi cùng những vấn đề chính trị của một xã hội tập quyền khiến xã hội không ổn định và khó phát triển. Thứ hai là loại vấn đề xuất phát từ chế độ cộng sản, tỏa rộng trong mọi sinh hoạt từ vật chất tới tinh thần của xã hội, do tính chất chuyên chính của chế độ. Hai loại vấn đề tạm gọi là chậm tiến và độc tài tác động và nuôi dưỡng lẫn nhau. Loại thứ ba là những vấn đề có tính chất giai đoạn của việc chuyển hướng cơ cấu kinh tế từ hệ thống tập trung quản lý sang hệ thống thị trường, với những trở ngại xuất phát từ những hạn chế chính trị hiện tại của chế độ. Sau cùng, những thay đổi của thế giới, với những bài toán mới về an ninh và kinh tế, cũng chi phối xã hội Việt Nam và ảnh hưởng đến chiều hướng giải quyết những vấn đề nội tại của đất nước.

Trong các vấn đề của đất nước, chính trị dĩ nhiên là một nan đề then chốt nhưng không phải là duy nhất. Bất cứ một chính quyền nào có trách nhiệm lãnh đạo đất nước vào thời đại hôm nay đều phải đối phó với mọi loại vấn đề đang đồng loạt xảy ra, và nếu dân chủ là điều kiện cần thiết, nó không phải là điều kiện ắt đủ và cũng bị chi phối bởi các yếu tố phức tạp khác. Việc viện dẫn dân chủ -hay đúng hơn, sự thiếu vắng dân chủ- có thể giúp người ta vượt lên trên một số khó khăn về mặt lý luận và tuyên truyền, nhưng không thể khỏa lấp được trách nhiệm giải quyết nhiều vấn đề cụ thể khác.

Đó là về phía Việt Nam, về bối cảnh chung của thế giới, ta có thể ghi nhận một số tổng kết sau đây:

Trong những yếu tố chi phối sự vận hành của một cộng đồng xã hội, quyền lực và bạo lực thường nắm vai trò quyết định. Thuật lý chiến tranh vì vậy có tác động mãnh liệt nhất, không thua kém gì yếu tố văn hóa. Lịch sử con người không tuần tự tiến hóa theo một đường thẳng vạch ra từ quá khứ tới tương lai, mà có thể là hậu quả của nhiều đột biến bất ngờ. Vào giai đoạn chuyển tiếp giữa hai hình thái thuật lý, những đột biến càng dễ xảy ra, làm đảo lộn những trật tự cũ và đặt ra nhiều nan đề mới, khó giải quyết bằng những phương thức cũ. Nhân loại đang ở vào một thời kỳ chuyển tiếp đó, với những hậu quả như cạnh

tranh gay gắt hơn, chiến tranh dễ xảy ra, phân hóa là phổ biến, hợp nhất là hãn hữu...

Trong thời đại hôm nay, ý niệm quốc gia bị thách đố trên cả hai mặt. Bên trong, sự phân hóa vì nhận thức, quyền lợi hoặc tinh thần địa phương là những sức ly tâm đáng kể. Bên ngoài, kinh tế và khoa học kỹ thuật lại vượt qua biên giới các nước và trung hòa ảnh hưởng của những chánh sách cấp quốc gia. Trong lãnh vực thuần túy kinh tế, ý niệm quyền lợi dân tộc cũng bị tách ra hai hướng. Một đằng chủ quyền bị tan loãng trong những qnan hệ tư hữu và quản lý đan kết với nhau thành một màng lưới phức tạp. Đằng khác, ta thấy nổi lên khuynh hướng bảo hộ mậu dịch và hạn chế ngoại thương, cũng nhân danh công bằng xã hội và quyền lợi quốc gia. Cả hai hiện tượng mâu thuẫn này đều nổi lên rất mạnh từ dăm năm nay và sẽ còn chi phối sinh hoạt kinh tế của thế giới cho tới thế kỷ sau.

Một máy điện toán do một công ty Hoa Kỳ thiết lập tại Mã Lai Á, ráp chế những cơ phận sản xuất từ bảy tám quốc gia khác nhau trong vùng Châu Á Thái Bình Dương để bán lại cho viện bào chế Hoà Lan lập trụ sở tại Nam Dương... là một sản phẩm không có quốc tịch nhất định. Qua suốt tiến trình sản xuất và phân phối đó, sắc dân nào càng tham gia nhiều càng có nhiều quyền lợi và lợi nhuận. Mức đóng góp của mỗi sắc dân vào sự thịnh vượng tổng hợp này là mấu chốt về "quyền lợi quốc gia" được hiện đại hóa trong hình thái kinh tế hội nhập. Do những thay đổi về hình thái sản xuất, do tình trạng suy thoái kinh tế tại các nước hậu công nghiệp cùng với sự xuất hiện của những nước tân hưng có khả năng cạnh tranh ngày một mạnh, người ta bắt đầu thấy nổi lên tinh thần quốc gia cực đoan trong kinh tế, phản ảnh qua chủ trương bảo hộ mậu dịch, hạn chế di dân, để tránh né cạnh tranh quốc tế và bảo vệ công ăn việc làm trong nước.

Giữa hai quan điểm có vẻ đối nghịch nói trên, ý niệm về chủ quyền và quyền lợi quốc gia không còn là một ý niệm đơn giản.

Trong khi đó, mọi xã hội, nhất là những xã hội chưa công nghiệp hóa, đều thấy cơ cấu của mình trước sau phân hoá ra hai rồi ba thành phần khác nhau, với những chênh lệch lợi tức và nhận thức ngày một đào sâu.

Thành phần thứ nhất sinh hoạt trong các ngành nông nghiệp hay nguyên vật liệu độ nhất đẳng sẽ thấy vai trò của mình suy yếu dần, cùng với lợi tức và quyền hạn. Đây là thành phần sinh sống tại nông thôn,

chưa quen với sản xuất kỹ nghệ, có phản ứng thủ cựu gắn bó với những yếu tố vật chất và tinh thần của quá khứ, từ đất đai tới gia đình, tổ quốc hoặc những điều ta thường gọi là truyền thống dân tộc. Thành phần thứ hai gồm có đa số là thị dân, sinh hoạt trong các ngành công nghiệp biến chế và các loại dịch vụ thành phố. Họ có ưu thế rõ ràng hơn người dân sống tại thôn quê, vì làm việc trong khuôn khổ công nghiệp và có tinh thần cởi mở và hướng ngoại để vươn ra bên ngoài. Đây là thành phần tiến bộ hơn và có khả năng cạnh tranh tích cực hơn, nhưng cũng thấy ưu thế tương đối của mình bắt đầu bị đe dọa bởi một thành phần mới nổi lên. Thành phần thứ ba này là những người đã sinh sống trong hình thái sinh hoạt và sản xuất hậu công nghiệp, như những ngành tin học, truyền thông, điện toán, tài chánh hay dịch vụ thượng đẳng. So sánh với hai thành phần trên, họ có khả năng và lợi tức cao hơn cả, có phản ứng tự nhiên của kiến thức toàn cầu. Những thành phần này ở nhiều quốc gia khác nhau còn dễ liên kết với nhau hơn là với hai thành phần kia dù thuộc cùng xã hội của họ. Cùng với giới trí thức và văn nghệ sĩ, họ là những "công dân của thế giới" và có ý niệm rất tương đối, nghĩa là rất dễ tranh luận, về quốc gia, dân tộc.

Nước ta mới chỉ thấy một sự dị biệt giữa dân chúng tại nông thôn và thành thị cùng với sự thất quân bình cơ cấu giữa hai miền Nam Bắc. Nhưng càng mau chóng canh tân ta sẽ càng sớm thấy sự xuất hiện của thành phần thứ ba và càng thấy sự cách biệt giữa các thành phần trên đây bị mở rộng. Đó là ta chưa nói tới những mầm mống chia rẽ vốn có, về chính trị hay địa phương, hoặc do khác biệt về tư duy giữa người Việt ở hải ngoại với dân chúng ở trong nước. Khi đó, những mâu thuẫn giữa tiến bộ và truyền thống, giữa thành thị và thôn quê, giữa cái mới và cũ, giữa phát triển kinh tế với công bằng xã hội... càng dễ trở thành đầu mối phụ trội của xung khắc, vào đúng lúc mà dân tộc cần kết hợp nỗ lực chung để tiến vào thế kỷ 21.

Sau khi nhắc lại một số nhận xét về nan đề và bối cảnh, một vài câu hỏi có thể giúp ta nhìn ra những vấn đề của đất nước khi mở cửa cạnh tranh với bên ngoài: chẳng hạn như đâu là sức mạnh của dân tộc, đâu là quy tắc hợp tác và phối hợp giữa chính quyền và người dân, đâu là lằn ranh của quốc gia và quốc tế? Trong khuôn khổ một tài liệu nhỏ, ta sẽ tìm hiểu dưới đây một số giải đáp cho những câu hỏi trên, khởi đi từ một nhận xét của người xưa và cập nhật dần theo hoàn cảnh ngày nay.

Ngô Thời Nhiệm, Cảnh Sát Mãi Lộ và Vài Vấn Đề Muôn Thuở

Hơn hai trăm năm trước, trong lời tựa của một bài khải dâng lên Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm ([Cần Bộc Chi Ngôn], tạm dịch là Lời Chân Thành Thô Vụng), Ngô Thời Nhiệm có luận về đạo trị nước, mà ông cho rằng bao gồm ba mấu chốt là "giáo", "pháp", "chính". Và ông phê phán tình trạng trị nước thời đó như câu đề từ đã tóm lược, trước khi kết luận bằng một nhu cầu mà thời nay ta gọi là kinh tế: "Điều mấu chốt là phải đem cái tình trạng thiếu thốn và cái sự thực thiếu thốn mà nghiên cứu chỉnh đốn lại"!

Cả ba loại vấn đề Ngô Thời Nhiệm nhìn thấy ở Bắc Hà vào thời Lê Mạt đều là những vấn đề có tính chất thời sự. Nguyên nhân của chúng cũng vậy.

Sự kiện nền giáo dục nước ta kém, học trò không có tiền đi học, giáo viên không không đủ lương sống và dụng cụ giảng huấn nghèo nàn cổ lỗ là điều đã được mọi người nói tới. Sự kiện luật pháp lỏng lẻo bất nhất vì thiếu người có khả năng, mà nhiều đảng viên cán bộ lại có những đặc quyền và đặc lợi lớn lao ở những vị trí bất xứng cũng là điều đã thành công khai. Sự kiện chánh sách không thi hành được vì tham nhũng tràn lan và vì công nhân viên chức lương bổng thấp là điều ai cũng biết. Tất cả những vấn đề trên đều là hiện thực. Xét trên bình diện thuần túy kinh tế, tất cả quả là do sự khan hiếm và thiếu hụt mà ra.

Tình trạng công quỹ thiến hụt ngày nay là một vấn đề tiêu biểu: ngân sách quốc gia bị thâm thủng vì chi nhiều hơn thu, công nhân viên chức quá đông lãnh lương quá thấp (trung bình khoảng 20 Mỹ kim một tháng so với 50 Mỹ kim của tư chức có tay nghề) nên đa số phải sống nhờ "bổng" hơn là lương, khiến việc quản lý trong bộ máy công quyền bị rối loạn. Viên chức nào muốn đủ sống thì phải làm thêm trong khu vực tư, hoặc khai thác công sản trong phạm vi quản lý của mình làm thu nhập kinh doanh cho mình hay cho cơ quan. Sự nhập nhằng công tư và tình trạng chằng chéo thiếu minh bạch giữa hai ba hệ thống quản lý (đảng, nhà nước, cán bộ, tư nhân) là một môi trường thuận lợi cho hối mại quyền thế, tham nhũng và làm rối loạn quy luật kinh tế cùng kỷ cương nhà nước.

Ngoài lãnh vực công an và quốc phòng, đa số viên chức nhà nước là những người làm việc trong các ngành có tính chất yểm trợ xã hội, như giáo dục và y tế đại chúng. Khi bộ máy công quyền phục vụ xã hội

lại bị đục khoét bởi tham nhũng và xoi mòn bởi sự thiếu thốn, cả xã hội đều bị ảnh hưởng. Bị ảnh hưởng nặng nhất cho tương lai là tình trạng sức khỏe và giáo dục của trẻ em. Dù những cán bộ hữu trách có biện bạch cách nào đi nữa, trẻ em Việt Nam vẫn có tỷ lệ suy dinh dưỡng, bị còi và chậm lớn thuộc mức cao nhất trong các nước Á Châu chưa phát triển. Chẳng hạn như phân nửa các em nhỏ dưới 6 tuổi được coi là ở trong điều kiện thiếu ăn. Dù những thống kê xã hội của Việt Nam có trưng bày những con số khả quan về giáo dục đại chúng, về tỷ lệ biết đọc và biết viết tương đối cao so với mức lợi tức trung bình thấp, sự kiện là từ 1980 về sau nền giáo dục của nước ta bị khủng hoảng, có tới một phần ba các em bỏ học phá ngang để kiếm sống một cách chật vật... là những sự kiện thực tế. Trình độ kỹ thuật và tay nghề của người Việt hiện thua sút thiên hạ cũng là những hậu quả thực tế.

Ta còn có thể minh diễn về nguyên nhân của sự thiếu thốn từ nhiều khía cạnh thực tế khác, chẳng hạn từ ngoài đường vào tới công đường.

Một viên cảnh sát công lộ với đồng lương chết đói không nuôi nổi vợ con tất chẳng mấy thiết tha giữ gìn trật tự công cộng và an toàn giao thông. Anh ta phải bù đắp lại sự thiếu thốn của mình bằng những bổng lộc khác. Trong điều kiện chuyển vận hỗn loạn của một thành phố bành trướng nhanh hơn hạ tầng cơ sở, xe cộ di chuyển thường xuyên vi phạm luật lệ giao thông. Bổng lộc của viên cảnh sát có thể là những vụ phạt vạ thả giản và sự yêu cầu "thông cảm" của người bị phạt. Người ta nộp phạt nhiều hơn mức quy định, tùy theo khả năng thương lượng với người đại diện công quyền là viên cảnh sát, để tránh xe gắn máy của mình phải bị câu lưu và bị làm thịt vô tội vạ trong bót. Viên cảnh sát đã tiện thiện "trưng thu". Giản dị là làm tiền dân chúng ngoài vòng hợp pháp để bù đắp cho khoản lương ít ỏi của mình. Viên chức công quyền ở vị trí khiêm nhượng nói trên đã trở thành người đòi tiền mãi lộ, với cái giá anh ta quy định. Vị trí của anh trở thành một nơi béo bở, một mục tiêu tranh giành. Những viên chức khác tất cũng phải nhìn quanh xem mình có cơ hội bán chác hay cho thuê nào khác để tự đền bù như vậy chăng. Vì vậy mà người ta bán học bạ, bằng cấp, giấy phép hành nghề, cho thuê công sản hoặc đặc quyền kinh doanh...

Thay vì đóng thuế cho nhà nước để thanh toán các khoản công chi được minh định hẳn hoi, người ta đã thực tế đóng thuế cho tay chân nhà nước, ngoài quyết định chính thức của nhà nước và ngoài ý muốn của người dân. Và dân lại tìm cách đền bù bằng những bổng lộc khác, thường

cũng nằm ngoài vòng quy định của nhà nước. Cảnh sát tiếp tục bị trả lương thấp nhưng đã lấy tiền mãi lộ chạy xe "cúp" thay xe đạp. Nhà nước tiếp tục không thu được thuế, và dân chúng tiếp tục đóng ít thuế, hoặc trốn thuế, nhưng phải nộp nhiều phụ phí quái dị trong mọi sinh hoạt tiếp cận với chính quyền. Nhà nước bất lực nhìn tài nguyên vận chuyển trong sự hỗn loạn và phi lý trên. Dịch vụ công cộng và cả công sản lớn nhỏ đã được đổi chác cũng hỗn loạn và phi lý như vậy.

Hậu quả là quyết định phân phối và sử dụng tài nguyên bị lệch lạc từ trên chí dưới, không ai kiểm soát nổi, khiến ai ai cũng sống trong một thế giới giả tạo. Nhà nước "làm như" trả lương, công chức "làm như" công bộc, người dân "làm như" đóng thuế, và cả nước "làm như" phát triển trong sự phối hợp cũng giả tạo y như sự phồn vinh. Làm công nhân viên chức trong những ngành tiếng là lương thấp mà lại có bổng cao trở thành một đặc quyền có thể tiền tệ hóa, tức là bán chác được, ở nhiều cấp từ dưới lên trên, mà cả dân chúng lẫn lãnh đạo lại không kiểm soát được. Việc bố trí nhân sự cũng bị hiện tượng lệch lạc mà Ngô Thời Nhiệm gọi là không công, và guồng máy công quyền mới hỗn loạn trong tình trạng không việc gì chạy, nhưng việc gì cũng có thể chạy chọt được, bằng những hình thức trưng thu tự phát, nằm ngoài quy định của luật pháp, của sự hợp lý kinh tế.

Ta đang thấy lại những vấn đề muôn thuở khi nhớ tới cảnh "sinh đồ ba quan" thời Trịnh Giang hoặc nạn mua quan bán tước làm pháp quyền trung ương thành lỏng lẻo mục nát như thời Ngô Thời Nhiệm.

Dĩ nhiên, đây là tình hình chung của nhiều xã hội kém phát triển, không là một độc quyền của Việt Nam (loại nan đề của các nước khiếm khai có lợi tức thấp). Nhưng, ở Việt Nam, khi đưa thêm yếu tố chính trị vào bài toán kinh tế và tổ chức nói trên (loại nan đề của một nước bị cai trị bởi chủ nghĩa cộng sản), ta có tất cả những phi lý trong việc điều dụng tài nguyên và nhân sự. Ta có cái vòng luẩn quẩn của sự thiếu thốn khiến ai ai cũng bất mãn nhưng vẫn cố và có thể sống thoải mái nếu hiểu ra quy luật, thường thì là một loại quy luật phản kinh tế. Chỉ có guồng máy nhà nước là mục nát và chánh sách nhà nước, điều Ngô Thời Nhiệm gọi là "chính", không được thi hành. Rốt cuộc, việc sử dụng tài nguyên có lợi nhất cho quốc gia vẫn là điều bất khả. Khi mở cửa bước ra thế giới cạnh tranh kịch liệt và bất ổn đã nói ở những chương trên, Việt Nam sẽ ở vào thế yếu. Cơ cấu xã hội rối loạn giữa vòng luẩn quẩn

của sự khan hiếm và bất mãn sẽ đẩy mạnh những lực ly tâm trong cộng đồng khiến rối loạn có thể biến thành nội loạn.

Phân định công tư bằng luật lệ minh bạch và chấp hành nghiêm minh, giảm cấp số công nhân viên chức và tăng lương cho những người còn lại căn cứ trên khả năng, để kiện toàn bộ máy nhân sự trong công quyền, huấn nghiệp, tái huấn luyện và yểm trợ cho những người kia xây dựng một cuộc sống bình thường và lành mạnh trong lãnh vực tư doanh... là những phương hướng hầu như đương nhiên của việc chỉnh đốn cái nạn thiếu thốn. Từ năm bảy năm nay người ta vẫn chưa giải quyết được việc chỉnh đốn đó, nên đất nước sẽ tiếp nhận những hậu quả tai hại trong lâu dài. Trước mắt là nạn tham nhũng và tình trạng gần như là vô chính phủ, mà nhiều người lầm lẫn coi là hậu quả của kinh tế thị trường.

Với một hạ tầng cơ sở xã hội suy nhược và một guồng máy công quyền rời rã như vậy, Việt Nam có một tương lai không mấy sáng sủa, và nhận xét của Hy Doãn Công bắt buộc ta phải suy ngược lên những nguyên nhân của thiếu thốn, khiếm hụt.

Khoáng Sản, Trí Tuệ và Dăm Ba Nhận Thức Mới

Nhiều giới lãnh đạo vùng Đông Á từng góp ý rằng Việt Nam là một nước giàu tài nguyên và nếu như dân tộc họ có một lãnh thổ như Việt Nam, họ sẽ dư sức nuôi sống tới 200 triệu dân. Đối với họ, Việt Nam có tiềm lực của một tiểu long kinh tế. Những nhận xét này có thể ru ta vào một cơn mộng mị tai hại.

Dân số nước ta hiện đã quá 70 triệu người, đứng hàng thứ mười hai trên địa cầu, Việt Nam không là một nước nhỏ như ta thường nghĩ khi than về "thân phận nhược tiểu" của đất nước. Nhưng, khi kể về diện tích, Việt Nam chỉ là một nước trung bình, khoảng hàng thứ 60, và kể về mật độ dân số hàng thứ 160 trong gần hai trăm quốc gia lớn nhỏ. Kể về lợi tức đầu người, dân ta có lợi tức dưới 200 Mỹ kim một năm -gần với mức 150 hơn là 200, tùy theo cách tính- và thuộc một trong vài chục quốc gia nghèo nhất. Việt Nam là một nước có dân số cao, có diện tích thuộc cỡ trung bình, và có lợi tức ở vào loại cực thấp và nay đang phải giải quyết lấy bài toán khan hiếm của mình.

Sau khi hãnh diện vì đã đánh bại mọi loại kẻ thù, người ta đã để đất nước rơi vào sự cùng khốn triền miên. Sau khi đã lên tới đỉnh cao của những chiến thắng thảm hại, người ta đang mong rằng kẻ thù nào cũng

có thể là một nhà đầu tư tiềm thế, có khả năng đưa đất nước lên quỹ đạo phát triển. Sau khi đã hy sinh nhiều thế hệ, người ta đang kinh ngạc khoe khoang với thế giới rằng Việt Nam bị tàn phá vậy chứ vẫn có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên chưa khai thác hết. Từ ngư lâm hải sản tới kim loại quặng mỏ, dầu hỏa dầu khí, và cả những loài chim hiếm thú lạ, v.v... những tài nguyên trên đều được ồn ào quảng cáo, như những báu vật trời cho, sẽ đưa nước ta một bước lên vị trí cường quốc kinh tế.

Vì vậy mà lời tiên đoán rằng Việt Nam sẽ thành một con rồng kinh tế mới có khả năng thuyết phục đáng ngại.

Nhận thức thứ nhất có tính chất quyết định ở đây chính là cách lượng giá về nền tảng của sức mạnh của đất nước. Đây cũng là điều ta có thể gọi là một sự lạc hậu về nhận thức khá phổ biến.

Việt Nam có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên khác nhau có thể yểm trợ cho việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp nước nhà. Nhưng, tài nguyên ta đa loại chứ không hẳn là dồi dào đáng kể. Về mặt chủ quan, trữ lượng của những nguồn tài nguyên đã kiểm tra không được coi là nhiều khi so sánh với dân số, tức là khi so sánh với nhu cầu tiêu thụ. Đó là ta chưa đề cập tới cách khai thác gây nhiều hao phí hiện nay. Trong có vài chục năm, dân ta đã thả cửa đốn cây, khiến đất rừng từ 50% trước chiến tranh nay chỉ còn bằng 25% diện tích lãnh thổ. Ở nhiều địa phương, ta ăn sạch thiên nhiên chim muông cây cỏ và gây nhiều tổn thất đất đỏ cho môi sinh, nghĩa là cho những thế hệ sau này. Có đổ lỗi cho thuốc khai quang của Mỹ thì cũng sẽ không giải quyết được vấn đề.

Về mặt khách quan, khối lượng tài nguyên thiên nhiên của nước ta cũng không nhiều khi so sánh với các nước lân bang. Do mật độ dân số cao, diện tích canh tác trung bình tính trên đầu người của nước ta không được coi là rộng, chỉ bằng một phần ba của Thái Lan hay Trung Quốc mà thôi. Cho nên, sản ngạch lúa gạo gia tăng trong mấy năm qua nhờ nông nghiệp được giải phóng thì cũng chỉ đủ cho dân ta khỏi nạn thiếu ăn kinh niên và số lượng xuất cảng sẽ không gia tăng mãi theo nhịp độ của mấy năm vừa qua. Nói chung, nông nghiệp sẽ không là sức mạnh khiến ta có thể trở thành một cường quốc thịnh vượng. Trong những năm qua, dân ta còn phấn khởi về những nguồn thu ngoại tệ và ngân sách nhờ dầu hỏa. Thực ra, trữ lượng dầu hỏa của Việt Nam cũng chỉ bằng Mã Lai Á, với một dân số cao gấp bốn người ta; và sản lượng dầu

hỏa của Việt Nam cho tới nay vẫn chưa tới một phần năm mươi, với một dân số chỉ bằng khoảng một phần ba, của Nam Dương.

Như vậy, khi so sánh với những nước lân bang như Trung Quốc, Thái Lan, Mã Lai Á hay Nam Dương, Việt Nam không phải là một nước có nhiều tài nguyên thiên nhiên hơn hẳn thiên hạ, về cả canh nông lẫn công nghiệp. Đấy lại là những nước đầu tiên sẽ cạnh tranh với nước ta trên nhiều địa hạt ta tưởng là có ưu thế. Việt Nam chỉ có nhiều tài nguyên thiên nhiên hơn những nước Đông Bắc Á, như Đại Hàn, Nhật Bản hay Đài Loan. Các quốc gia này lại có trình độ kỹ thuật về tổ chức và sản xuất vượt trội, nên có khả năng khai thác tài nguyên thiên nhiên nước ta ở thế thượng phong, tức là có lợi cho họ hơn cho ta. Với lãnh thổ và tài nguyên của nước ta -và trí tuệ của họ- họ quả có khả năng nuôi nổi 200 triệu dân, nhưng là 200 triệu người có trình độ sản xuất cao hơn ta.

Điều đó dẫn ta tới một yếu tố thứ hai, cũng thuộc về nhận thức, đó là cách ta đánh giá đất nước.

Việt Nam không phải là xứ "tiền rừng bạc biển" để là miếng mồi ngon khiến nước nào cũng muốn xâm lăng như điều đã xảy ra trong thế kỷ trước. Ta nên bỏ nỗi sợ sệt bị ngoại xâm, mà nhìn ra nhiều vấn đề đáng ưu lo hơn, tiềm ẩn bên dưới tình trạng quản lý và cạnh tranh thua kém hiện nay. Điều cần nhắc lại là thế giới đã đổi thay và yếu tố quyết định không còn là tài nguyên thiên nhiên như xưa nữa. Ngược lại, Việt Nam cần hợp tác với các nước khác để khai thác tài nguyên của mình một cách có lợi hơn. Trong sự hợp tác, trình độ thua kém là nguyên nhân và là thực tế khách quan khiến các nước khác có lợi nhiều hơn nước ta. Nếu biết cải thiện trình độ kỹ thuật, ta sẽ sớm tránh được việc trao đổi thua thiệt. Nếu không, ta sẽ đói trên kho tài nguyên chưa biết khai thác và dành cầm bát vàng đi ăn xin, hoặc tiếp tục mở cửa để tay chân nhà nước bán rẻ công sản cho ngoại quốc vì bổng lộc không đủ như mới nói. Dân ta sẽ không mất chủ quyền vì bị ngoại bang xâm lăng hoặc cai trị, mà mất chủ quyền vì mất quyền quyết định trong sinh hoạt kinh tế mở rộng với thiên hạ.

Sức mạnh quyết định vì vậy vẫn nằm trong cái đầu hơn là trong những kho quặng mỏ dưới lòng đất. Chúng ta không nên lầm lẫn việc này với tinh thần đề cao các phần tử trí thức trong xã hội. Vấn đề là nâng cao trình độ kiến thức nói chung của cả nước.

Với tỷ lệ tăng trưởng thuần là 2,2% một năm, dân tố nước ta sẽ nhân

đôi trong một khoảng thời gian chưa đầy 32 năm, chỉ bằng thời gian từ khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật cho tới nay mà thôi. Do tình trạng chiến tranh kéo dài gây nhiều thiệt hại cho nam giới, tỷ số nam/nữ ở nước ta là một tỷ lệ thấp và mới bắt đầu hồi phục từ sau 1980. Chỉ trong vòng năm năm nữa thôi, ngay trước thế kỷ 21, tỷ lệ trên sẽ trở lại mức bình thường, và làn sóng dân số sẽ lại tăng đợt nhỏ sau đợt tăng trưởng "hậu chiến" vừa qua. Vì vậy mà mức phát triển cao quá 2% hiện nay vẫn khó được giảm bớt, cho dù chúng ta có đẩy mạnh nỗ lực kế hoạch hóa sinh sản. Định luật của Malthus tiếp tục là một đe dọa cho nước ta trong vòng hai thập niên tới, trước khi ta hoàn tất, nếu có thể nổi, cuộc cách mạng công nghiệp và thuật lý sản xuất để thoát vòng luẩn quẩn giữa dân số và sản xuất. Người nước khác có thể nghĩ tới việc nuôi nổi 200 triệu dân trên lãnh thổ Việt Nam, dân ta ta lên tới 100 triệu là đã có loạn nếu ta không kịp cải thiện điều kiện phát triển. Đây là một nhận thức then chốt thứ ba.

Nhưng, ta cũng không nên rơi vào phản ứng thái quá là coi mỗi đứa trẻ sơ sinh như một miệng ăn phụ trội vào kho tài nguyên vốn có hạn của cả cộng đồng. Ta cần một nhãn quan tích cực hơn vậy.

Khi tính sổ, Việt Nam có tài nguyên thiên nhiên nhưng chỉ đủ để xây dựng điều kiện phát triển lúc ban đầu mà thôi. Nhưng, nước ta cũng chưa khai thác nổi một nguồn tài nguyên đáng quý hơn, đó là con người, với những tiềm lực lớn lao hơn gấp bội. Nếu giúp cho mỗi người dân trở thành những tay làm, thay vì chỉ là một hàm nhai với năng suất lao động thấp, nước ta sẽ có triển vọng thịnh vượng không kém gì các nước Đông Á. Nếu chỉ nhìn vào tài nguyên thiên nhiên như một ưu thế, coi con người như cỏ rác mà không cải tiến cái đầu, ta sẽ chẳng cạnh tranh nổi với vài nước Đông Nam Á hạng hai như Thái Lan hay Mã Lai, chứ chưa nói tới các nước kia. Ngoài ra, khi chưa biết quý trọng nhân lực như là tài nguyên tạo ra sự trù phú mà chỉ là những miệng ăn, ta tiếp tục gây nội chiến tinh thần: mỗi đứa trẻ sinh ra lại là một hao hụt phụ trội vào kho tài nguyên giới hạn của cộng đồng. Thay vì tích cực chung sức làm ra một cái bánh ngày một lớn hơn, ta sẽ tiêu cực nghĩ tới việc tranh giành một cái bánh muôn đời như cũ hoặc còn teo tóp đi. Đây là một yếu tố nhận thức thứ tư.

Hai nhãn quan đối nghịch nói trên không chỉ phản ảnh hai trạng thái tâm lý bi quan và lạc quan. Chúng còn phản ảnh hai hình thái kinh tế khác nhau. Hình thái phát triển của tương lai, đối nghịch với hình thái

khan hiếm của quá khứ; hình thái sản xuất dựa trên kiến thức sẽ trở thành thực tại nay mai, đối diện với hình thái sản xuất dựa trên tài nguyên vật chất đang bị đào thải dần. [Đi từ cơ sở thực tế chủ quan và khách quan, Việt Nam phải dứt khoát chọn lựa sách lược phát triển dựa trên nhân lực hơn là tài nguyên thiên nhiên, dựa trên trí tuệ hơn tài sản vật chất]. Đây là một phương hướng tất yếu khi ta muốn giải quyết vấn đề công nghiệp hóa và bước ra thế giới văn minh, vào thế kỷ tới.

Trong chiều hướng đó, việc nâng cao khả năng sản xuất bằng đầu tư vào giáo dục, kỹ thuật và huấn nghiệp sẽ phải là một ưu tiên. Đây là một yếu tố nhận thức thứ năm, đưa ta về đề mục giáo dục của Ngô Thời Nhiệm, một vấn đề chỉ có những kết quả trong lâu dài nhưng phải giải quyết ngay từ hôm nay.

Pháp Quyền, Thị Trường và Những Hình Thái Phối Hợp

Nước ta đang thừa hưởng nhiều di sản của một xã hội lạc hậu trong đó chế độ tập quyền mang tính chất phụ quyền có tham vọng thay dân giải quyết nhiều bài toán sinh hoạt cho xã hội, theo những thang giá trị cũ có khi đã lỗi thời. Dân ta còn phải giải quyết những vấn đề căn bản của một chế độ tập quyền tối đa là chế độ cộng sản, trong đó người ta tưởng là có thể thay dân giải quyết mọi bài toán sinh hoạt cho xã hội. Mãi cho tới gần đây, nhà cầm quyền mới quyết định là phải thu hẹp phạm vi cai trị của mình, nhường chỗ cho dân chúng làm ăn theo những quy luật khách quan của thị trường. Một số vấn đề nước ta đang gặp chính là nỗi lúng túng buổi giao thời khi chính quyền phải quyết định về vùng ảnh hưởng của mình và của thị trường.

Như trong mọi tiến trình chuyển tiếp, người ta có cả hiện tượng thái quá lẫn nạn bất cập. Và như trong vấn đề lượng giá về sức mạnh của đất nước mới nói ở trên, chúng ta cũng cần điều chỉnh một số nhận thức.

Quan hệ giữa con người ta với nhau là một sự "phối hợp", khiến có người ra lệnh kẻ chấp hành, có người mua kẻ bán, có người cho kẻ nhận, người đóng thuế kẻ lãnh trợ cấp... Trong một cộng đồng, người ta có sự phối hợp hàng dọc của pháp quyền nhà nước, hoặc của guồng máy hành chánh của nhà nước, thể hiện với tính chất cưỡng bách từ trên xuống và được chế tài bởi luật lệ.

Hình thức phối hợp này có khuynh hướng bành trướng tự phát nếu không có những minh định và giới hạn bằng luật pháp. Giới làm chính trị thường lạm dụng quyền công chi ngân sách để vận động sự yểm trợ

của những thành phần dân chúng ủng hộ họ, và khi gặp thiếu hụt thì dùng thuế của dân trang trải. Guồng máy công quyền thì thường xuyên có phản ứng bành trướng phạm vi phối hợp để tăng ngân sách, mở ra lắm chương trình mới, có những điều lệ kiểm soát mới, tuyển dụng thêm người, khiến trong xã hội người sản xuất thì ít đi mà người kiểm soát thì nhiều hơn vì những điều lệ hạn chế và kiểm soát cũng được lập ra nhiều hơn. Chế độ dân chủ cũng không ngăn ngừa được khuynh hướng bành trướng tự phát nói trên. Trong các nền dân chủ mang tính chất mị dân, giới chính trị trục lợi ở giữa thiểu số giàu có và đa số lợi tức thấp hơn bằng cách lấy thuế của người giầu và hốt phiếu của người nghèo với lý cớ bảo vệ quyền lợi của cả hai.

Kiểm điểm kết quả phát triển của mọi loại xã hội cổ kim, ta thấy là phối hợp pháp quyền bành trướng quá mạnh (phản ảnh ở khối lượng tài nguyên được nhà nước vận dụng qua ngân sách quốc gia chẳng hạn, khi so sánh với tổng sản lượng của xã hội) thì xã hội càng bị bế tắc và nghèo túng đi. Ngay từ thời xưa, trong tập [Thái Công Binh Pháp] tương truyền là của Lã Vọng, ta đã thấy nói tới phép trị nước là "chớ cướp đoạt thời giờ cày cấy trồng dâu nuôi tằm của dân; thâu thuế ít thì dân không thiếu tiền của; ít việc lao dịch cho nhà nước thì dân khỏi nhọc nhằn, ắt nước giàu mà nhà nhà vui vẻ..." Toàn là lời khuyên nên giới hạn phối hợp pháp quyền để dân được tự do làm ăn, chẳng khác gì chủ trương kinh tế tự do thời nay.

Trong một xã hội dân chủ, nền tảng luật pháp được thể hiện từ người dân lên tới nhà nước cho nên hình thái phối hợp pháp quyền này còn tính chất tự nguyện (trong ý nghĩa của một hợp đồng xã hội theo tinh thần của Rousseau) và còn có thể được kiểm soát hay điều chỉnh bằng nhiều định chế khác nhau khi có lệch lạc hoặc bành trướng quá mức. Nhờ vậy mà các nước dân chủ mới phát triển nhanh hơn và sung túc hơn các xã hội bị độc tài. Trong một xã hội mà ý dân không thể tự do phản ảnh, quyền dân không được thực tế tôn trọng, người ta không có khả năng điều chế hình thái phối hợp pháp quyền và những lệch lạc trong quyết định sung dụng tài nguyên khó được cải sửa. Đó là hiện tình nước ta, một tệ nạn Ngô Thời Nhiệm gọi là không công. Hiểu theo ý nghĩa hiện đại, đây là tình trạng vì thiếu công minh mà trở thành bất công và bất lực.

Do những khủng hoảng xuất phát từ hệ thống phối hợp có tính chất phụ quyền và thô bạo trước đây, nhà cầm quyền đang tiến dần ra việc

phối hợp pháp quyền và, trên nguyên tắc, đang tìm cách định chế hóa hình thái phối hợp này. So với thời trước, nước ta có một sự tiến bộ tương đối, nếu không chế độ đã sụp đổ. Nhưng, so với nhu cầu khách quan của đất nước, việc định chế hóa nói trên vẫn còn quá chậm và thất thường. Nguyên nhân không chỉ do chủ đích chính trị của nhà cầm quyền, mà còn là khả năng giới hạn của một bộ máy công quyền đang đi tìm cho mình một chức năng và vị trí thích hợp trong một xã hội và một thế giới đang có nhiều thay đổi. Đây là một nhận thức cần điều chỉnh cho chính xác vì là một vấn đề xảy ra cho mọi chính quyền, kể cả những chính quyền ta công nhận là dân chủ. Thí dụ điển hình là vai trò của chính quyền trong việc điều tiết và kiểm soát y tế phí tại Hoa Kỳ, một đề mục gây sôi nổi trong kế hoạch cải tổ hệ thống bảo hiểm y tế đang được tranh luận trong năm 1994.

Chức năng và vị trí thích hợp nói trên được minh định trong tương quan đối lập giữa phối hợp của pháp quyền nhà nước với phối hợp của thị trường.

Phối hợp bởi thị trường là hình thức phối hợp hàng ngang, tự nguyện và bình đẳng giữa các thành phần (tóm tắt là giữa người mua người bán với nhau), được thúc đẩy bởi mục tiêu lợi nhuận, phản ảnh bởi quy luật cung cầu. Trong những phương thức quyết định về việc phân phối và sử dụng tài nguyên để tạo ra của cải vật chất và tinh thần hầu có thể giải quyết bài toán khan hiếm của một cộng đồng, phương thức phối hợp thị trường là tương đối có lợi nhất. Đeo trên cổ tay một phẩm vật thường dụng là cái đồng hồ chẳng hạn, ta có kết quả của hàng trăm quyết định kinh tế khiến các yếu tố cấu thành như nhựa, đồng, dây da, sơn, sắt, mặt kính thủy tinh, cục pin điện, v.v... được kết hợp với nhau sau khi vượt qua biết bao chặng vận chuyển, trao đổi, chế biến, phân phối. Chẳng hạn từ mủ cao su nạo tại Mã Lai Á tới cát mịn tại Cam Ranh làm kính, tới kim khí hay hóa chất chế biến tại Nam Dương, máy móc lắp ráp tại Thụy Sĩ, Nhật Bản... ngần ấy yếu tố tạo ra cái đồng hồ đã được thị trường phối hợp và vận dụng bằng những giải pháp tối hảo về mặt phí tổn và giá cả, gần như một cách vô thức nếu không nói là do bàn tay vô hình của thị trường. Trong thế giới ngày nay, người ta còn cẩn suy rộng ra sự phối hợp thị trường có tính chất siêu quốc gia và có tác động mạnh hơn chánh sách kinh tế của một chính quyền, tức là mạnh hơn cả sự phối hợp pháp quyền của một nước, mà ta đã gọi là "thị trường mạnh hơn chính trường".

Nếu nghĩ ngược lại rằng mọi việc, từ khai thác quặng mỏ làm cơ phận hoặc mua bằng sáng chế khai thác kỹ thuật, biến chế cát thành thủy tinh làm mặt kính, khai thác kỹ nghệ thuộc da làm dây đồng hồ, kỹ nghệ ấn loát làm hộp và tài liệu quảng cáo, cho tới việc phân phối ở trong và ngoài phạm vi lãnh thổ, đều được quyết định bởi hình thức phối hợp tập trung của một quốc gia, ta sẽ suy ra những ách tắc và hao tốn ở mỗi chặng của tiến trình sản xuất và phân phối. Do tình trạng tắc nghẽn và phao phí trên mà các chế độ tập quyền của khối Xô Viết đã bị khủng hoảng và sụp đổ, và Việt Nam đã phải thay đổi.

Những Xiết Mở Phi Lý và Chặt Lỏng Thất Thường

Tuy nhiên, thị trường không thể giải quyết được mọi vấn đề phối hợp trong một cộng đồng, nhất là cho nhu cầu an ninh và xã hội. Trên thế giới, cũng chẳng có một ai lại đơn giản chủ trương là phải để cho thị trường quyết định về mọi việc phân phối hay sung dụng nhân lực và tài nguyên của một quốc gia. Trong một cộng đồng ngày càng mở rộng và có những sinh hoạt bao trùm lên biên giới chính trị, cả hai hình thái pháp quyền và thị trường đều cần thiết và ở trong trạng thái vừa liên lập vừa đối lập trong một thế quân bình tất nhiên là bất ổn.

Đây cũng là một nhận thức mới mà ta cần điều chỉnh, để không phê phán những ai đề cao quy luật thị trường là nhắm mắt đi theo chủ nghĩa tư bản mà không lý gì tới công bằng hay trật tự xã hội; hoặc công kích những người đề nghị việc kiện toàn khả năng phối hợp của nhà nước là vô tình củng cố chế độ cộng sản. Thực tế của Việt Nam còn thê thảm hơn những ngộ nhận trên, vì nước ta chưa khai thác được lợi thế mà lại có những khuyết điểm tích tụ của cả hai.

Hình thái phối hợp pháp quyền không được định chế hóa hẳn hoi, cho nên ta có một nền kinh tế thị trường vô luật pháp, với guồng máy nhà nước bao biện mà bất lực vì xiết dân ở những nơi không cần thiết mà lại nới lỏng ở những nơi cần kỷ cương trật tự. Vì vậy mà dân chưa có tự do kinh doanh theo đúng nghĩa, nhà nước không bảo vệ được quyền bình đẳng của mọi thành phần trong thị trường và chẳng gìn giữ được trật tự xã hội. Vì vậy mà viên chức công quyền mới tự động trưng thu bất cứ khi nào có cơ hội, và hầu như mọi việc kinh doanh bất hợp pháp trên nguyên tắc đều có thể được thực tế giải quyết bằng thương thảo và tham nhũng, khiến quy luật thị trường mới càng rối loạn.

Nguyên nhân là vì chúng ta có hình thái phối hợp pháp quyền quá chặt và quá lỏng, lại ở những nơi không thích hợp.

Hình thái phối hợp pháp quyền sở dĩ quá chặt là vì nhà cầm quyền không tin vào dân chúng, cứ tùy theo áp lực của tình hình mà ban hành những điều lệ hay quy định, cho nên mới thường xuyên bị động. Nói chung, khu vực tư doanh chưa có một môi trường phát triển tự do và thuận lợi. Vì phản ứng thủ cựu và chặt chẽ này người ta mới có chủ trương điều tiết thị trường bằng hệ thống quốc doanh và guồng máy hành chánh, đó là mô thức "xã hội chủ nghĩa thị trường" đã phá sản tại Đông Âu sau vài thập niên được thử nghiệm. Hậu quả là nhà nước không chấp nhận đối lập chính trị, ban hành quá nhiều điều lệ (thay đổi thất thường theo lối vừa làm vừa sửa), lập ra quá nhiều chặng kiểm soát trong thương nghiệp và xuất nhập cảng, quy định những thuế biểu quá chi ly phức tạp (mà không có khả năng áp dụng hoặc hành thâu thực tế), không minh định quyền tư hữu về đất đai chuyên dùng, và không cho tư doanh quyền bình đẳng thực tế với quốc doanh.

Hình thái phối hợp này lại quá lỏng trong nhiều lãnh vực mà đáng lẽ nhà nước phải kiểm soát và chấp hành nghiêm mật. Thí dụ thường được chuyên gia quốc tế nói tới là Việt Nam chưa có những luật lệ về việc bảo vệ môi sinh. Vấn đề thực ra trầm trọng và cần kíp hơn thế: Việt Nam có hình thức của một sự ổn định về chính trị mà thực chất là một xã hội hỗn loạn và trật tự công cộng không được bảo vệ vì đối lập thì vào tù mà tham nhũng thì giàu to, trộm cướp mặc sức tung hoành. Việt Nam thiếu hẳn một khuôn khổ luật pháp nhất quán và có khả năng yểm trợ sinh hoạt kinh tế. Hậu quả là lệ mới có nhiều hơn luật, và dễ mặc cả thương thương thảo hơn, y như bổng có giá trị hơn lương. Đi từ thái cực này qua thái cực khác, sau khi tháo gỡ hệ thống quản lý tập trung, nước ta lại chẳng có một bộ phận phối hợp toàn bộ việc cải tổ kinh tế cấp quốc gia, một bộ phận trung ương theo dõi kết quả tài chánh của các công ty quốc doanh và giải quyết việc thanh lý những cơ sở lỗ lã, một bộ phận tập trung điều hợp việc nhận lãnh và sử dụng ngoại viện (và đối giá bạc Việt Nam của viện trợ), vân vân...

Vì vậy mà trong sinh hoạt kinh tế việc gì cũng có thể bị ngăn cấm mà vẫn vượt qua được, miễn là biết nơi thương thảo và giá biểu thương thảo.

Hậu quả chung của mâu thuẫn trên là nhà nước ôm đồm bao biện, nuôi nhiều công nhân viên chức với đồng lương không đủ sống, khiến

công vụ không chạy mà tư doanh cũng chẳng có thể phát triển mạnh mẽ. Trung ương vì vậy khó điều động được địa phương, việc sung dụng tài nguyên bị rối loạn, ngân sách thu không đủ thuế để trang trải đầu tư xã hội mà nhiều đảng viên cán bộ thì lại làm giàu lớn. Những đố kỵ và dị biệt cấp vùng vì vậy càng dễ phát tác thành những xung đột quyền lợi làm xã hội thêm phân hóa. Địa chấn Nam Tư là một thực tế kinh tế.

Điều bất lợi cho lâu dài, nếu chưa là một sự phân hóa và tan rã trước đó, là thay vì đứng sau yểm trợ cho tư doanh nước nhà cạnh tranh hữu hiệu với ngoại quốc trong cơ chế thị trường thì guồng máy nhà nước lại thay thế tư doanh làm ăn với ngoại quốc, và làm ăn trong thế yếu, vì thiếu khả năng ứng phó linh động như kết quả kinh doanh của hệ thống quốc doanh đã chứng minh. Dưới mắt của dân chúng và của chính những đảng viên cán bộ đã xả thân vì mục tiêu độc lập dân tộc thời trước, nhà nước đang tiếp tay ngoại bang khai thác nước nhà trong thế trao đổi bất công và bất lợi.

Suy từ những nhận định trên, hầu như ai ai cũng có thể đồng ý là Việt Nam cần một nỗ lực cải tổ đi từ căn bản pháp quyền của nhà nước xuống tới dân. Chức năng của bộ máy công quyền phải được minh định rõ ràng là 1) bảo vệ an ninh xã hội (quốc phòng và trật tự công cộng); 2) bảo đảm sự vận hành đều hòa của những định chế cần thiết cho sinh hoạt của quốc gia (như quyền tư hữu, quyền tự do thông tin và kinh doanh, sự ổn định tiền tệ, nền tảng luật lệ nghiêm minh và công bằng, hệ thống tài chánh và ngân hàng vững mạnh); 3) xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất và xã hội, mà tư nhân không làm nổi, để yểm trợ phát triển kinh tế và xã hội (đường xá, cầu cống, thủy vận và thiết lộ, hay giáo dục, huấn nghệ, y tế công cộng). Ngoài mấy lãnh vực trên, nhà nước phải mở ra cho dân được tự do làm ăn, và yểm trợ cho dân làm ăn thắng lợi trên các thị trường quốc tế.

Một yếu tố nhận thức cần được nhắc lại mãi, đó là vai trò giải quyết nạn thiếu thốn mà Ngô Thời Nhiệm có nói tới, tức là chức năng làm giàu. Làm giàu là phản ứng và là khả năng tự nhiên của dân chúng, yểm trợ người dân làm giàu là nhiệm vụ của nhà nước. Dân có giàu nước mới mạnh. Nhà nước không có chức năng làm giàu vì vận hành theo những quy luật khác, cho những mục tiêu khác. Nhà nước mà càng muốn tiến theo con đường làm giàu thay dân thì chỉ tay chân nhà nước là giàu có và công quỹ thì kiệt quệ, mà quyền lợi quốc gia không còn ai bảo vệ.

Khởi dẫn từ nhận định của Ngô Thời Nhiệm tới những vấn đề của ngày nay, đã đến lúc ta đề cập tới vấn đề chánh sách quốc gia để bảo vệ chủ quyền kinh tế.

Độc Lập Dân Tộc Là Liên Đới và Hợp Quần

Vào thời kỳ mà chiến hạm Pháp công phá thành Đà Nẵng, chiến hạm Hoa Kỳ cũng đang uy hiếp Nhật Bản. Khác với vua quan nước ta khi đó, người Nhật đã giác ngộ và rút kết luận hợp lý, nên họ mau chóng hiện đại hóa đất nước và trở thành một cường quốc công nghiệp. Hai quả bom nguyên tử dội trên Quang Đảo và Trường Kỳ không chỉ chấm dứt chiến tranh mà còn là một lần giác ngộ thứ hai cho người Nhật. Họ đã chuyển bại thành thắng trong cuộc đua kinh tế kéo dài suốt nửa thế kỷ vừa qua. Trong cùng khoảng thời gian đó, Việt Nam ta đã có ảo tưởng chiến thắng, từ Điện Biên Phủ 1954 tới Sàigòn 1975, nên đã tiếp tục đi trong sương mù tới cuối thế kỷ này. Chúng ta đã trả cái giá quá đắt cho tinh thần độc lập dân tộc khi đặt sai chỗ. Ngày nay, mối đe dọa nguy ngập nhất cho xã hội ta không còn là một áp lực ngoại nhập mà là những phản ứng ly tâm và phân hóa từ trong bùng ra. Vì vậy, tinh thần dân tộc cần được quan niệm lại cho rõ ràng.

Điều trước tiên cần xác định, tinh thần dân tộc phải khởi đầu bằng ý thức liên đới giữa người dân với nhau.

Trước hết, chúng ta phải cố gắng thoát khỏi cái ách tắc tư tưởng của câu hỏi "ai thắng ai" học từ Lenin. Việt Nam không có nhu cầu minh chứng tính chất ưu việt của hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa trên tư bản chủ nghĩa và cũng chẳng cần niềm kiêu hãnh dất đỏ là đã đánh thắng mọi loại kẻ thù trong thế kỷ này. Thực tế là toàn dân ta đã thua đậm, cả hai phe chiến thắng lẫn chiến bại trong các cuộc thư hùng 1945, 1954, 1975 đều thất bại, hoặc trong chiến tranh hoặc troug hòa bình. Ta cần chấm dứt dựng chiến hào giữa đồng bào với nhau. Sự ngược đãi phe chiến bại sau 1975 là một thiệt thòi lớn cho đất nước, và chánh sách đó phải được công nhận là sai lầm, danh dự của những người bị cầm tù phải được phục hồi. Họ phải được coi là công dân một nước, y như mọi thành phần khác. Thứ nữa, nhà cầm quyền cần mau chóng tháo gỡ cái gông cùm của nguyên tắc lẩn thẩn theo đó "yêu nước thức là yêu xã hội chủ nghĩa". Nó là một sự huyễn hoặc thiếu lương thiện và một sự khinh miệt người dân khi ta cần xây dựng lại tinh thần hợp quần trong dân tộc.

Thứ hai, ta phải khôi phục được tinh thần tự trọng dân tộc, tức là người một nước phải coi trọng lẫn nhau. Trong ý hướng này, ta phải ngăn ngừa được một phản ứng khá phổ biến là coi thường đồng bào mà e sợ ngoại quốc. Chẳng hạn, cứ giữa người mình với nhau thì kỷ luật lỏng lẻo, dễ coi nhẹ khinh thường, ưa hiếp đáp hoặc lường gạt, có khi còn biện bác với châm ngôn "ngoài thì là lý nhưng trong là tình" bằng một sự vô tình tàn nhẫn. Trong khi với người ngoại quốc thì ta lại kỷ luật và thành tín một phép. Hiện tượng trên có được thấy đâu đó ở tại nước ngoài, khi cộng đồng ta giao tiếp với các sắc dân hoặc chính quyền bản xứ của nước khác và có dịp đối chiếu. Một dân tộc sẽ không thể nào vững mạnh khi thiếu tinh thần tự trọng và hợp quần. Một dân tộc mà cứ phải nhờ cậy người ngoài mới có được kỷ luật bên trong thì dẫu chẳng bị ngoại xâm cũng vẫn là nô lệ.

Về dài, sự kiện là tiến bộ xã hội sẽ đào sâu khoảng cách giữa các thành phần khác nhau là một điều khó tránh nên ý thức liên đới và sự hợp quần lại càng cần thiết. Trong lịch sử cận đại của nhân loại, những quốc gia nào mà biết bảo vệ tính liên đới và hội nhập trong xã hội, nhờ phát huy những sắc thái văn hóa đặc thù của họ, đều là những nước vừa phát triển nhanh, vừa có sự ổn định ở bên trong. Trường hợp của của Đức, Áo, Thụy Sĩ, hay Nhật Bản, Đại Hàn, với mức cách biệt lợi tức khá hẹp giữa thành phần giàu có nhất và đại đa số còn lại, là một tấm gương sáng. Họ có tinh thần quốc gia dân tộc, và thành công trong một thế giới mà ranh giới quốc gia đang tan loãng. Gần gũi với cộng đồng người Việt ở nước ngoài, ta cũng có những trường hợp đáng suy ngẫm như tinh thần hợp quần của người Hoa hải ngoại: dù mang tên đã Âu hóa, sống tại bất cứ quốc gia nào, ở mọi vị trí cao thấp, họ vẫn có tinh thần liên đới và tương trợ bền vững, rõ là có khác với tinh thần của dân ta ở nước ngoài.

Khi xét tới hoàn cảnh của từng thành phần, ta biết là trong khi đa số người Việt còn xoay trở với những vấn đề cổ lỗ của một xã hội nông nghiệp với những thói quen suy nghĩ có tính chất tiền công nghiệp thì không thiếu người Việt Nam có trình độ khoa học kỹ thuật chẳng thua kém gì những sắc dân của các nước hậu công nghiệp tiến bộ nhất. Trong mọi ngành khoa học kỹ thuật tiên tiến như điện toán, viễn liên không gian, thông minh nhân tạo, người máy tự điều... ta thấy có nhiều chuyên gia gốc Việt Nam phục vụ ở những vị trí rất cao. Những trường hợp này là điển hình của thành phần chuyên gia toàn cầu, thành phần thứ ba vừa

nói ở trên. Niềm hãnh diện về người Việt Nam đã thành công ở nơi khác, cho xã hội khác, dĩ nhiên không là một điều xấu, nhưng chưa là một đóng góp thiết thực cho dân tộc. Khi xét tới hoàn cảnh của đại đa số còn vất vả ở phía sau, chúng ta muốn là sự tiến bộ phải có tính chất đồng bộ và kết quả du nhập kỹ thuật (chuyển giao kỹ thuật) phải được ứng dụng và khuếch tán cho cả xã hội.

Người ta phải được tự do học hỏi để mở mang tầm hiểu biết của mình, và giúp cho sự hiểu biết của dân tộc. Chẳng những việc được ra ngoài tu nghiệp nên mở rộng cho càng đông người càng hay mà cả nạn đầu cơ kiến thức (một hiện tượng chậm tiến trong những xã hội mà thông tin và sự hiểu biết cũng là một đặc quyền vì đem lại đặc lợi) cũng phải chấm dứt. Chỉ có tự do tư tưởng và chính trị mới giúp ta mở rộng được tinh thần liên đới và tương trợ nói trên.

Dân một nước phải chia sẻ chung một niềm tự hào và một tinh thần tương trợ trong ý nghĩa đó.

Nguyên tắc có vẻ lý thuyết và vu vơ trên chính là một tinh thần chỉ đạo cần thiết cho chánh sách kinh tế quốc gia. Người dân phải làm giàu và thành công trong sự làm giàu. Nhưng kết quả của thịnh vượng cho mình cũng phải tạo ra điều kiện thịnh vượng cho đồng bào mình, trước hết là qua chánh sách thuế khóa và xã hội, sau đó là qua những nỗ lực của các tổ chức xã hội, tôn giáo hay chuyên nghiệp của cộng đồng, nhằm yểm trợ những ngành quan yếu cho quốc gia và đồng bào là giáo dục, huấn nghệ và y tế.

Nhà cầm quyền phải có chánh sách thuế khoá chặt chẽ là đã đành (thuế suất không phải là cao mới là chặt mà phải thu cho đủ và cho đúng), mà còn phải có chánh sách thuế khóa tiến bộ và chánh sách phát triển vùng quân bình. Đồng thời nhà cầm quyền cũng phải mở ra những điều kiện pháp lý thuận lợi để phát triển các tổ chức ngoài chính phủ nhằm phục vụ cộng đồng. Phản ứng thủ cựu, e dè là những đoàn thể xã hội sẽ gây ảnh hưởng cạnh tranh với chính quyền là một phản ứng lạc hậu, đi ngược lại quyền lợi của dân tộc. Nó cũng phản dân tộc như thói trốn sâu lậu thuế khi thuế khóa không còn là một khí cụ bóc lột mà là một nghĩa vụ xã hội. Điều kiện cần thiết ở đây là phải xây dựng lại tinh thần tín nhiệm giữa dân và nhà nước.

Tinh thần liên đới cũng phải vượt qua những ranh giới sắc tộc để bao trùm lên mọi người dân từ bao lâu nay đã cùng sinh hoạt trên một lãnh thổ và cùng chia sẻ những gian lao vinh nhục của đất nước. Tinh

thần kỳ thị các sắc tộc thiểu số và chánh sách phát triển thiếu cân đối hoặc bất công với những vùng Cao nguyên Trung phần và Tây nguyên Bắc phần là những điều phải tránh. Đó là ta chưa nói tới những hậu quả thực tế về mặt an ninh và trật tự trong một bối cảnh phân hóa đang thấy xảy ra ở các nước khác.

Người Việt ta có những đức tính truyền thống có lợi cho tinh thần liên đới và xả kỷ như "lá lành đùm lá rách"; "có phúc có phần"; "người trồng cây hạnh người chơi, ta trồng cây đức để đời mai sau"... Nếu từ trên chí dưới, từ trong ra tới ngoài, ta cố gắng gìn giữ và thành thật phát huy, đồng đô la và truyền hình hay điện toán vẫn khó có thể xoá được. Nhưng, như trong mọi địa hạt khác, lời nói và việc làm phải đi đôi, nếu không, con trẻ sẽ chỉ học gương xấu trước mắt mà thôi. Sự tương phản giữa lời hoa mỹ và việc tồi tệ chỉ nuôi dưỡng chủ nghĩa đểu cáng (chủ nghĩa "khuyển nho", [cynicism]), tính đa nghi và óc mánh mung chụt giựt. Những thất bại và lật lọng liên tiếp đi cùng tính thông minh của dân tộc đã khiến chủ nghĩa này phát triển khá sâu rộng trong tâm lý mọi người, ta nên cố gắng quan tâm và nỗ lực vượt qua.

Độc Lập Dân Tộc Là Cạnh Tranh Thắng Lợi

Tinh thần dân tộc đã chẳng là tinh thần tự cô lập, trong khuôn khổ kinh tế quốc tế, nó cũng không phải là tinh thần bảo vệ ngoại thương.

Ngày nay, mọi người đều đã hiểu là nền độc lập không đi đôi cùng sự tự cô lập. Chánh sách đóng cửa không giao tiếp với thế giới bên ngoài chỉ là sự độc lập trong thoái hóa và nghèo khốn. Một xã hội nghèo khốn và thoái hóa thì chẳng bị xâm lăng cũng tan rã. Chúng ta đã đi qua giai đoạn đó, nhưng, trong thế cạnh tranh ngày nay, người ta vẫn có thể rơi vào một trạng thái khác của phản ứng tự cô lập. Đó là phản ứng bảo hộ mậu dịch và hạn chế ngoại thương với những lý do như để bảo vệ chủ quyền quốc gia, công bằng xã hội hoặc kỹ nghệ nội địa.

Trong phần dẫn nhập, ta có nói tới quy luật được/thua của đầu tư tài chánh, nhưng cũng có nói là trong nhiều mối quan hệ kinh tế khác, cái được của người này không nhất thiết là cái thua của người khác. Ngoại thương là lãnh vực tiêu biểu mà cả đôi bên đều có thể có lợi trong trường kỳ. Nếu e sợ là mình cạnh tranh thua kém và dựng hàng rào quan thuế để bảo vệ hàng nội địa, hoặc hạn chế nhập cảng để tránh thua thiệt, hoặc chỉ nhắm vào chánh sách thay thế nhập cảng làm lực phát triển, ta sẽ tự gây cho mình nhiều bất lợi trong lâu dài.

Trước hết, quy luật "khó người khó ta" khiến các nước khác cũng sẽ có phản ứng bảo vệ tương tự đối với hàng hóa Việt Nam. Sau đó, nếu ta có những điều kiện khó khăn và bất công, người ta sẽ đầu tư ở nước khác. Khi phát triển mậu dịch là một nhu cầu chiến lược cho đất nước, ta sẽ phải nghĩ tới xuất nhập cảng trên cả hai vế: mục tiêu của xuất cảng chính là để nhập cảng những gì cần thiết cho phát triển. Khi chỉ nhắm vào việc hạn chế nhập cảng, ta sẽ bị phản ứng của các nước khác, hàng hóa của ta sẽ khó bán ra ngoài và chính kinh tế của Việt Nam tức là giới tiêu thụ và dân chúng mới là nạn nhân chung cuộc.

Tinh thần bảo hộ mậu dịch và kỳ thị hàng ngoại hóa còn khiến công nghiệp nội hóa không phát triển và cải tiến vì không bị cạnh tranh. Kết quả vẫn là sự thiệt thòi cho người tiêu thụ để bảo vệ quyền lợi của người sản xuất trong những ngành non yếu. Nếu ta không mở cửa cạnh tranh và lấy kỷ luật của kinh doanh quốc tế làm khuôn khổ hoạt động cho mình thì sẽ chẳng bao giờ có kỷ luật và kiến thức quản trị theo kịp nước khác. Vì vậy, ý niệm ái quốc trong ngoại thương là điều cũng cần được minh định lại cho rõ, cho có lợi cho dân tộc.

Vấn đề rất dễ gây xúc động cho người dân trong nước khi ta nhớ tới tình trạng cạnh tranh của hàng Trung Quốc tràn qua nhiều ngả biên giới vào nước ta. Nạn buôn lậu là một vấn đề của hệ thống phối hợp pháp quyền quá lỏng lẻo khiến công quỹ bị thất thâu về quan thuế, ta cần sửa lại thuế biểu cho thực tế và gia tăng khả năng kiểm soát tại các cửa khẩu. Nhưng, rộng lớn hơn, ta cần xét tới khả năng sản xuất và cạnh tranh của mình đối chiếu với người. Nếu giá thành của họ thấp -thấp hơn hàng hóa của các nước Đông Á và Việt Nam- vấn đề là thuộc phạm vi giải quyết của chúng ta, để cải thiện năng suất và giảm giá thành cùng nâng cao phẩm chất hàng nội hóa. Giữa nỗ lực kiểm soát và ngăn chặn hàng ngoại với nỗ lực cải thiện hàng nội, việc cải thiện khả năng sản xuất của ta luôn luôn có lợi hơn trong trường kỳ và còn tránh được nạn tham nhũng trong hải quan.

Phản diện của khía cạnh trên có nghĩa là tinh thần dân tộc phải là tinh thần cạnh tranh thắng lợi. Đã không đóng cửa và cũng chẳng có thể dựng hàng rào hạn chế trao đổi ngoại thương, ta sẽ phải mở cửa ganh đua và ganh đua với ý chí quyết thắng. Ngoài tinh thần hợp quần và liên đới, ý chí đó đòi hỏi cả phản ứng tự chế để tránh những chọn lựa cực đoan, tinh thần cần kiệm để có phương tiện tự chủ hầu không lệ thuộc vào ngoài viện.

Trong phạm vi này, ta có thể học được nhiều điều bổ ích ở ba trường hợp được gọi là phép lạ kinh tế. Đó là Nhật Bản, Tây Đức và Đại Hàn.

Cả ba đều ngoi dậy trên tro than của chiến tranh sau khi đã bị cai trị bởi các chế độ độc tài; cả ba đều chọn lựa con đường kinh tế tự do thay vì chỉ huy; cả ba đều thận trọng cải tổ theo khuynh hướng tiệm tiến, với một guồng máy hành chánh công quyền và những định chế hữu hiệu được xây dựng như một ưu tiên của việc cải tổ. Quan trọng nhất, các nước nói đều biết tự chế nên không nóng vội đi vào những giải pháp kinh tế và chính trị cực đoan.

Tại Nhật, người ta không đem Nhật Hoàng ra xử, mà vẫn duy trì chế độ quân chủ làm nền tảng hòa đồng tinh thần cho cả dân tộc; người ta ưu tiên ổn định trật tự xã hội và dồn sức nâng cao khả năng cạnh tranh của cả nước bằng cách cải tiến bộ máy chính trị và hành chánh, người ta thiết lập ra những cơ chế quản lý kinh tế, sử dụng ngoại viện hợp lý để sớm khỏi lệ thuộc vào ngoại viện. Tại Đức cũng vậy, việc xây dựng một nền móng luật pháp và hạ tầng cơ sở sản xuất đã là một ưu tiên, nhờ đó mà tư doanh Tây Đức có guồng máy sản xuất và nhân sự khai thác được lợi thế ngoại thương. Hơn mười năm sau, tới lượt Đại Hàn dưới sự lãnh đạo của chính quyền Phác Chính Hy. Đại Hàn cũng chủ động tiến hành cải tổ bằng một guồng máy công quyền hữu hiệu và liêm chính, bằng tinh thần cần kiệm khắc khổ và bằng một hệ thống quản lý kinh tế sáng suốt yểm trợ các đại tổ hợp kỹ nghệ và xây dựng chinh phục các thị trường quốc tế. Sau chiến tranh Việt Nam, và vượt nước ta vài chục năm, Đại Hàn đã thành nước công nghiệp xuất cảng.

Cả ba đều không cải tổ qua đường lối hoàn toàn tự do mà còn đặt ưu tiên xây dựng tinh thần liên đới bằng mức sinh hoạt tối thiểu bảo đảm cho mọi người để ổn định xã hội (chánh sách thuế khóa tiến bộ). Căn bản nhất, những thành viên trong các nền kinh tế đó -tức là chính quyền, tư doanh, nghiệp đoàn và giới tiêu thụ- đều có tinh thần trách nhiệm và kỷ luật, san xẻ đồng đều những hy sinh, khi phải nín thở qua sông.

Bất cứ một sự thể nào cũng có mặt trái của nó: từ những khó khăn của Nhật Bản và Đại Hàn nổi rõ từ dăm năm trở lại đây, ta cần thấy tình trạng xơ cứng và trì trệ của một guồng máy hành chánh công quyền, dù là vững mạnh khi được xây dựng mấy chục năm trước, nếu không có sự cải thiện và hiện đại hóa. Giữa nhu cầu ổn định để phát triển và cải tiến cũng để phát triển, ta phải tìm ra mức dung hòa hợp lý. Nếu trong

thập niên tới, ổn định để phát triển khả năng cạnh tranh là một nhu cầu chiến lược, thì việc xây dựng một bộ máy công quyền có khả năng phối hợp và cải tiến linh động vẫn là một nhu cầu trường kỳ hơn.

Chúng ta biết là kế hoạch kinh tế kiểu tập trung xã hội chủ nghĩa đã thất bại, nhưng điều sai lầm không kém là xả cảng cho thị trường mặc sức tung hoành như một số chuyên gia ngoại quốc hoặc định chế quốc tế khuyến cáo. Nhà nước cần một nỗ lực dự phóng, hoạch định và phối hợp các ngành trong một viễn ảnh lâu dài để tạo điều kiện cho tư doanh nước nhà có thể phát triển và cạnh tranh thắng lợi với thiên hạ. Chánh sách quốc gia sẽ phải coi việc nâng cao khả năng cạnh tranh của kinh tế quốc dân là một mục tiêu chiến lược trường kỳ. Cần nhắc lại là chính quyền không kinh doanh và không có chức năng làm giàu, đó là việc của dân chúng. Chính quyền cần yểm trợ tư doanh lần lượt khắc phục các chướng ngại để trở thành những lực lượng cạnh tranh vững mạnh.

Trong chiều hướng đó, quan niệm có tính chất "hữu vi" của một chánh sách phát triển quốc gia phải được thận trọng cân nhắc. Việt Nam cần có một chánh sách phát triển dựa trên những mục tiêu chiến lược vạch sẵn cho một hai thập niên sắp tới. Chánh sách này không nhắm vào việc giới hạn tư doanh mà là yểm trợ tư doanh trong những ngành thiết yếu nhất của đất nước, để sau giai đoạn năm năm, rồi mười năm, mười lăm năm, Việt Nam lần lượt chinh phục những lãnh vực sản xuất có trị giá đóng góp (giá trị gia tăng) ngày một cao.

Trong khuôn khổ kinh tế mở rộng, yêu nước ngày nay không đơn giản là chỉ dùng hàng nội hóa, chỉ tuyển dụng công nhân Việt Nam hoặc hô hào tẩy chay các cơ sở kinh doanh của sắc dân khác. Yêu nước là khiến người Việt Nam có năng lực kỹ thuật hay tài chánh tham dự vào tiến trình sản xuất và phát triển -trong phạm vi kinh doanh của một xí nghiệp hay trên địa hạt kinh tế quốc tế của toàn cầu- ở những vị trí ngày một cao hơn. Những lời báo động hoặc khẩu hiệu chống đối thế lực kinh tế của người Hoa ngày nay –hoặc của người Mỹ người Nhật ngày mai- chỉ là phản ứng tiêu cực của sự bất lực nếu không dẫn tới những nỗ lực thăng tiến cho người Việt trên thương trường. Tại hải ngoại, nhiều người Việt muốn biểu lộ lòng yêu nước một cách dễ dãi nên ưa báo động về "thế lực kinh tế Hoa kiều" ở trong nước. Họ quên mất là người bản xứ trong những nước đón nhận họ như Mỹ, Pháp, Gia Nã Đại... mà lên tiếng về "thế lực kinh tế người Việt" là ta lại biểu tình công kích họ kỳ

thị người Việt! Trong thế giới cạnh tranh, chỉ có quy luật kinh doanh thành công hay thua lỗ chứ không có chỗ cho sự kỳ thị. Muốn khỏi thua, ta không thể kéo thiên hạ xuống mà phải cố vươn lên. Đây cũng là một khoảng cách nhận thức lạc hậu của sự nhược tiểu không đóng góp gì cho tinh thần dân tộc cả.

Tổng kết lại, nội dung của ý niệm dân tộc ngày hôm nay thực ra cũng không xa lạ gì với nếp văn hóa của dân ta: tinh thần liên đới trong cộng đồng quốc gia, tinh thần cởi mở với tha nhân, tinh thần tự chế và cần kiệm, tinh thần cầu tiến và tự cường. Chỉ có một yếu tố tương đối mới, đó là vai trò yểm trợ của chính quyền để dân chúng có khả năng cạnh tranh cao hơn. Ý niệm độc lập dân tộc trong khuôn khổ kinh tế thị trường chính là khả năng cạnh tranh đó. Trong hoàn cảnh hiện nay, nhà cầm quyền đang giữ một trách nhiệm rất lớn khi không dám tin vào dân và lại chủ quan ôm lấy vai trò lãnh đạo và dời thay dân cạnh tranh với thiên hạ bằng một guồng máy rời rã tơi tả.

*

Hơn sáu mươi năm trước, quãng một năm sau vụ sụt giá chứng khoán tại Nữu Ước nhưng trước khi lực lượng Quốc Xã nắm chính quyền tại Đức, trước khi khủng hoảng bùng nổ tại Mãn Châu, vào tháng Mười năm 1930, tờ [Economist] xuất bản tại Luân Đôn đã nhận định về tình hình thế giới với lời kết luận u ám như sau:

"Những thành quả kinh tế của loài người chúng ta đã vượt xa thành tựu chính trị. Trên địa hạt kinh tế, thế giới đang trở thành một đơn vị sinh hoạt hợp nhất. Trên địa hạt chính trị, thế giới không chỉ bị chia làm sáu bảy chục nước mà các nước còn bị phân hóa thành những đơn vị nhỏ hơn, nhiều hơn và ý thức quốc gia đang sôi sục nóng bỏng hơn. Mâu thuẫn giữa hai chiều hướng xoay chuyển trên đang dồn dập tạo ra những chấn động trong sinh hoạt xã hội của nhân loại."

Mươi năm sau, chiến tranh thế giới bùng nổ cũng từ chủ nghĩa quốc gia mà ra. Trong nửa thế kỷ sau đó, nơi nào kinh tế phát triển trùm qua biên giới chính trị nơi đó người ta có sự thịnh vượng; nơi nào chủ nghĩa quốc gia dựng hàng rào ngăn cản trao đổi hoặc chủ nghĩa cộng sản lập kế hoạch quản lý kinh tế là sản xuất tan hoang và đời sống dân chúng lầm than. Ngày nay, trong khi hình thái kinh tế hội nhập có tính chất toàn cầu đang phát triển mạnh hơn nhờ những tiến bộ về khoa học kỹ thuật thì phân hóa chính trị cũng lại nổi lên gay gắt hơn. Từ trong đế quốc Liên Xô đã sụp đổ ra tới các lục địa khác ở bên ngoài, ta đang

TRẦN HỒNG CHÂU

ngã ba sỏi đá

Gió mưa tính sổ vào đời
Đèn khuya bóng lẻ bồi hồi thế nhân
Từ đêm binh lửa ầm ầm
Gió bay nhà bạc cát lầm cửa thưa
Tuổi xanh thao thức mấy mùa
Núi nhìn sông rộng cũng thừa cảm thông
Nhưng sao mỏi mắt chờ trông
Chân dung hồn Việt một vòng không tên
Triền miên góc biển lãng quên
Tình người vắng bóng mấy miền hoang vu
Vong thân lẻ chiếc ngôn từ
Nửa vùng trời thấp đỏ từ cỏ cây
Quê hương băng địa héo gầy
Vòng quay tiền sử vơi đầy lệ vơi
Ngã ba sỏi đá cuộc đời
Tấm lòng nghiêng ngửa trông vời biển xanh!

chứng kiến hiện tượng nhiều quốc gia lớn nhỏ theo nhau phân hóa thành những đơn vị chính trị nhỏ hơn, nhiều hơn và không chỉ ý thức quốc gia mới sục sôi nóng bỏng mà cả tinh thần tôn giáo hoặc sắc tộc hay bộ lạc đều là những yếu tố tinh thần có khả năng huy động lớn. Với võ khí nhiều hơn, hiện đại hơn.

Nước ta đã nổi danh trên thế giới ở hai điểm cũng mâu thuẫn như hai chiều hướng đối nghịch trên: Việt Nam là anh hùng bi thảm của chủ nghĩa dân tộc và cũng là một nước rách rưới tới mức mà độc lập trở thành điều mai mỉa. Những xoay chuyển của thế giới ở bên ngoài -và nhất là của Việt Nam ở bên trong- giữa những áp lực đối nghịch khiến người ta không thể không e ngại. Các loại chủ nghĩa cực đoan đi cùng tinh thần bùa chú chính trị và những hứa hẹn viển vông sẽ dẫn đầu đám rước thê lương của những bất mãn bị dồn nén, những khát khao bị ức chế, để đưa nước ta vào thế kỷ 21. Trong khi đó, nếu chế độ lại chỉ ưu lo bị mất quyền lực khi thay đổi thì e rằng nước ta khó tránh được loạn.

Trích trong "Việt Nam nhìn từ bên trong và bên ngoài", Văn Lang vừa xuất bản

NGUYỄN XUÂN QUANG

cái là đực?

Kính dâng hương hồn MẸ tôi, nhân ngày lễ Mẹ,
Rời, bọ, chồn, cáo không thể nào bôi bẩn danh thơm của MẸ.

Từ CÁI của Việt ngữ đã từng là đề tài tranh luận *"sống mái"*, thư hùng. Một phe cho Cái là "gái", là mẹ và một phe cho Cái là đực, là cha. Từ Cái đã trôi nổi theo dòng tiến hóa của con người, thăng trầm theo lịch sử Việt Nam.

Người đại diện phe "sống", phe cha là học giả Bình Nguyên Lộc. Học giả cho rằng cái có nghĩa là cha và chứng minh bằng Chàm ngữ, Mã ngữ.

"Chúng ta sẽ thấy trong chương này những tiếng Mã Lai bị ta biến đến mất nghĩa, nhưng họ còn giữ.

Thí dụ: chữ CÁI, trong BỐ CÁI Đại Vương, trong Con dại cái mang. CÁI ấy là ĐẦU, là Cha, là Thủ Lãnh, còn y nguyên trong Chàm ngữ, Mã ngữ và Thượng ngữ, chớ không phải là mẹ như ta đã hiểu lầm.

Con của ông Phùng Hưng chỉ xây đền thờ cho cha, mẹ ông ấy không có làm gì cả ngoài việc nội trợ, thì không có lý nào mà ông ấy gộp mẹ vào chức Đại Vương được hết.

Vả lại trong Việt ngữ hiện kim cũng còn dấu vết của tiếng CÁI đó trong danh từ Thợ Cái. Đâu có phải là thợ đàn bà hở trời? Đường Cái đâu có phải là đường để dành riêng cho phụ nữ đi dạo mát. Ngón chơn Cái là ngón lớn nhứt chớ cũng không phải là ngón chơn của cô nào hết" (BNL, Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam tr.477).

Trong Lột Trần Việt Ngữ học giả nhắc lại "Xin nhắc đến tĩnh từ CÁI thứ nhì trong BỐ Cái Đại Vương. Đó là tĩnh từ có nghĩa là Đực, là đàn ông, là lực lưỡng, là lãnh tụ, chẳng dính líu gì tới Cái là giống cái hết..." (tr.125).

"Cái không hề có nghĩa là giống Cái, mà oái ăm thay, lại có nghĩa là giống dực.

Trong Mã Lai ngữ, tĩnh từ Laki bị Chàm biến thành Licáy và Việt biến

thành Cái, có nghĩa là đàn ông, là giống đực, là lãnh tụ... thợ Cái là thợ "xếp" đấy...

Licáy = Cái = Lãnh tụ, và Cái của ta là Đàn ông là lãnh tụ chớ không là giống Cái." (tr.133-134)

Phe "mái" cho rằng cái là mẹ. Phe này là phe "ta" theo như lời học giả đã viết "chớ không phải là mẹ như ta đã hiểu lầm". Ta có hiểu lầm không? Đó là câu trả lời phe ta sẽ đi tìm. Phe ta này đại diện xin kể Huỳnh Tịnh Paulus Của trong Đại Nam Quốc Âm Tự Vị với *sông cái: sông lớn, sông mẹ;* Lê Ngọc Trụ trong Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị với *cái, tiếng cổ nghĩa là "mẹ": con dại cái mang; Bố Cái Đại Vương.*

Chúng ta có nhiều câu nói về từ *cái* như tục ngữ: *Con dại cái mang; khôn ăn cái dại ăn nước;* ca dao: *nàng về nuôi cái cùng con;* sử liệu: *Bố Cái, Đại Vương;* câu chửi: *"đầu lâu hoa cái nhà mày";* giống phái: *con cái, con đực;* những từ thường dùng: *bắt cái, cái ghẻ, cái dừa, con cái, cột cái, đường cái, lại cái, làm cái, mắm cái, nhà cái* (đánh bài, chơi họ, hụi), *ngón cái, sơ cái (mít), sổ cái, sông cái, thợ cái, thúng cái...*

Trong những từ cái liệt kê ở trên ta thấy cái có ba nhóm nghĩa chính:

– Cái? hay đực?

– Mẹ? hay Cha?

– Chính, đầu, to, lớn, chính yếu, chủ chốt...

Nhóm nghĩa thứ ba của từ cái là chính, đầu, to, lớn, chính yếu, chủ chốt... không có gì để nói nhiều vì đây chỉ là nghĩa phụ, nghĩa bóng, biến nghĩa không phải là nghĩa nguyên thủy của cái. Nhóm nghĩa này có thể áp dụng cho cả mẹ hay cha đều được và đều đúng cả, tùy theo nghĩa của từ cái được chứng minh trăm phần trăm là mẹ hay cha.

Vậy điểm chính yếu còn lại ở đây là có thật sự *"cái không hề có nghĩa là giống Cái, mà oái ăm thay, lại có nghĩa là giống đực"* là *"đàn ông"*, là *"cha"* không?

Trước hết có nhiều điểm chúng tôi thấy không ổn khi học giả cho rằng từ *cái* Việt ngữ do Mã ngữ Laki và Chàm ngữ Licáy mà ra: *"Trong Mã Lai ngữ, tĩnh từ Laki bị Chàm biến thành Licáy và Việt biến thành Cái, có nghĩa là đàn ông, là giống đực, là lãnh tụ... thợ Cái là thợ "xếp" đấy..."*

Ai lấy của ai? Học giả nhiều lúc cứ ép Việt ngữ lấy gốc từ Mã ngữ. Nhưng tranh luận ở đây sẽ tốn nhiều trang giấy, xin tạm gác qua bên. Chúng tôi chỉ xin giới hạn vào "cái có phải là đực không?"

Cũng để đỡ tốn giấy mực cứ coi như Laki, Licáy và Cái có liên hệ thật sự với nhau như học giả nói (liên hệ thôi, tạm quên chuyện ai đẻ ra ai). Liên hệ với nghĩa trái ngược hẳn nhau, một đằng là mẹ, một đằng là cha.

Học giả viết *"Con dại cái mang, không phải là Mẹ chịu trách nhiệm mà là Cha lãnh đủ"*. Đó là học giả hiểu theo thời bây giờ. Thuở xưa khi tổ tiên ta còn theo mẫu hệ thì người mẹ là chủ chốt là chính yếu, là cột trụ, là lãnh tụ, là "xếp"... hiển nhiên là con dại thì "mẹ" phải "mang". Chúng ta có những câu:

Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Chúng ta thờ mẹ mà chỉ kính cha thôi. Thời đó cha đứng sau lưng mẹ.

hoặc:

Ai về cho gởi buồng cau,
Buồng trước kính mẹ, buồng sau biếu (kính) thầy.

Mẹ được *"kính"* trước cha, mẹ là *"thủ lãnh"*, *"lãnh tụ"*, là *"laki"* là *"lìcáy"*!

Thuở đó con dại thì cái mang và cái là mẹ là điều dĩ nhiên. Ngày nay người phụ nữ Việt cũng còn giữ một trọng trách lớn trong việc giáo dục con cháu:

Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà.

Ngay học giả cũng xác nhận là: *"Hiện người Mã Lai có thành ngữ Ibu Láki:*

Ibu = bu = mẹ.

Láki = thủ lãnh.

và thành ngữ đó có nghĩa Mẹ là nhà lãnh đạo.

Ở chỗ này, có hơi nhiêu khê cần phải nói thật rõ. Thành ngữ Ibu Láki của Nam Dương (Lạc bộ Mã) là thành ngữ đã sẵn có của họ vào thời mà họ còn theo mẫu hệ. Nay họ đã theo phụ hệ rồi thì đáng lý gì họ phải sửa lại là Babu Láki vì:

Babu = bố.

Láki = lãnh tụ.

Nhưng họ lại không buồn sửa. Ta người Việt Nam, ta đã sửa Ibu láki vào thời Phùng Hưng thành Babu Licáy vì ta đã theo phụ hệ vào thời đó. Sau ta biến mãi thì Babu Licáy thành Bố Cái".

Họ không những *"không buồn sửa"* mà ngày nay nhiều tiểu quốc ở Nam Dương vẫn còn theo mẫu hệ chẳng hạn như lấy vợ vẫn phải ở rể, mặc dầu hiện nay các vai trò lãnh tụ hầu hết đều nằm trong tay phái nam.

Và cũng vì họ *"không buồn sửa"* nên mới còn bằng chứng là *"laki"* nguyên thủy áp dụng cho mẹ trước cha. Laki là biến nghĩa của mẹ. Chữ cái với nghĩa như một tính từ có thể áp dụng cho mẹ thời mẫu hệ và đến thời theo phụ hệ, cha thay thế chỗ cho mẹ thì cha thừa hưởng tất cả nghĩa tính từ cái của mẹ để lại. Từ cái nếu quả thật có nghĩa là cha thì chỉ là nghĩa phụ thuộc sau này, có lẽ sau khi mẹ Âu Cơ và cha Lạc Long Quân chia con tách ra, một đằng theo mẫu hệ, một đằng theo phụ hệ.

Danh từ BỐ Cái Đại Vương cho thấy thời Phùng Hưng là giao thời lúc chế độ mẫu hệ đang bị chế độ phụ hệ chiếm đoạt. Từ BỐ Cái ở đây không thể hiểu như học giả Bình Nguyên Lộc: *"Con của ông Phùng Hưng chỉ xây đền thờ cho cha, mẹ ông ấy không có làm gì cả ngoài việc nội trợ, thì không có lý nào mà ông ấy gộp mẹ vào chức Đại Vương được hết"*.

hoặc:

"Bố Cái Đại Vương, không phải là ông Phùng Hưng và bà Phùng Hưng, mà chỉ có ông Phùng Hưng thôi" (BNL, LTVN tr.134).

Trước hết bà Phùng Hưng *"ngoài việc nội trợ"* có làm nhiều thứ khác nữa chứ không phải là *"không có làm gì cả"*. Bà đã làm công việc mang nặng đẻ đau, nuôi nấng con ông Phùng Hưng và giúp ông Phùng Hưng thành "Đại Vương", nên con ông Phùng Hưng vẫn *"một lòng thờ mẹ"*. Chẳng may sống vào lúc giao thời vai trò của người mẹ đang bị hạ bệ, con ông Phùng Hưng phải theo lễ giáo Khổng Mạnh của ngoại bang nên phải tôn vinh cha lên hơn mẹ. Nhưng vẫn theo truyền thống tổ tiên, vẫn nhớ công ơn mẹ nên con ông ấy đã không thể nào gạt bỏ mẹ ra vì thế đã xếp mẹ vào hai chữ BỐ Cái, với sự nhường bước là đã để Cái đứng sau Bố. Chúng ta ngày nay coi trọng cha hơn mẹ dễ dàng nhưng tổ tiên ta sống trong lúc giao thời mẫu hệ mất về tay phụ hệ, từ bỏ thờ mẹ là một điều bất hiếu và không làm tròn đạo con, là một việc rất khó thực hiện và đau lòng. Hai chữ Bố Cái của con ông Phùng Hưng phản ảnh tâm trạng đó. Bố Cái phải có bà Phùng Hưng trong đó.

Sau đây chúng tôi xin chứng minh từ cái không có nghĩa là đực, không thể nào là:

"Cái không hề có nghĩa là giống Cái, mà oái ăm thay, lại có nghĩa là giống đực" (BNL, LTVN tr.133).

Trước hết hãy lấy từ con cái ghẻ. Con cái ghẻ không thể hiểu là con *"đực"* ghẻ, con *"cha"* ghẻ, con ghẻ *"lãnh tụ"*, con ghẻ *"lực lưỡng"*. Con ghẻ đực không đẻ trứng. Con cái ghẻ phải hiểu là con *"mẹ"* ghẻ!

Xin nêu ra một chứng minh nữa là từ sông cái của Việt Nam. Nếu cắt nghĩa một cách hời hợt thì cũng có thể tạm chấp nhận là sông chính, sông lớn, sông to. Nhưng ta có từ sông con. Chữ con này đi đôi với cái. Vậy cái đây phải có nghĩa là mẹ hay cha, không thể có nghĩa là sông to, sông lớn, sông chính được, đây chỉ là biến nghĩa. Theo *"Common sense"* chúng ta hiểu sông cái là sông mẹ nhưng theo học giả Bình Nguyên Lộc là sông cha (đi đôi với sông con). Nhưng từ sông cái không phải là một từ mới có sau này. Đây là một từ rất cổ, phải có từ thời thượng cổ khi các chi của Bách Việt còn sống gần cận nhau vì các chi khác cũng có từ sông cái này như chúng ta. Thời thái cổ Bách Việt còn theo mẫu hệ thì cái phải là mẹ chứ không thể là cha được. Thuở đó chưa có tam cương ngũ thường của Khổng Tử, chưa có chuyện *"tại gia tòng phụ"* (ở nhà theo cha), thuở đó con cái phải theo mẹ.

Thái ngữ có từ *mê (mae) nam* có nghĩa là mẹ nước chỉ sông cái. Chữ mê trong Thái ngữ tuyệt nhiên không có nghĩa là cha, là đực. Rành rành mê là mệ, mệ nàng, là mẹ. Như thế sông cái đối chiếu với mê nam thì cái phải là mẹ.

Lào ngữ gọi sông Cửu Long là *Mê Khung* (Mékong) có Mê: mẹ, khung, kung, kong là sông. Đối chiếu với Lào ngữ sông cái Việt ngữ là sông mẹ.

Mã ngữ *sungai*: sông, nếu tách ra làm hai sung gai có thể là sông gái. Sông gái là sông mẹ, sông cái (Sumatra ngữ có từ gadis: gái đĩ, gái tơ, gái tân).

Thêm một ví dụ về sông nữa là danh từ sông *Đồng Nai*.

Theo học giả Bình Nguyên Lộc sông Đồng Nai gốc từ tiếng Mạ *"Cũng nên biết rằng dân Mạ cũng đã có danh từ Đồng hàng ngàn năm rồi dưới hình thức ĐANG và ĐỜNG. Ta di cư tới thì đặt tên con sông Đồng Nai bằng cách thêm tiếng Nai vào là đủ. Hiện nay họ còn chiếm đất ở ngọn Đồng Nai và vẫn tiếp tục gọi sông đó là sông Đờng, mặc dầu ở địa bàn của họ không còn đồng bằng nào nữa hết...*

Nguyên người Mạ gọi sông Đồng Nai là ĐẠ ĐƯỜNG = SÔNG

ĐỒNG. ĐẠ là hình thức đầu tiên của danh từ Nước, cũng có nghĩa là sông.

Nhưng ông Tây đã ký hiệu là DA DUNG... Tây đi rồi, các ông Việt biến thành ĐA DUNG. Nhưng học trò thấy rằng ĐA DUNG cứ còn vô nghĩa bèn đọc là ĐÁ DỰNG" (BNL, LTVN tr.285).

Trước hết học giả cũng như nhiều người, hiểu chữ đồng ở đây là cánh đồng (field). Dĩ nhiên đồng cũng có nghĩa là đồng bằng nhưng từ đồng với nghĩa đồng ruộng là danh từ mới có sau này khi Bách Việt biết trồng lúa nước, sau khi đã chia con lên núi và xuống đồng bằng. Không biết lúc đặt tên sông người Mạ đã biết trồng lúa nước trong đồng hay chưa? hay họ vẫn còn hỏa canh? Dĩ nhiên khó có thể trả lời câu hỏi này. Chữ Đồng ở đây của người Mạ cùng gốc Bách Việt từ ngàn xưa theo chúng tôi với nghĩa nguyên thủy, lâu hơn nghĩa đồng bằng. Từ đồng còn để lại vết tích trong Đồng Bóng Bách Việt, một trong những "tôn giáo" cổ nhất của nhân loại. Nên từ đồng có từ thái cổ Bách Việt. Đồng đây có nghĩa là Mẹ. Người Mạ gọi sông Đồng giống hệt như ta gọi sông Cái. Đó là lý do tên sông Đồng như học giả Bình Nguyên Lộc đã nói, không ăn nhằm gì với địa bàn đồng bằng cả. Ngày nay họ bị đẩy lên ngọn nguồn con sông, vùng rừng núi không còn đồng bằng họ vẫn gọi là sông ĐỜNG vì Đờng không có nghĩa là đồng bằng mà đồng có nghĩa là Mẹ. Sông Đờng là sông Mẹ, sông Cái.

Chúng tôi đồng ý với học giả Dạ là thể chuyển hóa của Nạ, nác là nước. Đạ Đờng là Nước Mẹ là sông Mẹ. Học giả cho rằng *"Ta di cư tới thì đặt tên con sông Đồng Nai bằng cách thêm tiếng Nai vào là đủ"*, chúng tôi thấy học giả hoàn toàn suy diễn và gán ghép. Chúng ta thêm chữ nai vào vì ở đó có nhiều nai chăng? Có yếu tố sử nào chứng minh là ở đó có nhiều nai không? Hay chúng ta thấy chữ nai nên suy diễn ra? Tại sao ta không bỏ hẳn và gọi là sông Nai?

Theo chúng tôi thì Đồng Nai là *Đồng Na, Đồng Nak, Đồng Nác, Đồng Lã nghĩa là Mẹ Nước*, giống hệt như Thái ngữ Mê Nam.

Hơn thế nữa, *Nai chính là na, là nã, là nác, là la, là lã, là nước.*

Thứ nhất *Nai* đọc theo lối cổ Việt n=l (nó = ló, no nê = lo lê) là *lai*. Lai láng là nước mênh mông. Lai láng đọc theo cổ Việt là nai náng (Không phải tổ tiên ta ngọng đâu, đây là thể biến hóa của ngôn ngữ loài người ví dụ người Tầu gọi sữa là nại, nãi, ông Tây gọi sữa là lait, Tầu ngọng hay Tây ngọng?).

Thứ hai ta có từ nai chỉ cái bình dựng rượu: *nai rượu*. Nai rượu không phải là bình có hình con nai hay bình có cổ dài như cổ con nai, con hươu cao cổ như có người đã cố giải thích. Chúng ta không có con hươu cao cổ, con vật này gốc ở châu Phi. Cho mãi đến thế kỷ 15 người Trung Hoa mới thấy con hươu cao cổ lần đầu tiên. Năm 1414, tiểu vương Bengal triều cống vua Vĩnh Lạc (Yunglo) nhà Minh một con hươu cao cổ họ mua từ châu Phi. Triều đình nhà Minh thấy con vật này có nhiều điểm giống linh vật kì lân. Một sự trùng hợp nữa là tên Somalia gọi con hươu cao cổ là *girin* (người Tây phương phiên âm thành giraſe) rất gần cận với *qilin* (kì lân) khiến triều đình nhà Minh tưởng *girin* là *qilin* (người Trung Hoa đọc r thành l nên *girin* = *gilin*, *gilin* và *qilin* giống nhau như hệt). Thế là quần thần tổ chức đại lễ mừng kì lân xuất hiện, chúc tụng ông vua thứ ba đời nhà Minh này là bậc thánh đế. (Điều này chứng tỏ cả nước Trung Hoa không biết con kì lân là con gì. Làm sao họ biết được vì họ không có kì lân, họ "ăn cướp" kì lân của Bách Việt. Đón đọc bài Kỳ Lân, Vật Tổ của Việt Nam). Viết ra chi tiết kì lân này là để chứng minh rằng từ nai rượu không dính dáng gì đến con nai, cổ nai hay cổ hươu cao cổ. Nai rượu là từ rất cổ liên hệ đến nước. Nai chỉ có nghĩa là một loại bình dùng đựng chất lỏng, về sau dùng đựng rượu. Nai là na, là nác, là lã, là lai, là nước.

Tương tự với nai, chữ ve (chai) cũng được đặt tên vì liên hệ đến chất lỏng, ve liên hệ với vú (vú vê). Chúng ta cũng thường gọi vú là bầu sữa mẹ. Bầu cũng như ve là vật đựng chất lỏng. Chất lỏng đây là sữa, cũng là một thứ nước, một thứ nước con người "nống" đầu tiên.

Từ *nại hay nãi: sữa* của Trung Hoa cũng liên hệ với na, nai: nước.

Tiếp đến, chúng tôi xin minh chứng từ ngôn ngữ của thổ dân Ainu ở Nhật Bản:

"Người Ainu nhắc nhiều về sự săn nai, huyền thoại ma quái và nhắc tới những địa danh Ainu ngày trước thường tận cùng bằng vĩ ngữ *betsu* hay *nai* (cả hai có nghĩa là "dòng nước", "stream") và nói tới núi Phú Sĩ thiêng liêng mà họ gọi là 'Nữ Thần Lửa' (Bowles, The People of Asia tr.285)".

Thổ dân Ainu cũng có từ *"nai"* là *"dòng nước"*.

Chắc có lẽ đã tạm đủ, mặc dầu chúng tôi có thể "tán rộng" thêm để chứng minh bằng vài ba trang nữa ví dụ:

* sông *"Nai"* (Nile) của Ai Cập.

* người Ả Rập gọi con sông là *nahr* giống hệt cổ Việt gọi nước là na, nã (lã), nác.

* Latin *lac*: sữa (như lactic, lactose, lactase) đọc theo cổ Việt là nác.

* Pháp ngữ *lait*: sữa, có "lai" là la, là lã: nước, đọc theo cổ Việt là "nait", là nai, nếu đọc theo Tây là "le" thì Việt ngữ le cũng là nước như lỏng le (lỏng như nước), le le (chim nước)...

vân vân và vân vân...

(Xin đừng vội vã nhẩy ngay vào kết luận cho rằng nguồn gốc dân tộc ta là Ai Cập, là Ả Rập, là Anglo-saxon...!)

Chúng tôi khai triển rõ hơn trong Phải Chăng Việt Ngữ Là Chứng Tích Của Nguồn Gốc Ngôn Ngữ Nhân Loại?

Vậy nai là nước không phải là con nai. Đồng Nai là "mẹ nước", là mê nam, là sông Cái. Điều này ăn khớp với ngôn ngữ thế giới và ăn khớp với tất cả các chi khác của Bách Việt đều gọi sông lớn là sông Cái, sông Mẹ. Việt Nam cũng vậy, làng Phượng Lâu của tác giả ở ngay sát mé bờ nước sông Hồng tỉnh Hưng Yên, dân làng thường gọi là sông Cái, hồi nhỏ tác giả không nghe ai trong làng gọi là Hồng Hà, mãi cho tới khi học địa lý nước nhà mới biết tên con sông Cái là sông Hồng Hà.

Chắc có nhiều vị đang thắc mắc tại sao đồng lại có nghĩa là mẹ. Giải thích chữ đồng này chiếm cả một chương sử. Ở đây chúng tôi chỉ xin vắn tắt. Ta có tôn giáo tối cổ là ĐỒNG BÓNG. Đồng bóng là bóng, là vía, là hồn, là cốt mẹ. Chúng ta biết rõ đồng bóng ngày xưa hoàn toàn do phụ nữ ngồi đồng, phụ đồng và các bà đồng thờ mẹ Trời, thờ thánh mẫu, thờ bà chúa thượng ngàn... Đồng, dòng là mẹ.

Ta có rất nhiều từ đồng có nghĩa là mẹ mà chúng ta không biết và cứ tưởng đó là chữ Hán Việt. Ví dụ đồng bào, hiểu theo Hán Việt là cùng một bọc. Cùng một bọc gì? Thiếu nghĩa. Thật ra chữ này phiên âm của Việt ngữ, phải hiểu là bao Mẹ, bọc mẹ, túi mẹ. Chúng ta cùng một bọc trứng của Mẹ Âu Cơ. Đồng bào phải hiểu là đồng bao, đồng bọc, bọc mẹ. Người Trung Hoa không có cùng một túi mẹ, một bọc, một bao Mẹ nên danh từ đồng bào không phải gốc của họ. Ngay cả kim loại đồng (copper) cũng vậy (chúng tôi sẽ nói rõ trong Trống Đồng).

Để độc giả vững tin, xin chứng minh bằng dẫn chứng Mã ngữ, Nam Dương ngữ với từ indong: mẹ (nếu còn nghi ngờ, xin chờ đọc thêm Đồng Bóng). Xin xem thêm ở dưới từ indok kaki: ngón cái.

Trở lại tại sao ruộng có nghĩa là đồng, nghĩa mà học giả Bình

Nguyên Lộc đã hiểu trong Đồng Nai. Nguyên thủy chữ đồng (ruộng) cũng có nghĩa là mẹ. Theo mẫu hệ tài sản ruộng vườn nhà cửa là của mẹ. Đất đai thuộc tài sản của mẹ và mẹ phân phát cho con. Đồng là đất trồng cấy của mẹ. Ngay cả cây lúa mọc trong đồng của mẹ cũng là của mẹ. Ta có từ lúa *tẻ*. *Tẻ* là *đẻ* (t=đ). Đẻ là mẹ (người Bắc vẫn còn gọi cha mẹ là thầy đẻ). Người Mường ngày nay vẫn còn gọi dẻ (mẹ) là tẻ. Lúa tẻ là lúa mẹ. Đó là lý do ta có câu "cơm tẻ mẹ ruột" (cơm mẹ, mẹ ruột). Tẻ là mẹ.

Từ đồng ruộng cho thấy những dứa con đã bỏ xuống đồng bằng theo cha, theo chế độ phụ hệ vẫn một lòng tôn thờ mẹ gọi ruộng là đồng. Điều này giải thích bổ túc thêm cho sự việc con ông Phùng Hưng dùng mấy chữ Bố Cái Đại Vương.

Vậy sông mê nam, sông Mê Khung, sông Đồng Nai đều có nghĩa là sông cái. Và cái là mẹ. Tại sao tất cả các chi Bách Việt đều gọi sông là Mẹ. Rất dễ hiểu. Bách Việt thờ mẹ. Mẹ là thiêng liêng. Mẹ là trên hết. Mẹ là tất cả. Mẹ là Trời (bà Trời), (cho nên đồng bóng là của riêng Bách Việt). Mẹ là nguồn sống. Sống phải có nước. Có đất mà không có nước cũng không sống nổi như đất sa mạc chẳng hạn. Tất cả những nền văn minh lớn của nhân loại, tất cả những kinh thành, thủ đô, thành phố lớn đều ở gần những con sông cái, sông Mẹ. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Bây giờ xin dùng thêm một từ ngữ chót nữa của Mã ngữ để kiểm chứng và chứng minh cho rõ trăm phần trăm.

Mã ngữ có từ *ibu kaki, indok kaki: big toe*, ngón cái. Rõ rành rành như con cua tám cẳng hai càng, một mai hai mắt rõ ràng con cua là *ibu: bu*, mẹ; *ibu kaki: ngón bu*, ngón mẹ. Ngón cái là ngón mẹ chứ không còn gì để tranh luận nữa. Không có chuyện "Ngón chơn Cái là ngón lớn nhứt chớ cũng không phải là ngón chơn của cô nào hết". Từ indok kaki có indok là thể giản lược của indong như trên đã nói là đồng, là dòng. Indok kaki là ngón đồng, ngón dòng, là ngón mẹ. Như thế, chắc cũng chẳng còn ai thắc mắc nghi ngờ về nghĩa hai chữ đồng bóng là bóng mẹ nữa. Đồng là mẹ.

Tóm lại Cái là mẹ. Không thể là cha, là đực.

Đối chiếu với các ngôn ngữ khác:

Khả Lá vàng *guôi* = gái = cái

Lào ngữ: *mê* = cái (mê khung: sông mẹ, sông cái)

Mã, Nam Dương ngữ: *gai* = gái = cái (sungai: sông cái)

ibu = bu = cái (ibu kaki: ngón bu, ngón cái)

indong, indok = đồng = cái (indok kaki: ngón đồng, ngón dòng, ngón cái).

Mạ: *đòng* = đang = đồng = cái (Đồng Nai: Mẹ Nước, Sông Cái)

Mường *kai* = cai = cái

Thái: *mae* = mê = mẹ = cái (mê nam, mẹ nước, sông cái)

Anh ngữ: *main* có hai chữ đầu ma: ma = mạ = má = mẹ = cái (main street: đường mạ, đường má = đường cái)

Pháp ngữ: *mandarin* có ma, man: ma = má = mạ = măng = mẹ = cái (route du mandarin: đường cái quan) vân vân...

Sở dĩ có sự tranh luận *"sống mái"* vì sự tiến hóa của con người từ mẫu hệ chuyển qua phụ hệ. Học giả Bình Nguyên Lộc đã dựa vào nghĩa của *"tĩnh từ laki"* (chọn tính từ để tìm căn nguyên của một danh từ đã là một điều sai lầm ngay từ trên nguyên tắc) sau khi Bách Việt đã chuyển qua phụ hệ, mà lại còn dựa vào Mã ngữ, Chàm ngữ, những quốc gia bị ảnh hưởng Hồi giáo sau này nên tất cả những nghĩa hay biến nghĩa của từ cái đều chuyển qua cho cha hết. Hơn thế nữa, tại hai quốc gia này, từ cái còn bị nam hóa một cách rất *"macho"* rất *"laki"*, rất *"lì cáy"* nữa. Từ cái ngày nay khi dùng như một tính từ, như một biến nghĩa vài khi có thể áp dụng cho cha, cho đực được vì cha sau này đã chiếm ngôi vị "lãnh tụ *Laki, Lìcáy*" của Mẹ.

Như đã thấy, sự thật không phải như học giả Bình Nguyên Lộc đã viết: *"Chúng ta sẽ thấy ... những tiếng Mã Lai bị ta biến đến mất nghĩa, nhưng họ còn giữ"*. Ngược lại, phải nói họ biến đến mất nghĩa, chúng ta còn giữ. Nguyên thủy và ngay cả đến bây giờ từ cái Việt ngữ vẫn là mẹ, là cái (phản nghĩa với đực).

Từ Bố Cái trong Bố Cái Đại Vương cho biết thời kỳ chuyển tiếp giữa mẫu và phụ hệ và mẹ bắt đầu phải ngồi sau cha.

Liệu có còn cần thiết để trả lời câu hỏi đực laki, cha lìcáy có thể đẻ ra từ cái Việt ngữ nữa hay không?

Đực rựa làm sao mà đẻ! cha với bố làm sao mà đẻ! "hở Mẹ Trời"!

Nguyễn Xuân Quang
(Mother's Day, 1994)

LÊ TÍN HƯƠNG

bước mãi, dường như bước đã thừa

Dòng sông vẫn còn xanh áo mộng
đường nắng ta về phơi bước xưa
cỏ dại ngả mình theo gió lộng
dấu chân rêu nhạt biết bao mùa

Đất trời vẫn một màu xưa cũ
mây vẫn hồng và núi vẫn xanh
mười mấy năm thoáng như giấc ngủ
bạc phai mái tóc mộng chưa thành

Mỗi bước nao nao tâm lại động
dặm trường lưu lạc xót xa đau
đi về cũng một con đường rộng
nghe hẹp vô cùng những bước sau

Những bước thiêu thân trên biển cả
mong manh thuyền nhỏ dạt về đâu
sóng cuồng xô đẩy người muôn ngả
vạn bước oan chìm đáy biển sâu

Những bước hoang mang vùng đảo lạ
nhìn nhau ngơ ngác khoảng đường xa
có ước mơ gì thân viễn xứ
tháng ngày trước mắt cũng mù lòa

Những bước lạc loài trên đất mới
kiếp "gia gia" mòn mỏi khóc nhà
tre tàn, măng úa, đời thay đổi
tiếng nói thân quen cũng nhạt nhòa

Ôi bước đi thương tưởng bước về
đâu đây tiếng gọi của hồn quê
đá buồn nhớ núi, sông mơ biển
thôi cũng về đi, chiều đã kề

Những bước chân về qua xóm chợ
lặng buồn nghe tiếng nói cười ai
người được cúi nhìn người vận lỡ
thăng trầm thế sự trĩu đôi vai

Những bước ngẩn ngơ chiều phố thị
nhìn hoa tơi tả trước phong ba
áo trắng ngày nào thêu mộng thắm
cũng tàn theo vận mệnh sơn hà

Những bước lỡ làng trên ngõ cũ
tiếng chim kêu buồn như "quốc" than
anh lê nạng gỗ, khua hồn núi
cuộc cờ đã mãn, chút hơi tàn

Những bước ngậm ngùi thân trẻ dại
áo rách vai gầy xương lót da
cha nén lòng đau nuôi khổ ải
âm thầm chôn kín nỗi niềm xa

Những bước muộn màng đời vất vưởng
lủi thủi đi về với nước non
ngày tàn nắng xế tìm đâu hướng
đã vỡ tương lai, vỡ cả hồn

Ôi mỗi bước đi, chồn mỗi bước
đường xưa trời đất vẫn như xưa
quanh ta đâu nữa hồn non nước
bước mãi, dường như bước đã thừa

NGỌC KHÔI

au bon accueil

Ngôi nhà hàng Trung Hoa nằm xế cửa chung cư của tôi không phải là một nhà hàng sang trọng. Mặc dù cũng có dủ tranh tượng, bình lọ, bàn ghế bọc nhung... và nhìn kỹ ra dều là những đồ vật có giá trị, không phải những món rẻ tiền thường thấy trong những quán cóc. Tuy nhiên, nó không thu hút được giới thực khách Pháp quý phái, giàu tiền, có lẽ vì nó quá nhỏ -chỉ kê được khoảng trên mười bàn- lại nằm khuất trong một khu phố vắng vốn không phải là chốn ăn chơi. Điểm duy nhất khiến nhà hàng tiếp tục giữ được thực khách là sự tinh khiết. Một sự tinh khiết, sạch sẽ tỏa ra bàng bạc từ cái trần nhà chạm trổ sơn son thếp vàng, cái sàn phẳng phiu, bóng loáng không hạt bụi, đến những ly tách, chén đĩa bằng sứ lúc nào cũng sáng choang, lấp lánh. Nhất là sự tinh khiết trong thức ăn. Những đĩa thức ăn chỉ cần nếm qua là đủ biết sản phẩm tươi ngon, vừa được đem ra nấu nướng, chứ không phải đồ đông lạnh.

Cùng với sự tinh khiết, là mùi vị. Nhà hàng nấu cho khách Pháp, thức ăn nhạt, ít hành tỏi, mắm muối. Nhưng ăn vào thấy beo béo và thơm, một đặc điểm của cách nấu nướng Pháp. Cắn một miếng thịt, một cọng rau, thấy tất cả hương vị của thịt, của rau ấy lan tỏa ra trong miệng, không bị che lấp bởi nhiều gia vị lấp liếm.

Nói là nằm xế cửa nhà tôi, chứ thật ra nhà hàng nằm trên một đại lộ, còn nhà tôi nằm khuất trên con dường nhỏ song song với đại lộ ấy. Cái đại lộ có những xe cộ phóng qua vùn vụt không bao giờ dừng lại. Nếu tính theo đường chim bay, không có đại lộ, không có phố nhà, thì chung cư của tôi và nhà hàng gần như mặt dối mặt. Cũng hay, nếu không, ông bà chủ nhà hàng và anh hầu bàn sẽ có dịp theo dõi từng bước chân của tôi, sáng đi tối về, với những ai, bạn bè trai hay gái... nhất là anh hầu bàn, một người vui vẻ nhưng nói nhiều, nói quá nhiều, thường hay nhảy xổ vào tôi để kể lể tâm sự. Tôi đi ăn một mình để tìm

sự yên tĩnh, hóa ra tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa, nhiều lúc phát bực nhưng cứ gặp mãi rồi cuối cùng đâm ra thành quen biết.

Người hầu bàn. Đó là một người hầu bàn, cho nên nay tôi vẫn quên không hỏi tên.

*

Tôi lui tới nhà hàng này vì lười. Vả lại, tôi không biết nấu ăn. Nhưng cứ đến chiều thứ sáu, trở về nhà sau một ngày mệt nhọc, trông qua đường thấy nhà hàng lên đèn xanh đỏ, cái bảng hiệu "Au Bon Accueil" sáng rực trước mặt tiền, lòng tôi lại cảm thấy một niềm vui không đâu. Ngày thường ăn uống qua quít, nhưng cuối tuần, tôi có quyền tự thưởng cho mình một bữa ăn ngon. Đó sẽ là nơi nghỉ ngơi, chốn dưỡng thần của tôi.

Thường tôi không tạt qua nhà, mà vào thẳng nhà hàng. Hơi ấm của những chiếc máy sưởi phả lên mặt, và lời chào mời niềm nở:

– Bonsoir! Bonsoir! Entrez, asseyez-vous... ici, ça vous va? Mais c'est comme d'habitude, n'est-ce pas?

Kèm theo bao giờ cũng là nụ cười tươi tắn. Chỗ tôi ngồi ở trong góc, bàn nhỏ hai người tiện cho những thực khách đi lẻ. Chung quanh, hoa lá nở rộ trong những độc bình lớn tô vẽ rồng phượng. Một vài bàn đã có khách, và tôi chợt nhận ra mình ngồi ở khu "hút thuốc lá". Nhưng tôi không đổi được nữa. Một lần, có cặp tình nhân kia vào trước -tôi đứng đằng sau họ- định ngồi vào cái góc ấy, anh hầu bàn đã lắc đầu, phán một câu triết lý:

– Non, c'est pas possible! Là, c'est la place à ce Monsieur.

Tôi giật mình, thấy khó chịu vì phải làm phiền hai người yêu nhau kia. Nhưng chỗ ngồi đã sẵn, bồi bàn niềm nở phục dịch, tôi đành chễm chệ ngồi vào ghế, thái độ như đấng hiền nhân, hiền triết nổi tiếng nào đó không ai được động đến.

– Un menu 75, comme d'habitude, Monsieur?

– Oui, comme d'habitude... voilà, vous me donnez...

Anh bồi đã đứng cạnh tôi với cây viết và cuốn sổ nhỏ. Anh ta hầu như thuộc lòng những sở thích ăn uống của tôi. Chẳng hạn, anh ta biết tôi ít khi ăn chả giò mà ưa một tô súp măng cua, hay tôi không bao giờ gọi vịt nấu măng mà chỉ dùng món bò lụi hành tây hoặc tôm xào cà ri, với một chén cơm chiên Quảng Đông đi kèm. Tuy nhiên, lần nào tôi cũng bấm bụng trả bài cho anh ta, vì mỗi phần trong thực đơn có đến

ba món để chọn, mà thỉnh thoảng tôi có thay đổi chút ít. Đến lúc đặt món tráng miệng, chưa kịp gì thì anh ta đã cướp lời tôi:

– Lychee, n'est ce pas? - Oh oui...

Cứ như đọc vanh vách mọi việc trong đầu tôi. Quả thực tôi không thích ăn táo chiên hay chuối chiên như người Pháp vẫn thích. Tôi cho rằng chúng quá mỡ màng sau một bữa ăn đầy đủ vốn đã thịt thà, dầu mỡ. Ăn trái vải thấy mát mẻ hơn.

– Et qu'est ce que vous buvez, Monsieur?

À, phần này... hay đấy. Thực đơn 75 ghi "rượu bình" hay "trà". Có khi tôi "chịu chơi", bỏ thực đơn, gọi rượu hảo hạng, nhãn hiệu cẩu chứng đàng hoàng. Nên nói về thức uống, anh ta... không biết đâu mà lường. Thông thường, tôi chỉ gọi nửa bình rượu. Một chút thôi, đủ để ngây ngất suốt một buổi chiều.

– Un demi pichet rouge, et c'est tout.

– C'est très bien, Monsieur.

Người hầu bàn lẳng lặng rút lui. Thực khách bao giờ cũng cần "nghỉ ngơi" sau khi gọi thức ăn, và bồi bàn phải vào bếp để làm phận sự của anh ta, không nên kể cà nán lại quá lâu. Tôi trông theo anh ta. Đó là một người đàn ông khoảng trên 40 tuổi, thấp nhỏ nhưng mập mạp, tròn trịa. Đầu tròn hơi hói, nước da trắng bóc không có nếp nhăn, mắt xếch, mũi thấp, miệng tươi nằm thẳng ngang trên gương mặt, không trễ xuống hai bên má như thường thấy ở người Âu vào lứa tuổi này. Cặp mắt kính trắng làm anh ta có thêm một vẻ gì đó trí thức. Tóm lại, anh có nhân dáng một người Á châu tốt tướng, có thể lầm là ông chủ. Lại thêm diện bộ quần áo lúc nào cũng trang trọng, kiểu cách, áo trắng, nơ đen, quần đen thẳng nếp, đôi giày da đánh bóng. Tôi nghĩ anh ta là người Đài Loan, Đại Hàn hay Nhật. Tiếng Pháp của anh trôi chảy, và chúng tôi chỉ nói tiếng Pháp với nhau. Từ anh toát lên vẻ hồng hào và đầy đủ, trông không giống những người Việt Nam sống ở vùng nhiệt đới.

Rượu được mang ra trước. Rượu đỏ đựng trong bình sành kiểu Pháp, ly thủy tinh chân cao, trong vắt. Tôi nếm thử. Được, không dở lắm. Vị hơi chát nhưng vẫn có cái nồng nàn của nho, truyền được hơi nóng xuống khắp châu thân. Không phải là rượu tồi. Cũng nóng, là tô súp măng cua nghi ngút khói, dọn ra với sự cẩn trọng đầy săn sóc của người hầu bàn. Thật ra, không thấy măng cũng không thấy cua, nhưng hai thứ mùi vị

này vẫn nằm đủ trong đó. Những sợi trứng tráng mỏng rải lên mặt súp, nổi vân rất đẹp. Tôi rỏ vào một giọt tàu vị yểu, ngâm nga thưởng thức.

Người bồi bàn dã kín đáo rút vào sau quầy rượu, vẻ chờ đợi. Cặp mắt nhỏ xếch sau lớp kính cận như đang lim dim quan sát chuyện đời. Không biết anh nghĩ ngợi gì, ngoài chuyện đang cố gắng làm tốt công việc phục dịch. Có lẽ vậy, cũng như tôi, đang chỉ chuyên chú vào những thức ăn. Ở chiếc bàn đối diện tôi nơi góc bên kia, khu "không hút thuốc lá", có hai thanh niên ngồi ba hoa, khói thuốc bốc xanh um. Một cậu Ấn, da ngăm ngăm, cậu kia người Pháp, mặt sáng sủa. Họ gọi rất nhiều món, ăn hấp tấp, vừa ăn vừa gật gù. Cậu người Pháp phán:

– C'est pas mauvais, c'est même très bon!

Cậu Ấn cười cười:

– T'as toujours entendu dire que la cuisine chinoise est la meilleure, mais tu ne croyais pas. Aujourd'hui, grâce à moi, tu l'as découverte n'est ce pas?

Cậu rít hơi thuốc rồi tiếp:

– Les Français considèrent toujours que leur cuisine est la meilleure du monde. Mais c'est pas vrai!

Cậu Pháp đang nhồm nhoàn ăn, bỗng ngửng phắt đầu dậy, cãi lớn tiếng:

– Tu ne peux pas dire une chose pareille! Tu ne peux pas dire une chose pareille! Chaque pays a ses trucs, ses spécialités. Non, la cuisine chinoise n'est pas meilleure.

Một tình bạn sắp vỡ? Không, cậu Ấn giữ im lặng, vẻ chịu đựng. Cậu kia lắng xuống, họ nói chuyện tiếp, nhưng hạ giọng. Ái quốc đây! Tôi thở dài. Đem chuyện này cãi nhau giữa chốn công cộng chỉ khiến thiên hạ cười vào mũi. Nhưng có lẽ ai cũng cần một chút tinh thần ái quốc. Tôi có còn không?

Món bò lụi hành tây được dọn ra, vẫn với vẻ cung kính điệu nghệ của người bồi. Anh dọn món cơm Quảng Đông trước, rồi thay đĩa mới, dao nĩa mới cho tôi. Xong, anh bưng ra đĩa bò lụi, không đặt lên bàn cho tôi tự làm lấy, mà chính anh cầm chiếc ghim thịt, cẩn thận gỡ hết thịt lụi, hành tây và ớt đại vào đĩa của tôi. Cuối cùng là đĩa nước mắm ngâm cà rốt. Tôi chẳng còn việc gì để làm ngoài việc... ăn. Mà ngon thật. Những miếng lụi cháy xem xém ngoài da, bên trong còn đỏ hồng, bắt với mùi hành tây hăng hăng khiến thực khách đôi khi tháo mồ hôi.

Nước mắm trong, ngọt. Cơm Quảng Đông trộn dăm bông, trứng, đậu Hòa Lan, tuy ngoại lai những cũng không tệ. Tôi nghĩ cậu Ấn kia phải còn ấm ức lắm bởi anh bạn Pháp không tin ở nghệ thuật ẩm thực sành sõi của mình.

Thực sự thì chính tôi cũng đang ngồi trong nhà hàng Trung Hoa mà gọi món bò lụi chấm nước mắm. Như thế cuisine chinoise chưa chắc là meilleure. Còn cuisine Việt Nam nữa chứ. Rượu đỏ làm tôi lâng lâng. Khi ly trái vải dọn ra, tôi ăn vội rồi ngồi nhấm nháp rượu tiếp. Hình như con người nên có thói quen vừa ăn vừa nghĩ ngợi suy tư đến nhiều chuyện khác, có thế mới đáng sống. Nếu ăn chỉ cần no, xem thức ăn như những món vật chất lổn ngổn trong đĩa mình, thì không còn gì hứng thú.

Tôi vỗ tay:

– Un café, s'il vous plait.

– Tout de suite, Monsieur.

Tôi đã thỏa mãn, chỉ cần vỗ thêm ly cà phê cho tỉnh táo. Người bồi dọn đĩa tách, hũ đường, tất cả đều bằng sứ tô chim chóc, hoa lá. Nét vẽ thanh cảnh, dịu dàng. Cà phê có lẽ nhờ đó mà đậm đà thêm?

Cứ thế, suốt một năm trường, mỗi chiều thứ sáu tôi đi ăn nhà hàng, ngồi ăn im lặng. Người hầu bàn vẫn tiếp tục đứng sau quầy rượu, thinh lặng chờ tôi. Chẳng có điều gì để nói với nhau. Nhà hàng vẫn thưa khách. Căn phòng ăn vẫn sáng đẹp trong một thứ ánh sáng mỹ lệ, mặc cho thời gian trôi qua.

*

Một buổi tối kia, không hiểu vì cớ gì tôi vào nhà hàng gọi một bình rượu đỏ lớn, rồi ngồi uống tì tì cho đến khuya. Lần đó tôi đổi chỗ, ngồi gần cửa kính, trông ra khu phố vắng vẻ, đìu hiu. Lúc thức ăn hết, rượu còn nhiều, tôi quyết định cứ ngồi lại đó uống cho tới cùng, tới hết. Tôi ngồi bất động, như kẻ ngồi chờ tận thế. Mặt tôi nóng bừng, hai bên thái dương bắt đầu tê dại. Thế giới chao nghiêng quanh tôi, tất cả không còn gì làm điểm tựa, và tôi cảm thấy một nỗi cô đơn cùng cực chụp ùa xuống quanh tôi. Từng ngụm lại từng ngụm, vẫn không có cách gì hâm nóng không gian. Trong một giây phút, hình như tôi đã chạm đúng vào cái sợi thần kinh, vẫn khiến con người ta đôi lúc bỗng cảm thấy hết sự lạnh lẽo của cuộc đời. Rồi rượu vơi, bình cạn, tôi khật khưỡng đứng dậy, đẩy cửa bước đi, mặc cho người hầu bàn đang đứng sững nhìn theo, tròn cả

mắt. Anh ta rành sức uống của tôi, dâu dễ gì chấp nhận chuyện tôi trở thành tửu đồ chuyên nghiệp.

Sau lần đó, tôi trở về chỗ cũ của mình, uống rượu bớt đi. Người hầu bàn tiếp đón tôi một cách xăng xái hơn thường lệ.

– Un pichet rouge, comme la dernière fois?

– Non, un demi.

Anh ta không tin ở tai, lại hỏi:

– Un grand ou un petit?

– Un petit.

Anh ta nhanh nhẩu bước vào trong, không để lộ ý nghĩ gì về chuyện bỗng dưng tôi lại là một tửu đồ hạng tồi. Đối với anh, bình rượu tối hôm trước coi như đã quên rồi.

Tôi liếc qua thực đơn, thấy ngoài cái thực đơn 75 quan tôi vẫn dùng, phần còn lại đa số là những món cầu kỳ, đắt tiền. Mấy chữ Việt viết sai, đập vào mắt tôi giữa những hàng chữ Pháp. "Bó bùn". Bò bún chứ, sao lại bó bùn. Chắc nhà in Tây bỏ dấu sai. Dù sao, mấy chữ lạc loài này khiến tôi ngạc nhiên. Tiếng Việt, lại sai trật, Tây nó có thấy bói đoán cũng không ra. Bán cho ai đây? Vậy mà món bò bún của "Au Bon Accueil" khá đắt, trên 50 quan một tô, gọi là có ngay, nóng hổi. Mặc dù hơi quá mỡ màng, và thịt xắt quá lớn.

Tôi gọi bò bún. Lúc đang cầm đũa gắp lên mấy cọng rau, tôi giật mình nghe thấy một câu hỏi thân mật:

– Này, có biết nói tiếng Việt không?

Tôi ngửng đầu. Người hầu bàn đã đứng cạnh từ bao giờ, nửm cười làm quen.

– Biết...

Tôi ấp úng trả lời.

– Vậy thì nói tiếng Việt đi.

Tôi chưa kịp phản ứng, anh đã tấn công tiếp:

– Qua đây lâu chưa? Có đi làm ăn gì không?

– Tôi đi làm. Qua đây cũng trên mười năm rồi anh...

– Đã có vợ con gì chưa?

– Chưa, anh... Còn anh?

Người bồi bỗng phác một cử chỉ nhẹ, nói như không muốn nhắc chuyện cũ:

– Vợ con gì! Ly dị mười hai năm nay rồi, bây giờ tôi sống một mình.

Nói rồi anh im lặng, như mất hứng, như không ngờ chuyện tôi có thể đặt ngược một câu hỏi tế nhị. Tôi lạ lùng trước người đàn ông trung niên, khỏe mạnh và phương phi, có đầy đủ điều kiện sống như thế, lại chịu cảnh cô độc hơn cả chục năm nay. Tôi hỏi, như an ủi:

– Anh không tính đi thêm bước nữa sao?

– Thôi, thôi... Thật ra mình cũng đang kiếm một con bé hiền lành, đoan trang nào để về sống chung, đỡ lạnh lẽo tuổi già sau này, nhưng chuyện làm đám cưới thì thôi, cho mình xin. Không thể nào, không thể nào...

Anh lại im lìm, đứng trơ ra nhìn tôi ăn. Tôi cất tiếng nói một câu vô duyên vừa như để phá tan bầu không khí yên lặng, vừa như để an ủi:

– Tôi cũng thích nói tiếng Trung Hoa lắm, nhưng không biết -không hiểu sao tôi vẫn cho người bồi mập mạp trắng trẻo này chỉ là một ông Tàu biết nói tiếng Việt- Biết chữ Hán, có ích nhiều cho việc tìm hiểu những vấn đề sâu xa của chữ nghĩa, giúp mình có thể ngược lên tận ngọn nguồn của tiếng Việt. Anh biết nói tiếng Hoa chứ?

– Hoa gì mà Hoa, Việt Nam cả! -người hầu bàn xua tay- Ối, chữ Hán chỉ ích lợi cho mấy ông nhà văn, học giả thôi. Bọn chúng mình ấy à, có chút vốn tiếng Tàu để làm ăn, buôn bán là tốt rồi. Còn thì, chỉ cần biết tiếng Việt.

Lại ái quốc đây! Tôi cứng họng, bực mình vì lý luận của anh cũng có, vì cái cung cách "Việt Nam" của anh cũng có. Bây giờ nghe kỹ thì đã rõ, đây không thể nào là một ông Tàu được. Anh nói giọng Hà Nội 54, âm hưởng ấm áp, có pha chút không khí Sài Gòn. Khác hẳn cái giọng Pháp có nhiều dấu giọng kiểu Việt Nam của anh. Hình như nói tiếng Việt, anh đã tự xác định, đã đặt mọi thứ trở về trật tự của nó. Thói quen kính trọng người lớn tuổi hơn mình cũng khiến tôi bỗng dưng nhỏ bé đi, không còn xem anh như một "người bồi" theo cái nghĩa trịch thượng cũ.

– Chết thật, lúc này ế quá. Trước, khách ngồi chật cả phòng. Kinh tế xuống dốc quá, ngày nào cũng có tin sa thải, Tây nó chả có tiền đi ăn nữa -người bồi lên tiếng.

Tôi không nói gì. Anh lại tiếp:

– Ở bên Tây này chán thật, ở càng lâu càng chán, nhỉ? -Anh nói như có sự biểu đồng tình của tôi, mặc dù chưa biết ý kiến của tôi ra sao-

Trời đất thì lạnh lẽo, chủ nhật ra đường chẳng thấy bóng người. Tây đầm nó ở xứ nó, nói tiếng nó, sinh hoạt, tham gia mọi thứ kinh tế, văn hóa, xã hội của nó, làm sao thấy buồn được. Còn cái thằng mình ở đây, làm cái gì? Chẳng giống ai cả. Thế không gọi là sống. Chán, chán thật...

– Ừ, chán...

Anh chợt nhận ra tôi vẫn còn cầm đôi đũa, mấy cọng rau lơ lửng trong không gian. Anh vội vã giục:

– Ăn đi, cứ ăn tự nhiên đi chứ.

Tôi làm theo, mặc dù cái cảnh tôi điềm nhiên ngồi ăn uống, trong khi anh đứng nói bên cạnh, có vẻ bất lịch sự thế nào. Nhưng không còn cách nào khác, tôi đành quyết định cứ ăn uống ngon lành mặc anh nói gì thì nói, thỉnh thoảng tôi ậm ừ đối đáp là yên chuyện.

– Này, chúng nó đang nườm nượp kéo nhau về Việt Nam đấy, có biết không?

Người bồi nói đột ngột, nhớn nhác như vừa tiết lộ cho tôi một điều bí mật.

– Ừ, biết...

– Có tính về không?

– Chưa, anh à. Chưa...

– Chả hiểu! Hồi trước kéo nhau chạy qua đây như vịt, bây giờ lại kéo nhau về. Trước đánh nhau, chửi nhau xa xả, bây giờ muối mặt về du lịch. Thật chả ra làm sao!

– Người ta về kiến thiết xây dựng đất nước mà anh, Việt Nam thay đổi rồi.

Tôi đáp cầm chừng, không hiểu vì sao anh lại "chả hiểu". Từ cổ chí kim, chỗ nào coi "sống được" là người ta thôi sợ hãi, người ta tấp nập rủ nhau về. Chính kiến chỉ còn là chuyện phụ. Những cuộc di dân lớn, với sự lựa chọn nơi đến là quốc gia này mà không phải quốc gia kia, những vụ đổ xô đi tìm vàng, những nông dân phế bỏ làng mạc chạy ra thành phố, mặc dù lối sống văn minh náo nhiệt nơi đây chưa chắc hay không hề thích hợp với họ... chẳng phải là những bằng chứng quá rõ ràng hay sao? Người sành sõi như anh sao không biết?

– Thay đổi với chả thay đổi! Kiến thiết xây dựng dếch gì, mẹ! Chúng nó về chơi đĩ, bất gái, tung tiền ra bóc lột đồng bào. Mình mà tị nạn như chúng nó mình chả bao giờ thèm về. Nhục! Nhục thật!

Tôi biết mình vừa nhíu mày một cách vô thức, nhưng cố gắng giữ

im lặng. Nói tiếng Pháp với tôi, anh lễ độ, đúng phép, không bao giờ dùng tiếng lóng, tiếng tục. Chuyển qua tiếng Việt, thôi thì "đếch", "đĩ", "mẹ"... đủ cả. Anh lên chức, ngang hàng với tôi rồi, không còn là "người bồi" nữa. Tôi bắt đầu quan sát anh kỹ hơn. Một tay ái quốc cực đoan đấy nhé. Chống cái này, chống cái kia, chống tới cùng, tới hết, lật đổ, nắm chính quyền, trừng phạt... Tôi rùn vai nhè nhẹ. Không hề thiên tả, khi đứng trước một kẻ cực đoan tôi vẫn luôn dè dặt.

– Này, chúng nó vừa nhượng cho mấy thằng Đại Hàn phá rừng cao su Thủ Đức, xây một sân đánh cầu rất lớn. Thế có chán không? Cái trò chơi vô ích, thừa thãi. Có thằng Việt Nam nào biết đánh cầu, thích đánh cầu? Chỉ có Việt kiều, ngoại kiều mới rờ đến. Trò này không phải để dành cho dân Việt Nam...

– Thì cũng phải cho người ta đầu tư, du lịch này nọ chứ anh. Tư bản đổ vào thì tốt cho đất nước. Cuối thế kỷ rồi, ai cũng cởi mở.

– Ừ thì cũng mở ra nhưng phải có điều kiện. Không thể để chúng nó vào thao túng như thế. Nếu không sẽ là kinh tế thị trường dã man. Chính phủ đang bán cả cái đất nước cho tư bản! Biết không, chúng nó đang xây cất cơ xưởng, nhà máy ở khắp nơi trên nước Việt Nam, không kể gì tới thiên nhiên, thẩm mỹ của người ta nữa... Này nhé, trước là cánh đồng xanh ngát, những hàng dừa lả lơi vươn lên sau mấy nóc nhà tranh, vài con trâu thong thả gặm cỏ... Bây giờ toàn bê tông, ống khói mọc lên nhan nhản, trông phát chán. Đó là chưa kể ô nhiễm môi sinh. Hỏng, hỏng hết. Phải sửa đổi chính sách, phải làm lại, không thể ai cũng vơ vào như thế...

Anh bỗng nở nụ cười thân thiện, phác một cử chỉ ra điều cáo lỗi, rồi bước nhanh ra phòng ngoài. Vài người khách vừa dẩy cửa, mang theo vào trong cái lạnh lẽo của đất trời. Tôi ngồi lại một mình, nhấp thêm ngụm rượu. Đâu phải một tay cực hữu. Anh không chống đối, không đòi lật đổ ai hết. Anh chỉ phản đối cái kiểu cách, cái đường lối cởi mở theo anh là chưa đúng, cần phải sửa lại: Đổi mới, nhưng phải hợp lý, có chọn lọc. Như vậy gọi là gì nhỉ? Phản kháng. Tôi chỉ còn biết cho anh là một người phản kháng, dù biết không hẳn đúng. "Phản kháng" cũng có nhiều loại, người đòi cái này, kẻ thích cái kia. Danh từ này còn mơ hồ lắm. Tôi trông theo người đàn ông. Thật khó đoán cái "ông Tàu" dẩy đà, đỏm dáng này lại có trong đầu nhiều chính kiến, và lý tưởng. Một kẻ phản kháng - lớp người được coi như "cấp tiến" nhất trong tình hình hiện tại. Thế thì trông mặt chẳng bắt hình dong, cổ nhân nói sai rồi. Hay

tại thực phẩm, thời tiết xứ người đã khiến ông phôi phai, lạt lẽo đi phần nào cái dáng vẻ của một con người tranh đấu?

Đúng rồi, biến dị. Như cây cỏ, thú vật. Nhưng vậy thì, tư tưởng, đầu óc của chúng ta có theo thời gian cùng những điều kiện sống mà cũng biến dị theo không? Biến dị đôi khi cũng tốt lắm chứ. Nếu không, chúng ta sẽ chỉ là những thân rễ mục còn cố bám chặt xuống một nền đất đã đổi khác. Hoa trái trên cành của nó, chắc là không còn gì hấp dẫn, thơm ngon.

*

Buổi nói chuyện đêm ấy để lại trong tôi dư vị chán chường. Phần vì phải ngồi nghe người hầu bàn tán gẫu, một cách mệt mỏi, phần khác vì tôi biết vừa mất đi một nơi chốn dưỡng thần. Yên tịnh gì được nữa! Tôi đang trở thành kẻ tín cẩn cho anh trút bầu tâm sự. Tôi biết, chỉ cần đổi chỗ ngồi xa xa quầy rượu, anh sẽ hiểu và không quấy rầy tôi nữa. Nhưng những lần sau, tôi vẫn mò đến anh mỗi chiều thứ sáu, ngồi vào chỗ cũ, kêu nửa bình rượu và ngồi chịu trận nghe anh ba hoa. Tôi có thấy mình không được lịch lãm, bởi chưa lần nào mời anh ngồi xuống ghế, dùng với tôi một chung rượu gọi là. Nhưng tôi biết có điều gì đó trong tôi còn cố níu giữ cái quan hệ "bồi - khách", một khoảng cách an toàn, không cho phép tôi quá thân mật, quá bạn bè. Tôi cũng cảm thấy một điều gì nơi anh, báo tôi biết trước anh sẽ thẳng thắn từ chối nếu được mời. Hình như anh cũng chưa muốn vượt ranh giới, vả lại sau lưng anh, còn có ông bà chủ luôn luôn theo dõi. Người đàn bà có lần vui vẻ hỏi tôi nói tiếng Tàu hay Việt, họ tôi là họ Tàu mà sao không phải người Hoa? Một lần đó rồi thôi, chúng tôi ít có dịp nói chuyện với nhau. Còn ông chủ, tôi chỉ nghe có hai tiếng "bonjour", "bonsoir" đúng phép trên đầu môi, chưa bao giờ ông chịu mở miệng nói với tôi một câu, ánh mắt nhìn tôi nghi ngại. Có lẽ tôi chơi với bồi thì cũng thuộc loại "hạng bồi", ông thấy không có lợi lộc gì trong việc giao dịch với tôi.

– Này, vé khứ hồi Air France Paris - Việt Nam tết nguyên đán bán hết rồi đấy. Ghê không?

– Ồ, chúng ta mới tháng mười...

– Vậy mà hết chỗ rồi đấy. Thế là xong, khối người năm nay sẽ không được ăn tết ở Việt Nam. Sợ thật.

– Người ta yêu nước quá, nên cũng có lúc giành giật nhau mà yêu nước, phải không anh?

– Yêu cái con mẹ gì! Về để ăn chơi, hành hạ đồng bào. Chúng nó chỉ tung ra món tiền nhỏ -bên này không thấy đáng gì- ở Việt Nam có thằng nào không quỳ gối? Mười quan ăn hai chục ngàn đồng, có ghê không? Chả còn ngẩng mặt nhìn ai với thế giới. Tôi đi về, thấy mọi việc xảy ra mà đau. Đau lắm. Hỏng, hỏng hết.

Tôi hơi nhíu mày:

– Anh qua đây năm nào, nhỉ?

Lần đầu tiên tôi thấy mặt anh sáng lên, những đường nét căng thẳng dịu lại:

– Từ 65 kia anh. Du học ấy mà.

Tôi hiểu rồi. Anh được quyền về Việt Nam, nhưng không muốn cho người khác về. Như vậy anh cũng chẳng cấp tiến. Và tôi chợt nhận ra mình không lầm, cái giọng Bắc di cư có pha chút không khí Sài Gòn của anh thật ra "dừng lại" từ những năm sáu mươi mấy. Anh chưa cập nhật được ngôn ngữ thường ngày của đời sống. Anh thiếu nhiều từ, nhiều lối diễn tả, nhất là trong khẳng cách 65-75. Lối nói chuyện của anh không dở, nhưng không phản ảnh được cái "cách lối" của thời kỳ đó, không làm sướng tai người nghe sành điệu. Về nước, cái "quyền" phải được phân chia đồng đều, không thể có biệt dãi, có chọn lọc.

Bên ngoài trời có lẽ trở lạnh. Gió thổi bạt đi những tàng cây đang lả tả rụng lá vàng. Nhưng nhà hàng vẫn ấm cúng, những độc bình đứng lặng lẽ một cách hài lòng, những lồng đèn đủ màu đua nhau khoe sắc. Có cái như xoay tròn, hãnh diện lôi theo cả một đoàn kéo quân.

– Vậy mà sang đây tôi học đúng một năm rồi bỏ anh ạ.

– Thế à? Rồi anh phải đi làm ngay?

– Thì đi làm, thất nghiệp, rong chơi... đã đủ cả. Bây giờ ở đây, chán. Cắn răng thêm năm năm nữa về Việt Nam sống, ở luôn, tiền hưu bên này chẳng là bao, gửi về bên nhà cũng đủ sống...

Tôi ngắt lời anh:

– Năm nay anh bao nhiêu tuổi rồi, nếu tôi không tò mò?

– Trên năm mươi rồi, anh.

– Ồ, cứ tưởng anh trẻ lắm, trên bốn mươi là cùng.

Anh mỉm cười có ý cảm ơn.

– Sao hồi đó anh không học tiếp, có phải uổng không?

Ánh mắt anh trở nên lim dim, ánh đèn lồng hắt vào thứ ánh sáng ấm, mờ ảo, dẫn đưa anh về với kỷ niệm, cả một thời...

– Học tiếp gì! Học bổng Tây cho chỉ chết đói. Gia đình tôi mỗi tháng gửi cho năm trăm quan, ăn uống hết một trăm, nhà cửa hai trăm, sắm sách vở hết khoảng trăm ba, còn bảy chục quan làm gì cho đủ. Có khi không dám vào quán uống cà phê.

– Vậy mà năm trăm... một món tiền lớn cho người Việt Nam thời đó phải không anh?

Anh gật gật:

– Lớn, lớn lắm. Cả một sự hy sinh của gia đình đấy.

Anh bỗng đột ngột hỏi tôi:

– Ở một mình, không thấy buồn à?

– Ừ, buồn. Buồn chứ. Mà anh ở gần đây không?

– Không -anh lại mơ màng- Hồi ấy vợ chồng tôi ở tận Evy cơ, rồi tôi nhớ thời sinh viên, có trạm Bourg La Reine trên tuyến tàu hỏa mỗi ngày chở đến trường. Chúng tôi dọn về đó, ở luôn đến nay. Căn chung cư vẫn thế, chỉ có vợ tôi ra đi thôi.

À, anh tậu appartement tại một thành phố sạch sẽ và đẹp, kể ra đâu có nghèo khổ gì so với chức "bồi" nhà hàng. Như đoán ra ý tôi, một thoáng gì đó lướt qua mắt anh, rồi anh đáp:

– Tôi có căn chung cư bốn phòng, anh à. Rộng quá làm gì cho hết. Tôi cho ba tên bạn thuê mỗi đứa một buồng, trả một ngàn quan mỗi tháng.

– Thế cũng đỡ... Nhất là có bạn, vui chứ anh.

– Vui đếch gì, cả ngày chúng nó cút mất, tối về chỉ đặt cái lưng. Mà chúng nó cũng chẳng bao giờ thấy mặt tôi. Làm việc cả ngày, đến lúc nghỉ, nằm dài ở nhà xem video mấy tiếng, xong lại bật truyền hình, rồi lụi cụi nấu ăn, ngồi ăn một mình, xong lại nghe cassette. Ngoài đường thì không bóng người, trời mây xám vẫn vũ. Sống? Như thế mà sống đấy à. Buồn bỏ mẹ! Không đi ra ngoài là khủng hoảng, là điên ngay.

Tôi không thể nói gì, anh tiếp, giọng đều đều:

– Thế nên cứ ngày nghỉ, là mình lại la cà xuống mấy sòng bài, ở quận 13. Không phải bài bạc ăn chơi gì, nhưng ở đó có mấy con Việt Nam đẹp lắm.

Anh lập lại lần nữa:

– Chúng nó đẹp, đẹp lắm. Mấy con Việt Nam ở đây, chúng dữ lắm! Mình biết chả hay ho gì, nhưng không đi với chúng nó là mình chết. Sống một mình chịu không nổi. Chết ngay!...

Anh bỗng nhìn tôi run run, căng thẳng, như một lời thú tội, một thú nhận lỡ vọt ra khỏi miệng. Mặt anh dại đi, miệng há, đứng trân trân nhìn tôi ăn. Giây phút của sự thật! Tôi có cảm tưởng anh sắp tháo mồ hôi, và nghe được cả hơi thở hổn hển của anh. Thôi rồi, anh là một ca khủng hoảng thần kinh đây, hôm nay mới biết. Rõ ràng, từ mấy lần nói chuyện, tôi chỉ ngồi yên như vị bác sĩ tâm thần, nghe anh kể lể, bộc lộ, gần như không giấu giếm, cũng không màng chú ý đến những gì tôi nói. Mỗi bữa ăn chẳng khác một cuộc chữa trị tâm lý. Đáng lẽ anh phải dọn cho tôi miễn phí, không thì tôi lỗ quá. Nhưng tôi công nhận, từ lúc ấy anh có cúc cung phục dịch, trà vừa hết đã vội châm thêm, rượu vừa vơi đã có mặt rót tiếp, một lần anh tặng tôi tách cà phê không tính vé ăn nhà hàng sở cho vượt quá giá trên hóa đơn, anh nhất định hoàn tiền lại cho tôi, nhiều bao nhiêu cũng hoàn, khiến tôi thỉnh thoảng lại rủng rỉnh tiền lẻ, dù theo luật, anh không được phép.

Tôi mỉm cười nhẹ, vớt anh ra khỏi trường hợp gay go:

– Chắc anh về Việt Nam thường, anh nhỉ?

Anh dịu hẳn lại, miệng khép, trở về nằm ngay trên gương mặt tươi tỉnh, như không hề có chuyện gì xảy ra.

– Nhiều anh, có khi một năm về mấy lần.

– Công việc làm ăn ở đây cho phép anh về như thế à?

– Ôi, thì chủ nó trừ vào lương mình, mướn người thay thế trong lúc tôi đi. Cần quái gì!

– Nhưng anh định về Việt Nam sống, chắc cũng phải tính trước chuyện buôn bán, làm ăn gì. Không thì cũng mệt lắm.

Anh cười:

– Rồi, tính cả rồi. Tôi có miếng đất lớn, giờ chỉ còn xây nhà thôi. Mấy lần đi đi về về là tính toán cả đấy chứ.

Tôi lại thấy bực mình vì cái quyền về Việt Nam, sống và vui chơi của anh. Mặc dù anh có vẻ nghiêm chỉnh, về vì "yêu nước" chứ không phải để chơi. Rồi tôi thấy mình nhỏ nhen với ý nghĩ ấy. Nếu người đàn ông này còn có được ước vọng gì, còn thực hiện được điều gì trong quãng đời còn lại của ông, thì hãy để ông yên. Những kiều bào 65 họ mơ mộng và lý tưởng quá. Họ ở trong những lầu ngà, ôm ấp mãi những hình ảnh

đẹp của quê hương và những ước mơ làm lại thế giới. Họ như đứa trẻ chưa hiểu hết cuộc đời. Nhưng, mỗi lần nói chuyện với họ, tôi vẫn thường thấy được chút cảm giác gì ấm áp và êm ái đã thiếu thốn từ quá nhiều năm nay. Lý tưởng, lý tưởng! Có lẽ chúng ta nên giữ lại mãi mãi trong lòng một lý tưởng nào đó, để còn được nhìn đời với ánh mắt trẻ thơ.

Trà vơi. Người hầu bàn nhanh nhẩu cầm lấy bình, cao giọng:

– Ra ngay! Chờ một phút nhé! Nước sôi ra ngay, ra ngay...

*

Tôi gặp lại anh một buổi chiều thứ sáu cuối mùa thu, trời đã trở lạnh nhiều. Nhà hàng cũng vắng ngắt. Phố xá buồn thiu, không bóng người qua lại. Từ quầy rượu anh bước ra, chào đón tôi bằng nụ cười thân mật và vui vẻ của một người bạn. Lần đó tôi vừa từ ngoại quốc về, và hỏi ra, mới biết anh cũng vừa làm chuyến du hành hai tháng ở Úc và Việt Nam. Tôi ngồi xuống, anh đã than ngay:

– Ế, ế quá, không có đứa nào nó đi ăn nữa. Kinh tế ngày càng xuống. Phen này, chắc đóng cửa thôi. À... biết không, bọn hữu chúng nó sắp tăng tuổi hưu lên rồi. Trễ thêm năm năm, chả còn ra thế nào.

Tôi chia sẻ với anh, buồn một cách thành thật:

– Vậy là chương trình về Việt Nam năm năm tới của anh không thành rồi.

– Về, về chứ! Sợ quái gì không về. Năm năm nữa tôi về, như thường. Mẹ, biếu chúng nó -anh nói, nóng nảy, bứt rứt.

Tôi thay đổi không khí:

– Anh đi chơi hai tháng qua vui không?

– Vui, ở Việt Nam vui, còn ở Úc chán bỏ mẹ. Xứ thì rộng thế này, lại không có người, từ nhà đến sở làm đi xe ca mấy tiếng đồng hồ, xe ca lại chỉ hai chuyến một ngày. Ở như thế là chết.

Anh bỗng đổi giọng, thì thầm:

– Thật ra có biết vì sao tôi đi Úc không?

– Không...

– Để gặp con bé bạn học cũ trước ở Việt Nam, thời sinh viên... Nó đẹp, đẹp lắm. Nó gửi vé máy bay cho tôi qua đấy. Mà mình đi là cũng để thăm dò, xem có ráp nối gì được hay không...

– Cô ấy còn đẹp không anh? -Tôi hỏi cách vui vẻ.

– Ối giời, còn cái gì. Nó ra sân bay đón mình, mặc cái váy cũn cỡn thế này. Mình vừa trông thấy là biết hỏng rồi. Cứ tưởng nó mặc áo dài, nón lá.

Tôi giật mình, tự hỏi anh đi Úc hay đi xem nhạc hội cổ truyền ở rạp Maubert?

– Mà nào đã hết đâu. Nó dẫn mình về nhà... Nhà thì đẹp, tiện nghi đầy đủ lắm. Bảo vào trong thay cái áo, lúc ra, mặc cái quần Jean bó sát thế này, áo thun thì hở cả ngực cả nách. "Em dọn cheese với bánh mì anh ăn nhé?" "Cheese" với chiếc, thối bỏ mẹ. Mình thì cứ chờ nó mặc áo bà ba ra phòng khách tiếp mình, rồi dọn cơm rau cà pháo ăn chung với nhau, thế là đủ. Biết không, mình về Việt Nam thấy mấy em bước trên cầu gỗ, ngang những con lạch, tóc dài đen, quần lãnh. Mê, mê quá. Mê không có cách gì nói được.

– Trời, anh khó tính quá. Đồng ý với anh mấy bà mấy cô qua đây có hơi quá lố. Nhưng giờ này anh đòi tìm thiếu nữ áo dài, bà ba giữa phố xá Âu châu thì khó đấy.

Tôi nói mà nước miếng ngạt trong cổ họng.

– Phải mặc chứ! Ở Tây ở Úc gì cũng phải tiếp tục mặc. Nếu không là nhục. Đàn bà Á Đông mà mặc đồ Tây, xấu bỏ mẹ. Không có ra cái gì cả. Bởi thế mà tôi cứ ở vậy mãi, tìm đỏ con mắt không ra đứa nào chịu mặc áo bà ba.

Tôi bỗng e ngại đưa mắt nhìn quanh, như sợ có người khách Việt Nam nào nghe thấy câu chuyện của chúng tôi. Nhưng không có ai cả. Chỉ có tôi và một người bệnh tâm thần. Người hầu bàn mắc bệnh tâm thần, không còn nghi ngờ gì nữa.

– Này, anh kiếm mãi cũng không bao giờ gặp đấy nhé. Chẳng phải lỗi mấy bà mấy cô, nhập gia thì tùy tục thôi anh ơi.

– Tùy tục cái mẹ! Sau lần gặp ấy tôi chạy thẳng ra phi trường, mua vé về Việt Nam ngay. Thành ra hai tháng là ở Việt Nam đấy, có ở Úc đâu.

– Vậy là giữa anh và cô ấy...

– Hết rồi, hết ngay lập tức. Thế mà trước khi đi mình xây bao nhiêu là mộng. Đi gặp nó phí cả công.

Tôi tuần tự suy nghĩ, thấy tiếc cho anh. Tôi biết anh vừa bỏ lỡ một dịp may tốt đẹp của đời anh. Lại vì những chuyện không đâu. Chẳng phải người yêu cũ của anh bây giờ già, xấu; nghe anh kể, cô ta coi bộ

cũng còn mướt lắm, chỉ tại cô ta thiếu cái áo bà ba và mặc váy hơi ngắn. Ba mươi năm sống vất vưởng ở ngoại quốc, "sống như thế không phải là sống" như anh nói, đã tới lúc anh bắt đầu cơn bệnh tâm thần rồi đây. Và bệnh nặng.

Người hầu bàn vui vẻ dọp tiếp món ăn cho tôi, rót rượu, săn sóc tận tình. Tôi không thể nói gì. Tôi ăn món bò lụi cơm Quảng Đông mà thôi thấy ngon. Sao vẫn đến nhà hàng này, người hầu bàn này, những món ăn thường xuyên này, mà tôi linh cảm một điều gì đó khủng khiếp sắp xảy ra.

"Bonsoir, bonsoir!" Gió lạnh lại ào vào. Bốn, năm người trẻ tuổi tươi tắn bước vào, không tìm chỗ ngồi ngay mà nói gì đó với người hầu bàn, sau lưng họ những hàng cây trơ trụi vươn lên dưới ánh đèn đường lạt lẽo. Không còn chiếc lá vàng nào trên mặt đường nhựa cuối thu, mọi việc đã quá trễ tràng.

Tôi nhìn mấy người trẻ đang châu đầu xem thực đơn người bồi vừa đem ra. Họ ăn mặc đều giản dị, sạch sẽ nhưng có vẻ nghèo... Nét mặt họ là lạ, trông không giống người Pháp. Họ chụm đầu xem cái thực đơn ấy có đến mấy phút, như dấn do, suy tính. Rồi họ lắc đầu, trả thực đơn, nói mấy lời cám ơn người bồi xong kéo nhau đi, mặt mũi vẫn tươi tỉnh. Người hầu bàn trở vào, nói với tôi:

– Tụi này không phải Tây, Đông Âu đấy mà.

Anh không nói gì thêm, không bình phẩm. Tôi lại thấy phục anh. Mấy người Đông Âu ít tiền, trời tối lạnh và đói, thấy cái bảng hiệu nhà hàng Trung Hoa hết sức hấp dẫn, bèn bảnh bao vào xem giá tiền. "Au Bon Accueil", nhưng acceuil chỉ cho kẻ có tiền thôi.

– Này, có biết gì chưa? Ở Sài Gòn một thằng xếp Đại Hàn vừa đánh một con Việt Nam! Con bé này hay nghỉ, thằng xếp gọi lên mắng, con kia không vừa, cãi lại hăng lắm. Nó mới tát cho một cái, té xuống đất. Con này về vừa kể vừa khóc, thế là họ hàng bạn bè nhà chúng nó kéo lên xưởng biểu tình, xong lại phá cửa vào đánh thằng Đại Hàn suýt chết.

Tôi chẳng nói gì. Anh lên giọng, mặt càng lúc càng căng thẳng:

– Nó dám đánh một con Việt Nam! Có chết không? Loạn, loạn rồi. Phải đuổi hết chúng nó ra khỏi nước. Đuổi hết!

Tôi bỗng nghĩ đến một ông ký giả hải ngoại gần đây có khuyên con gái Việt Nam, muốn kiếm được việc làm với các hãng xưởng đang đầu tư trong nước, phải chịu khó ngủ với ông xếp ngoại quốc. Nó bảo nằm

là nằm ngay, cởi là cởi ngay. Dẹp hết xấu hổ, danh dự, truyền thống v.v... Miễn là kiếm được việc làm. Kinh tế thế giới bây giờ khó khăn lắm. Thiên hạ chẳng còn từ cái gì cả. Vậy thì người Việt Nam cũng phải thế, mới mong đưa được đất nước cùng tiến lên với cộng đồng nhân loại trong thế kỷ 21. Hôm nào có dịp mời ông ký giả này đến đây ăn một bữa, tán gẫu với anh bồi, chắc là... vui lắm.

– Sao mà "đuổi hết" được, anh? Anh lấy có một ví dụ. Còn những điểm tốt dẹp khác, anh không thấy sao? Mình phải cho đầu tư, cho cởi mở, xây dựng nhà máy, công xưởng... mới phát triển đất nước được. Tôi đã nói nhiều lần với anh rồi.

Tôi nói như thuyết phục, như cố gắng còn tìm được ở anh một điểm của lý trí, như vớt vát thêm một lần cuối. Anh lắc đầu quầy quậy:

– Ví dụ ấy à? Nhan nhản. Cứ về mà xem. Nhục không chịu được. Chúng nó đang bán nước. Nhục! Nhục!

Anh đã to tiếng. Lần đầu tiên, tôi thấy anh giận dữ như thế.

– Vậy là... anh không thèm đầu tư, không thèm giao dịch với nước ngoài...?

– Tôi hỏi, biết giọng mình đã lạc.

– Cởi mở cái con...! Tôi nói cho anh biết, Việt Nam có cởi mở hai trăm năm nữa cũng không bằng nước Pháp. Không bằng, không thế nào bằng được. Đó là nói thằng Tây thôi. Vậy thì cởi mẹ gì! Cái xứ mình không phải là cái xứ cởi mở được. Cởi ra chỉ chết thôi.

– Nhưng Đông Âu...

– Nó khác, mình khác. Việt Nam mình là xứ nghèo, dói, dân ngu. Phải cai trị kiểu khác, cứ thủ công nghệ với nông nghiệp ấy là tốt rồi. Mình không cần cơ xưởng, không cần kỹ thuật, nhà máy đếch gì hết. Cởi mở cái đéo!

Tôi không nói gì nữa. Tôi nhìu anh. Mồ hôi đọng trên mặt anh, hai thái dương run run. Anh như không còn thấy tôi trước mặt. Anh đang nói một mình, trong cơn mê hoảng của bệnh tâm thần.

– Hai trăm năm nữa, mình có bằng thằng Tây, thì nó đã tiến thêm được hai trăm năm. Chết, chết thôi. Bây giờ phải đóng lại, bế quan tỏa cảng, không chơi với đứa nào hết. Đuổi hết! Mình tự làm ăn, cũng sống được cả thôi. Nếu không, là loạn! Mình về nước, thấy đau lắm.

Tôi ngồi trơ trơ như phỗng đá, không nhấp được cả một ngụm rượu

cho say. Rồi anh bỗng khép mắt, mơ màng, như hôm nào anh kể tôi nghe về thời hoa mộng sinh viên. Đôi môi anh lên xuống nhịp nhàng.

– Mình tiếc, tiếc quá. Hết rồi, hết cả rồi. Ngày xưa đâu có thế, thời sinh viên ấy là thời tuyệt đẹp của mình, cũng như với biết bao bạn trẻ đồng trang lứa. Chúng mình đã say sưa với tình yêu đất nước, đồng bào, tự nguyện sau này sẽ đem tài năng, kiến thức về kiến thiết xứ sở. Mộng ước mới đẹp làm sao! Chúng mình căm thù tư bản đế quốc. Chúng mình đã xuống đường, giăng cờ, hoan hô bác, đảng. Trời ơi, bác và đảng, lúc nào cũng sẵn sàng ở sau lưng hỗ trợ bọn mình, những người con yêu xa xứ. Bác và đảng đã cai trị nước Việt Nam một cách dứng đắn, độc tài, kềm xiết. Tất cả đã ở trong trật tự, trong lô gích của nó. Chúng mình không còn gì để thắc mắc, để bàn cãi, chúng mình chỉ thề nguyện trung thành với đảng cho đến đời đời!

Rồi... mười mấy năm nay chúng mình lại được say sưa với niềm vui chung thống nhất đất nước. Hòa bình rồi, thống nhất Nam Bắc cả rồi, quê hương đang thẳng đường tiến lên Cộng sản chủ nghĩa. Trời ơi, mơ lại hóa thật. Việt Nam đang sắp sửa giàu mạnh, đồng bào sửa soạn có tự do, hạnh phúc. Lý tưởng một đời mình đã đạt. Suốt thời gian ấy mình lúc nào cũng cứ như bay lơ lửng trong không gian. Sở dĩ mình chưa về vội, là vì còn phải kiếm tiền ở bên này, để đem về, sống một đời sống thoải mái dưới sự lãnh đạo đúng đắn mọi chính sách đường lối của đảng thân yêu.

Đến khoảng mấy năm nay, tự nhiên họa ở đâu rơi xuống. Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa Cộng sản lui bước. Đảng phải nhượng bộ, rồi thoái hóa, rồi mở cửa đất nước cho chúng nó vào, rồi loạn. Trời ơi, loạn rồi, loạn rồi! Mình mất hết rồi. Hỏng cả rồi. Nhà cửa mình đã có mà về để xem chúng nó đè đầu cưỡi cổ dân mình thì về làm chi. Vậy mà cứ vẫn phải về. Đau, đau quá. Phải xiết lại, gọng kềm lại, giống hệt như trước. Việt Nam phải là xứ độc tài, phải thẳng tay cai trị, như trước!

Tôi ngẩn ngơ nhìn anh. Vậy thì anh chẳng phải cực đoan, cấp tiến gì cả. Tôi biết anh là ai rồi. Tối nay nhờ nhà hàng ế ẩm, anh có dịp ba hoa đã đời, tôi mới rõ thêm một chút về người đàn ông lạ lùng này.

Tôi muốn nói ông đi tìm một bác sĩ tâm thần để chữa trị, và có lẽ phải là một bác sĩ Việt Nam. Nhưng tôi im lặng. Tôi biết là lời khuyên của tôi sẽ khiến ông giật mình, hoảng loạn. Có thể từ những ám ảnh dài ngày -nhưng với ông chỉ là đương nhiên- ông sẽ thật sự chuyển sang làm một con bệnh tâm thần, nếu chẳng may nghe được hết những ý nghĩ

VẠN GIẢ

bỗng nhiên

Mai về đối diện đời khuya
Tóc đen vài sợi đem chia đất trời
Em còn nửa nụ cười vơi
Nhưng vô tình cũng đánh rơi bên đường
Mai về hồn rất phong sương
Còng lưng thêm nỗi đoạn trường, bỗng nhiên.

và nhận định thầm kín của tôi. Thôi thì im đi. Để ông sống với tâm tưởng của ông.

Có thể, chỉ vì đã xem tôi là thân, ông mới chịu khó thố lộ tâm sự sâu xa như thế, còn với người khác hẳn ông có đủ khôn ngoan để giữ gìn lời ăn tiếng nói của mình. Có thể, rồi ông sẽ về Việt Nam xây nhà, làm ăn, cưới vợ, vui sống như một người bình thường không hề bệnh tật.

Một lúc nào đó tôi tưởng người đàn ông sẽ bật khóc trước mặt tôi, cho cái lý tưởng cả một đời sụp đổ. Nhưng không, ông vẫn cười tươi, xăng xái: Nước sôi, có ngay, chờ một phút thôi nhé. Ra ngay! Trà tôi đã cạn, và ông thì vẫn hoàn toàn "bình thường" như mọi khi, mọi lúc. Tối nay ông đâu có phát cơn khủng hoảng. Chúng nằm trong ông từ bao giờ, lâu lắm rồi, và đã trở thành một phần của đời sống.

*

Tôi bước vào khoảng tối tăm, giá lạnh của trời đất, rời nhà hàng quen thuộc và thân mật ấy để trở về nhà. Những hàng cây kho vẫn đứng trơ trơ, những ánh đèn đường vẫn chiếu soi lạt lẽo. Tôi biết tuần lễ sau tôi sẽ không trở lại nhà hàng ấy nữa, mà sẽ đi tìm một nơi dưỡng thần khác. Có hèn nhát quá không? Nhưng hình như tôi không còn gì để nói với người đàn ông. Hình như mọi sự đã quá trễ tràng.

Vậy mà, bước một mình trong đêm tối ấy, trong khi chờ đợi buổi mai trời lại sáng, tôi vẫn thầm mong ước một ngày kia ông sẽ hồi tỉnh, thấy được rất trong suốt tất cả nông nỗi, sai lạc một đời của mình. Mặc dù quá khứ đã quá dày, như những rễ cành cổ thụ.

Biết đâu!

1-1-94

DỖ QUYÊN

lá thư chép lại

gửi về quê

"Hà đông, Rằm tháng Chạp...
Người ta đi phố phường
Em ngồi nhà em gửi
Tới anh nhiều nhớ thương...

...Em đâu nào có lỗi
Giận em - Xin anh đừng!
Em đâu nào xứng với
tình anh - Xin anh đừng...

Là bạn thôi anh nhé
Để mà rồi hiểu nhau
Hiểu rồi là anh sẽ
chả còn thương em đâu!?!

Em có nhiều tính lạ
Khiến khối kẻ bực mình
Mà lại còn mắc cả
lắm thói xấu giời sinh

Với em anh thật tốt
Như người em chờ mong.
...Mẹ bảo: "Cô cao số
còn lâu mới có chồng!"

Những khi ngẩn ngơ ngồi
một mình, em tự hỏi:
"Đời hẳn là có người
hợp với mình chứ nhỉ?"

Anh tài cao, trí rộng
Cánh chim bằng còn bay
Dễ gì em giữ được
là của mình từ nay!

Cầu cho giời xui khiến
Con chúng mình gặp nhau!
Duyên tình này là nghĩa
của chúng mình về sau...''
... ...
Lá thư em viết vậy
Tôi chép lại thành thơ.
Ba mươi năm từ ấy...
Em ở đâu bây giờ?

ĐỖ QUYÊN

lá thư chiều nay

nhớ hà nội
Em viết thư cho tôi
Giữa tháng ngày sinh nở
Em mang con với người
Với tôi - tình dang dở...

Chỉ dăm lời thăm hỏi
(Gần tháng trời mới xong!)
Dưới cùng dòng tái bút:
''Con em vừa lọt lòng!''

Lá thư này em viết
Trong nỗi đau đời người
Còn lá thư lần cuối
Một đời duyên chia đôi.

...Nghìn lá thư đã đọc
Ngàn lá sẽ tới tay...
Có dâng niềm xúc động
Như lá thư chiều nay?

NGÔ THẾ VINH

giã biệt cựu kim sơn

Gửi Nguyễn Trùng Khánh

Thế rồi, cái gì đến cũng đến. Ngày trở về Việt Nam đã tới. Mấy tuần trước đó có vài người khuyên tôi nên ở lại. Nếu tôi muốn, họ sẽ giúp tôi trốn sang Canada. Tôi lưỡng lự mãi. Một bên là cám dỗ của một đời sống mới, tự do và đầy đủ tiện nghi. Một bên là mối nhớ nhung. Mái tóc bạc của bà mẹ, ngọn gió rì rào trong bụi tre ngà, một tô phở nóng, một cái gì rưng rức khó tả. Và nhất là cuộc đối thoại ngắn ngủi giữa bác sĩ Rieux và Rambert trong La Peste của Camus: "Il n'y avait pas de honte à préferer le bonheur, mais il peut y avoir de la honte à être heureux tout seul". (Tôn Kàn. Quan hai lang tây lính thủy đánh bộ, tr. 94-95. TSYS 1993).

Tiếng leng keng của chiếc Cable Car đang đổ dốc, cầu Golden Gate rực rỡ dưới ánh mặt trời hồng. Cảnh ấy như biểu tượng của Cựu Kim Sơn không đổi thay từ bao năm trên tấm Postcard gửi đi từ thành phố thanh lịch mỹ miều này. Từ ngày hôm ấy, mười lăm năm sau, chẳng thể nghĩ rằng hơn một lần Phan trở lại nơi đây. Cảm giác như không hề có thật.

Cuộc hành trình qua suốt mười lăm tiểu bang, trong một khoảng thời gian không dài, để thấy cái mênh mông của tân lục địa và những cơ hội cho lưu dân mới tới. Mỗi nơi là một quyến rũ bào chữa bảo chàng không về. Bạn cùng chuyến đi với Phan có Tường. Không chút thắc mắc vấn vạn, Tường đã có ý định ở lại ngay từ ngày còn chật vật ở bên nhà. Biết nhau từ hồi còn ở đại học xá. Tường học giỏi nhưng chẳng may tú tài chỉ đậu bình thay vì ưu hạng nên hấn đã lỡ mộng du học. Sau đó Tường chọn học y khoa, là một trong những nội trú xuất sắc, được tuyển vào ban giảng huấn và cho đi du học Mỹ sau đó. Khi tới Walter Reed, có dịp gặp lại Tường ở Hoa Thịnh Đốn giữa mùa hoa anh đào nở đỏ. Lúc đó Tường cũng đang bay qua nhiều tiểu bang cho những cuộc *interviews* để được chọn vào chương trình nội trú các bệnh viện. Câu chuyện rồi cũng lại xoay quanh *ở* hay *về*. Tường thuyết phục Phan bằng vô số những "bởi vì", rằng không chấp nhận Cộng sản phía bên kia, cũng không thể chấp nhận thối nát của bên này, rằng cuộc cờ cũng sắp tàn, sớm muộn

Mỹ cũng bỏ rơi miền Nam. Tường đã dứt khoát khôn ngoan sử dụng trí thông minh và cơ hội để chọn một cuộc sống lưu dân êm ấm. Không chút phán đoán, rất thản nhiên với chuyện lựa chọn của Tường. Phan còn lý luận tốt cho bạn, rằng thông minh như nó lại có cơ hội, biết đâu hấn chẳng trở thành một giáo sư y khoa lỗi lạc. Trường hợp Tường cũng chỉ nằm trong hiện tượng *brain drain* rất phổ quát của trí thức năm châu. Tường dẫu sao cũng chỉ là một giọt rất nhỏ nhoi rót thêm vào lượng nước của một chiếc ly chẳng bao giờ biết đầy.

Mới bước vào cái tuổi *tam thập nhi lập*, chưa xa lâu sân trường đại học nhưng những năm thực sự lăn lộn với những người lính chiến trận, Phan thấy mình đã vĩnh viễn bước ra khỏi đời sống sinh viên tự bao giờ. Cảm giác ấy tới thật rõ ràng khi vào những ngày nghỉ cuối tuần, Phan sang thăm khu đại học Berkerley hiện đại và cổ kính, để tìm sự hòa mình nhưng để càng thấy rõ mình là người đứng bên lề. Phan gặp khá đông sinh viên Việt nội trú trong campus, gốc con ông cháu cha ở Sài Gòn nhưng phản chiến thì hơn cả sinh viên Mỹ. Chưa từng sống ở đồng quê nhưng đồng phục lại là những bộ bà ba đen, kéo nhau lên sân khấu hát "*Quảng Bình quê ta ơi*" và tích cực quyên tiền gửi về giúp Mặt Trận.

Buổi sáng ấm áp hôm ấy nắng thật đẹp, cầu Golden Gate rực rỡ ửng hồng. Bệnh viện Letterman như còn ẩn hiện trong mỏm sương mù. Đứng trên chiếc du thuyền, phơi mình trong nắng Cali chan hòa nhưng Phan vẫn cảm thấy thấm lạnh vì từng đợt từng đợt những cơn gió từ biển thổi sâu vào trong vịnh. Cho dù biết rõ không vương vấn chuyện ở lại nhưng tại sao câu hỏi vấn nạn ấy cứ trở lại ám ảnh tâm trí anh. Không suy nghĩ, như một tình cảm dứt khoát, Phan buông ném xuống sâu trong lòng vịnh chiếc máy chụp hình và cả những hình ảnh của thành phố San Diego đẹp đẽ ở chặng đi cuối cùng. Hành động tưởng như tình cờ trong một khoảnh khắc nhưng vẫn bị bắt gặp. Một bà Mỹ già, đôi mắt sáng vui tiến lại phía chàng. *Ông vừa đánh rơi chiếc máy hình xuống biển.* Phan chỉ trả lời bằng một câu nói rất bâng quơ. *Gió thổi vào vịnh lớn quá, thưa bà.* Người đàn bà vẫn lân la gợi chuyện. *Tôi cứ nghĩ ông là người Việt Nam. Tôi muốn hỏi thăm tin tức. Cứ theo tin truyền hình CBS thì rối mù. Đến bây giờ tôi cũng chẳng hiểu tại sao thằng con trai tôi phải có mặt bên đó.* Không ngờ cái mảnh đất Việt Nam nhỏ bé ấy xa hơn cả nửa vòng trái đất đã để lại hằn sâu những dấu ấn trên cả lục địa mới mênh mông này. Chuyến đi thăm đại học Stanford bên Palo Alto, như mọi campus khác trên khắp nước Mỹ lúc ấy đang hừng hực những

phong trào *Sit-in, Teach-in* phản chiến. Đốt cờ, đổi thẻ trưng binh, trốn ra nước ngoài, rồi cả tự thiêu ở Hoa Thịnh Đốn, xã hội Mỹ phân hóa tới cực điểm giữa cao độ của cuộc chiến tranh đang lan rộng ra cả Đông Dương. Phan đã được dặn rất kỹ không bao giờ có mang dấu hiệu của quân đội để tránh bị đốt xe và cả hành hung. Cũng ngày hôm đó một đám sinh viên phản chiến Mỹ khác kéo tới nằm vạ trên đường rầy xe lửa chặn không cho những chuyến tàu chở vũ khí bom đạn vào trong cảng Oakland để tiếp lửa cho cuộc chiến tranh Việt Nam. *Giã biệt Cựu Kim Sơn.* Thanh thản nhẹ nhàng, không lưu luyến để rồi ngày mai chưa biết ra sao, nhưng chàng sẽ trở về với mái tóc bạc của bà mẹ già, những người lính đồng đội và những cánh đồng cháy xém hay còn lúa thơm chín vàng của Việt Nam. Chẳng phải Cựu Kim Sơn, Phan đã thực sự để trái tim mình ở Sài Gòn, với ao ước cho xứ sở cái sung túc mà đất nước Mỹ này đang có bằng niềm tin tạo dựng với sức lao động vốn siêng năng của người dân mình.

Những năm sau hồi hương, Phan trở lại cuộc sống có thể gọi là thanh đạm của một bác sĩ quân y bình thường. Không nhiều tham vọng, không mấy ưa thích chính trị mà anh cho là thời cơ và giả dối; bằng những cố gắng bình thường mỗi ngày, anh cảm thấy mình có ích và nghĩ như vậy là hạnh phúc. Những ngày tháng sống ở Mỹ dã như một thế giới rất xa xôi với hiện tại của chàng... Thế rồi, cũng chẳng bao lâu sau đó Phan lại phải đối dầu một lần nữa với quyết định *ở* và *đi* nhưng với cái lẽ *sống chết* và cả ý nghĩa tự do của cả tương lai cuộc đời chàng. Chiếc máy ảnh và cả cuộn phim nằm thật sâu ở một nơi nào đó trong lòng vịnh Cựu Kim Sơn, vẫn ám ảnh như một lời nguyền như ngăn chàng không thể trở lại nơi ấy lần thứ hai. Nhưng khi mà cứ điểm cuối cùng là Sài Gòn cũng không còn hy vọng đứng vững, khi mà mọi người bắt đầu chạy tứ tán ra các vùng biển, nhào vào các hải cảng và phi trường để tìm phương tiện thoát thân. Khi mà bọn du kích nằm vùng đã ra mặt kiểm soát các trục lộ giao thông bên ngoài Sài Gòn. Còn lại phi trường Tân Sơn Nhất bắt đầu lác đác bị pháo kích nhưng vẫn còn những chuyến bay lên xuống. Số máy bay thì thưa dần nhưng lượng người đổ vào phi trường càng đông cho dù đám quân cảnh ra sức mạnh tay ngăn cản. Bây giờ chỉ còn những chuyến xe có người hướng dẫn với *manifest* chuyến bay mới được phép vào trong phi trường. Và bây giờ cũng là cơ hội cho các *người Mỹ xấu xí* qua trung gian của các bà vợ Việt tự do tung hoành. Trong chuyến tàu vét họ đang thản nhiên ra giá cho những tấm vé nếu

chưa phải để tới thiên đường thì ít ra cũng thoát khỏi quần đảo Gulag ngục tù hay cả cái chết. Mỗi đầu người bước lên xe là một trao đổi sòng phẳng bằng đôla hoặc vàng. Từ các điểm hẹn bãi bốc đâu đó, những chiếc xe Van lầm lũi chạy nhanh trên các đường phố nhao nhác, trước mắt những đám người tụ tập bàn tán, nhìn dõi theo những chiếc xe chở đầy khách mà họ cũng biết là đang hướng về phi trường. Nơi bộ Tổng tham mưu vẫn còn rải rác những người lính đứng canh giữ. Canh giữ cho một tổng hành dinh có lẽ đã trống trơn. Không ra khỏi cổng, nhưng các ông tướng còn lại đã thoát khỏi bộ Tổng tham mưu bằng những chiếc trực thăng cuối cùng.

Lệnh đầu hàng như một phát súng thi ân cho những đơn vị quyết tâm tử thủ cho tới viên đạn chót cùng. Cũng lúc đó, trên đường Công Lý, không biết tự bao giờ, chuẩn úy Ngộ và tiểu đội của anh vẫn lầm lũi trật tự theo hàng một tuần tiễu trên đường phố Sài Gòn. Người chuẩn úy da xạm đen, gương mặt xương gẩy với đôi mắt rất sáng nhưng buồn. Súng lục trễ bên hông, trên tay một cây gậy nhỏ, dẫn đầu tiểu đội với mươi người lính da cũng xạm đen trong những bộ rằn ri lấm bụi bạc sờn. Không chút ảnh hưởng nao núng bởi những khuôn mặt dân chúng hoảng loạn giữa một thành phố xao xác, họ vẫn bước đều theo chân người chuẩn úy với nón sắt và súng trên vai. Có điều gì đó rất thiết thân và thiêng liêng ràng buộc giúp họ thắng mọi sợ hãi trong nỗi sống và chết không rời. Cuộc diễn hành thật kỳ lạ, với không trống chiêng không cờ xí, hoàn toàn vắng mặt hàng tướng lãnh dẹp dẽ trong nhung phục với ngực đầy huy chương trên kỳ đài, mà chỉ có những sĩ quan cấp thấp như chuẩn úy Ngộ và các đồng đội vô danh của anh vẫn can đảm bình thản tới gần tuyến lửa, đi tới trong kỷ luật đội ngũ, diễn qua rải rác những đám đông dân chúng lớn nhỏ tụ tập trên các đường phố của một Sài Gòn đang chết dần...

Đã bao năm rồi, biết bao nhiêu nước mắt chảy qua cầu, có quá nhiều điều dã quên và chẳng thể nào quên. Ngay trong tù đày, những hình ảnh hồi tưởng chưa bao giờ là những cuộc duyệt binh đầy màu sắc và ồn ào của ngày Quân Lực; mà luôn luôn là những bước chân diễn hành thầm lặng của một tiểu đội lính vô danh ở ngày giờ cuối hấp hối của một thành phố trước khi mất tên Sài Gòn. Người chuẩn úy ấy bây giờ ở đâu, trong một trại tù cải tạo nào, còn sống hay đã chết, số phận những người lính can đảm kỷ luật tới giờ phút chót ấy bây giờ ra sao, cũng không ai nhớ tới và cũng không ai được biết. Liệu có thêm được một

dòng chữ nào giữa những trang quân sử viết dở dang để nói về cuộc diễn binh kỳ lạ cấp tiểu đội mang biểu tượng hào hùng của quân lực trước khi hoàn toàn tan hàng rã ngũ...

Bước vào cái tuổi tri thiên mệnh, mái tóc đã pha chút điểm sương, lần thứ hai trở lại lục địa cơ hội này, lẫn trong đám đông phức tạp của những người tị nạn mà Phan tưởng rằng đã có thể dứt khoát tách ra từ mười lăm năm trước. Được nhân viên xã hội dẫn dắt từ chân máy bay, mỗi người với chiếc túi giấy ICM nơi tay, líu ríu tới trạm tiếp đón - là một *hangar* trống trải, rộng mênh mông ngay troug phi trường, với trang trí đơn giản chỉ với một lá cờ vĩ dại gồm sặc sỡ những *Sao và Sọc*. Rồi cũng như mọi người, Phan chờ cho được kêu tên để đứng vào hàng làm thủ tục giấy tờ, để được phát một chiếc áo ấm cùng một màu nâu đồng phục, để được hướng dẫn bước đầu hội nhập vào xã hội Mỹ. Người dàn ông cán sự xã hội tỏ ra rất nhanh nhẹn và hoạt bát với giọng Bắc nhưng vẫn là âm gốc Huế. Sau một hồi thao thao bất tuyệt, anh dí dỏm kết thúc bài học công dân đầu tiên. *Xin quý vị nhớ kỹ cho, đây không còn là Việt Nam nữa* -bây giờ thì anh bắt đầu đổi sang giọng thân mật gọi là các bạn- *Các bạn đang ở trên đất Hoa Kỳ với tất cả tự do, kể cả tự do phê bình tổng thống Mỹ, nhưng* -anh ta hơi ngưng lại với một nụ cười riêng thú vị như để tự tán thưởng trước câu nói sắp tới- *nhưng các bạn sẽ không có tự do để trốn thuế* -rồi anh ta lại cười tiếp theo giọng hăm dọa- *trốn thuế ở Mỹ thì các bạn chỉ có đi ở tù và bị coi như một trong các tội hình nặng nhất*... Phan thì ngớ ra và vẫn còn ngạc nhiên không hiểu lý do nào vấn đề trốn thuế lại được quan tâm như vậy ở dám người tị nạn mới tới mà nguồn sống lợi tức trước mắt chỉ là đồng tiền trợ cấp *welfare*. Nhưng quanh Phan, mấy chú Ba gốc Bạc Liêu hay Chợ Lớn lại có vẻ rất tập trung và nghiêm túc tiếp thu bài lên lớp đầu tiên ấy.

Mũi dao trên trái tim, đó là Chữ Nhẫn trong số những chữ Phan học được ở những năm tháng dài đẳng vô ích và lãng phí của tù đày. Lúc này, quên cả bệnh hoạn, không còn chỗ cho cảm giác mỏi mệt hay buồn bã, không cả một chút dư vị đắng cay, như một thói quen vô cớ Phan tự mỉm cười và hơn bao giờ hết anh đang hiểu rất rõ vị trí của mình lúc này khi mà anh chưa có được "*một tấm căn cước*" để bước vào cuộc sống mới. Khoảng cách mười mấy năm ấy bỗng dưng bị xóa nhòa. Phải chăng có một ràng buộc định mệnh, Phan đã trở lại Cựu Kim Sơn như chưa hề nói một câu giã biệt.

Ngô Thế Vinh

ĐẶNG HIỀN

trong cuộc tình ân hận

Trong cuộc tình ân hận
tưởng mãi chắp cánh bay
bụi thời gian mờ phủ
chợt về hình bóng xưa

Tôi chờ trong giấc trưa
ngẩn người nhìn chim dậu
em buồn trong giấc tối
chăn chiếu lạnh trăm năm

Ta rời nhau vội vã
ta xô ngã đời nhau
em về theo cánh nhạn
tôi bãi cũ lặng câm

Trong cuộc tình ân hận
ta lừa dối đời nhau
tôi hoài là trẻ nhỏ
trên võng đời u mê

Mai rồi em có nhớ
quay quắt vì xa nhau
thương giùm tôi chỗ trọ
trong ngăn kín yêu thương

Trong cuộc tình ân hận
tưởng mãi chắp cánh bay
bụi thời gian mờ phủ
chợt về hình bóng ai

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

CƠM GẠO CỦA EM

36. Sáng hôm sau, Tâm chở cô đi thăm Lương. Tới nơi, cô bảo em, "Tâm về coi dược phòng đi, chị có chuyện riêng muốn nói với Lương." Đang xuống xe theo cô, Tâm khựng lại. Làm bộ tự nhiên, Tâm hỏi:

"Hôm nay thứ bẩy, ba giờ chiều em dã đóng cửa. Bao giờ chị muốn em tới đón chị?"

"Chắc là trễ lắm, chị tính ở lại ăn tối với Lương."

"Vậy khoảng bảy giờ, em sẽ gọi lại chị."

Cô vờ như không để ý Tâm không tán thành sự sắp xếp của cô. Cô cũng biết Tâm không tán thành nhiều thứ trong cách cô đối xử với Lương, chị em khác nhau nhiều quá không một lúc mà lý giải hết được. Cô dứt khoát đóng cửa xe.

Xe Tâm vừa chạy khuất cuối phố, cô quay lại đã thấy Lương tới sát bên từ bao giờ. Tươi cười, anh nói:

"Em coi, anh lên xuống tam cấp như không. Bữa nào anh biểu diễn cho em coi những chuyện ngồi xe lăn mà vẫn có thể làm được..."

Rồi gọn gàng quay đầu xe lăn, mở cửa mời cô vào nhà. Cô nhìn quanh phòng khách, thấy trà bánh đã bầy sẵn trên bàn. Anh khoe chùm bông giấy cắm trong bình:

"Anh vẫn thích giàn hoa giấy nhà em ở Sài Gòn. Chợ hoa không bán thứ này, anh phải xin ông làm vườn hái từ dậu chung cư cho anh."

Anh rót trà mời cô. Cái sượng sùng hôm trước khi cô từ phi trường về thẳng tới thăm anh dã hết, anh tự tại hồn nhiên kể cho cô nghe những chuyện nhỏ nhặt xảy ra từ hôm giữa tuần. Cô nhớ đến ngày xưa mỗi khi cô tới thăm anh tại căn phòng nội trú bệnh viện Chợ Rẫy. Những bức tranh hôm nay cùng mầu cùng kiểu những bức tranh thủy họa cô đã mua ngày xưa để trang hoàng căn phòng nội trú của anh. Bàn giấy anh cũng kê ngay góc nhà cạnh bộ xa-lông, chỉ khác bây giờ anh có phòng ngủ riêng.

Ấm cúng như tỏa ra xung quanh Lương. Nghĩ tới tòa biệt thự sang trọng của Tâm, cô rùng mình ghi nhận cái vắng lạnh ở đấy. Con cái đi học xa, Hoài từ hôm cô sang vẫn không thấy về nhà với vợ. Lần trước khi ghé lại em trên đường qua Hoa Thịnh Đốn với bố mẹ cô đã ngờ ngợ, bây giờ thì mọi việc quá rõ ràng và Tâm như không còn buồn giấu chị nữa.

Rồi cô thấy cái vô lý của sự việc. Lương có quá ít mà vẫn yêu đời, Tâm và Hoài được quá nhiều mà vẫn tìm cách tạo nên bao nhiêu là khổ đau cho nhau cũng như cho chính bản thân. Kiêu hãnh nghĩ chỉ có Lương là biết sống, cô nói:

"Sau cùng em được ngồi riêng với anh hôm nay."

Anh ngẩng lên nhìn cô, biết ơn trong ánh mắt. Cô lại nói:

"Giống ngày xưa quá. Chỉ thiếu ảnh em trên bàn giấy phải không?"

Anh sung sướng:

"Em đọc xấp thơ của anh rồi."

Anh đoán đúng. Cô đã đọc từng lời từng chữ trong xấp thơ ấy. Anh viết về những ước mơ, và trong những ước mơ ấy, có tấm ảnh của cô... Còn nữa, những ước mơ của anh lẫn với những lời tạ tội thành khẩn, và cả tập bản thảo 'Nhìn Từ Xe Lăn' là một bản kinh cầu xám hối...

Cô tha tội cho anh từ lâu. Nhưng tập thơ cũng không thừa, nhờ nó cô được thấy cái tâm hồn nhậy cảm của anh. Nhờ nó cô bắt được cái nhìn của anh về cuộc sống, đặc thù, thấm thía, tài hoa. Từ những giới hạn khắt khe của tật nguyền, anh đã thấy được những cái dễ yêu dễ thương ngay trong những khó khăn hằng ngày. Anh nhìn lại tình anh với cô, qua những lỗi lầm của bản thân cũng như nghiệt ngã của số mệnh, để vẫn thấy cái trường cửu của yêu thương ấy.

Cô đã đọc tập thơ của anh nhiều lần, để thấy cô với anh là hai kẻ đồng hội đồng thuyền, và cô trở lại Cali là đúng... Giờ đây nghe anh nhắc đến tập thơ, cô trả lời với tất cả đam mê:

"Tất nhiên là em xem rồi. Không xem sao được, cơm gạo của em."

*

Từ cửa ra đường có người suồng sã nhái lại lời cô:

"Cơm với gạo. Cơm nào, gạo nào đây!"

Tiếp theo là tiếng chân thình thịch bước vào. Mặt Lương đanh lại, trán anh bỗng đầy vết nhăn, mắt anh bỗng hiển hiện tất cả những eo sèo xấu xí của già nửa kiếp người. Cô ngoảnh lại thấy Thoại đang xăm

xăm tiến tới. Cô ngạc nhiên với khả năng phá hoại của nó. Chỉ cần xuất hiện, chỉ cần nói một câu, Thoại đã hủy diệt cái bầu không khí xinh đẹp êm ả xung quanh Lương và cô. Thoại nham nhở cười:

"Cô lại đến chơi. Cáo chết ba năm quay đầu về núi. Chưa thấy mặt, nghe bố tôi nói chuyện văn chương tôi đã đoán là cô... À mà cơm gạo của cô, tôi đã nếm rồi. Không ngon lắm đâu, chỉ có dối trá và cải lương thôi."

"Anh không được vô phép."

Lương mắng con. Thoại quay sang bố:

"Còn bố nữa, bố khỏe không? Bố sắm đồ đạc mới sang nhỉ. Nghe nói dạo này bố xộp lắm. Có tiền là có nhà, có đồ gỗ đẹp, có nếp sống trưởng giả... Có tiền là có gái..."

Lương nhỏm dậy:

"Anh đừng có dở thói du đãng..."

Một tay xoay bánh xe lăn, anh vươn tới đánh con. Thoại nghiêng đầu tránh cái tát. Anh mất đà chúi xuống bàn. Thoại nói:

"Bố nổi giận vì con phá rối bữa tiệc trà văn nghệ với nàng Thơ của bố phải không?"

Nói xong, nó cầm bình trà ném vào tấm gương lớn đặt trên lò sưởi. Tấm gương vỡ tan. Như chưa đã tay, Thoại lật chiếc bàn nước vào người bố, chén đĩa đổ lênh láng ra nhà. Hung hãn, Thoại bước vòng sang phía anh, nắm lấy cổ tay anh vặn ngược lại sau lưng. Anh dẫy dụa, oằn người theo chiều cánh tay bị vặn cho đỡ sái. Trán anh bị mảnh kính cắt bắt đầu chẩy máu, và mặt anh nhăn nhó vì đau. Thoại vặn tay chặt hơn làm anh phải theo đà quỳ xuống đất. Thoại cười chế nhạo:

"Bố định dùng sức với con hả. Người ta lành mạnh, đánh vợ con được. Bố tàn phế thế này, chỉ đánh được vợ thôi. Nhớ nghe bố, lần sau đừng làm vậy... Chịu khó quỳ như thế một lát, con sẽ buông bố ra... Nhưng quỳ như thế cho nhớ..."

Không chịu được cảnh bất nhẫn, cô vùng tới giúp Lương, nhưng Thoại nhanh hơn đẩy mạnh cô ngã dúi xuống thảm. Thô bạo, nó nói:

"Cô ngồi đấy mà xem thi sĩ Hoàng Lương xử lý việc nhà."

*

Cô ngồi bệt dưới sàn nhìn cảnh hung bạo. Cô ghi nhận thấy mình hoàn toàn bình tĩnh. Từ khi quyết định về lại Cali, cô đã tưởng tượng ra cảnh này nhiều lần, và giây phút này cô sẵn sàng đối phó. Lết nhanh

đến bàn con góc phòng, cô cầm máy điện thoại lên bấm số. Thoại hất hàm:

"Cô gọi ai?"

"Gọi cảnh sát."

Thoại còn ngỡ ngàng, cô đã bấm số xong, gọn gàng nói với người đội viên bên kia dây:

"Xin ông tới gấp, có người đang bị hành hung. Các ông đến ngay, sợ có án mạng..."

Rồi khẩn trương nhưng không hốt hoảng, cô với tờ tập san trên ghế, vấn tắt đọc địa chỉ của Lương cho cảnh sát. Khi Thoại ngẩn ngừ như muốn thả Lương ra để tiến tới giằng điện thoại, cô đã nói xong và gác máy. Cô quay sang Thoại:

"Vài phút nữa cảnh sát tới, anh xin lỗi bố đi."

Thoại làm bộ chai lì nhưng cô biết nó đã nhụt. Nhìn mặt Lương không còn cái nhăn nhó đau đớn, cô biết Thoại đã nới lỏng tay anh.

Có tiếng còi hụ xa xa. Cô không nghĩ là cảnh sát tới nhanh như vậy, nhưng Thoại bỏ cuộc. Chửi thề một câu tục tĩu, nó giằng mạnh tay anh làm Lương ngã nhoài, thái dương đập vào cạnh chiếc bàn đổ nghiêng từ lúc nãy. Thoại bỏ ra cửa, không cần biết bố đã ngất đi.

37. Cảnh sát tới thì Lương đã tỉnh lại. Nghe chuyện Lương bị ngất đi, họ gọi xe hồng thập tự chở anh vào bệnh viện khám nghiệm. May mắn là sau cùng bác sĩ không nghĩ có nội thương gì đáng kể, và Lương được rời viện.

Khi hai người về đến nhà thì trời đã xế chiều. Cô nhìn nhà cửa tan hoang, nhìn vết nước trà loang lổ trên tấm thảm mầu nhạt còn để lại mấy lá bã trà lục đậm bên những mảnh bình xứ vương vãi trên đất. Cô bỗng cảm thấy mệt mỏi. Ôn lại sự việc, cô bực dọc nhất với thủ tục cảnh sát. Khi cô cho hay ý định khởi tố để cấm Thoại trở lại hành hung bố, người đội viên đã hỏi cô cặn kẽ về gốc nguồn vụ đả thương, về những nguyên nhân thông thường như tình tiền và tội ác, và nhất là về liên hệ của cô với Lương. Những câu hỏi tuy nghiêm túc và đúng tiêu chuẩn nghề nghiệp vẫn có khả năng làm cô tổn thương.

Cô nhớ lại hai chữ "Tôi hiểu," của người cảnh sát khi thấy cô lúng túng tìm cách diễn tả liên hệ giữa cô và Lương. Cô thấm thía nét thông

cảm, nét thương hại của lời xã giao ngắn ngủi ấy, và sự xấu hổ của cô lúc ấy chắc phải lộ liễu lắm.

"Tôi là bạn gái của anh ấy... bạn gái rất thân... À, kể như vợ theo dân luật..." cô nhớ lại lời khai cô đã phải hơn một lần lập lại với nhân viên hành chánh bệnh viện cũng như với cảnh sát, những câu những chữ nói ra khỏi môi đã nghe trơ trẽn đến tội nghiệp. Cô xót cái liên hệ đẹp đẽ của cô với Lương đã bị diễn tả một cách dung tục như vậy.

Cô nhẩm lại hai chữ "Tôi hiểu," của người đội viên. Anh ta mà hiểu gì. Anh ta làm sao hiểu được chuyện cô với Lương, từ cái rung động của thuở ban đầu hôm cô tắm suối Hố Bò, từ những tháng ngày đẹp và không bao giờ quên được khi Lương sống tại nhà cô, từ lần đầu tiên cô trao thân cho Lương tại căn phòng nội trú... Anh ta hiểu sao được cuộc sống làm vợ làm mẹ của cô trong những tháng hôn mê, với Lương túc trực bên giường trò chuyện với cô, với đứa con của Lương mỗi ngày mỗi lớn trong bụng cô...

Quả thật, anh ta không hiểu gì hết. Anh ta hỏi đi hỏi lại những chi tiết cần thiết để cô đủ tư thế khởi tố thằng Thoại. Anh ta hỏi bằng cung cách nghề nghiệp chừng chạc, nhưng cái thô bạo không tránh được của nội dung vẫn còn đấy. Cô có chung nhà với Lương không? Có chung lợi tức tài sản không? Có ăn ở với nhau thường xuyên không? "Để xác định quyền tố tụng của bà," người đội viên cắt nghĩa cho cô...

Lúc ấy quyết tâm che chở cho Lương khỏi những vụ hành hung của Thoại trong tương lai, cô đã không quản ngại, đã cắn răng chịu đựng những tổn thương của thủ tục pháp lý ấy. Nhưng giờ đây hồi tưởng lại sự việc, cô bỗng thấy tủi thân và mệt mỏi. Thần trí cô như rã rời. Sinh lực vận dụng tối đa để đối phó với khó khăn cấp thời, tất cả cái sinh lực ấy đã cạn. Cô nghe mệt mỏi lan tràn cơ thể. Nhìn tấm gương bị Thoại đập vỡ sắp rơi khỏi mặt lò sưởi, cô khựng lại với hình ảnh méo mó xấu xí của chính cô và Lương phản chiếu lại từ mặt kính đã rạn.

"Anh bao giờ cũng đem lại những chuyện thô bạo dung tục cho em."

Lời xin lỗi nghe quen thuộc nhưng sao rã rời mệt mỏi. Lương đã xin lỗi như vậy bao nhiêu lần trong quá khứ, cô tự hỏi. Nhún nhường, chân thành nhưng sao nhì nhằng đến chỗ bất lực. Cô trả lời theo đà:

"Anh có lỗi gì mà xin lỗi em. Mà tai nạn của anh một phần cũng tại em. Không có em, Thoại chắc sẽ không hành hung anh như thế này..."

Cô nghe trong giọng cô cái lịch sự gần như xã giao đưa cô ra xa khỏi

Lương. Vẫn biết Lương không nhận ra nét ấy, nhưng cô vẫn hấp tấp nói chữa. Và cô nói chữa mà vẫn theo cái đà của ý niệm chia tay đang thành hình trong đầu:

"Nhưng trước hết anh phải để cho em dọn dẹp lại nhà cửa một chút..."

Cô ngậm ngùi thấy cô quá mòn mỏi. Thế nào cô cũng phải ra đi khỏi cảnh này. Đúng, cô không còn chịu đựng được lâu hơn nữa. Nhưng cô tự nhủ cô sẽ không hấp tấp ra đi, và cô sẽ sửa soạn cho sự ra đi êm ả và xứng với kỷ niệm đẹp đẽ giữa hai người. Cô sẽ thu dọn cho sạch hết những dấu vết thô bạo, như cô sẽ thu dọn cái phòng khách đầy đổ vỡ này hôm nay để không trở lại nữa.

Cô hy vọng Lương chưa bắt được cái dụng ý đoạn tuyệt đang thành hình trong đầu cô. Không, cô sẽ không cho Lương biết ý định cô ngay bây giờ. Cô không muốn đột ngột, cô không muốn tàn ác với anh. Cô mừng thầm khi Lương bắt chuyện:

"Anh dọn chung với em. Em coi, anh cũng còn tháo vát được."

Nói xong, anh nhanh nhẹn lái xe lăn đi lấy máy hút. Anh sử dụng máy một cách thành thạo và chẳng mấy chốc căn nhà ngăn nắp trở lại. Anh ngưng tay nhìn công việc vừa làm chung với cô. Cô tự trấn an là anh dư sức tự túc tự tự mãn trong cảnh sống của anh và thật ra anh không cần cô. Lòng nhẹ hơn, cô nghĩ sẽ ngồi với Lương thêm lát nữa rồi cô sẽ gọi điện thoại nhờ Tâm tới đón về.

"Trông như mới. Có em chuyện gì cũng mau mắn."

Lời anh vang tới tai cô như từ một cảnh giới khác. Cô nghĩ mọi chuyện không như mới, và cái thô bạo tái diễn của Thoại hôm nay là giọt nước cuối cùng đã làm tràn ly. Cô lại nghĩ rõ ràng là Lương chưa biết ý định cô. Như vậy là tốt, cô không đủ can đảm để đoạn tuyệt với Lương ngay hôm nay:

"Anh làm gần như tất cả, em đâu có giúp được gì."

Lát sau, Lương rủ cô:

"Anh làm trà mới em uống nhé."

Cô buột miệng:

"Bình trà Thoại đập vỡ rồi còn đâu."

Anh rụt rè để nghị:

"Hay mình ra tiệm nhé, gần đây thôi... Họ có bánh ngọt ngon lắm. Mà anh cũng muốn luôn tiện đi chợ, tủ lạnh cũng hết thức ăn rồi... Kỳ

này thì anh nhờ em chọn thức ăn... Chọn luôn cho anh bộ đồ trà mới nhé..."

Cô lặng yên nghe nét vợ chồng trong chuyện chợ búa nhà cửa anh vừa chia sẻ với cô. Đồng thời, cô nghe cái đau của đoạn tuyệt sắp tới như mỗi phút một tích lũy thêm, nếu cô không sớm dứt khoát cho anh hay cái tình trạng mỏi mòn đến chỗ không còn chịu đựng nổi này. Cô nghĩ đã đến lúc phải cả quyết.

"Lương, em phải nói chuyện này với anh..."

*

Điện thoại reng làm gián đoạn câu chuyện. Lương cầm máy lên nghe rồi đưa cho cô. Anh nói:

"Tâm gọi em..."

Đỡ máy từ tay Lương, cô chau mày nói với Tâm:

"Chị đang bận một chút, gọi lại chị độ mười lăm phút nữa được không?"

Cô gác máy trở lại câu chuyện nói dở. Cô bỗng cảm thấy khó chịu. Cô vẫn nhớ cô định nói gì với Lương, nhưng cái đà tâm lý dứt khoát lúc nãy không còn nữa. Cô vừa nói vừa tìm chữ:

"Lương ạ, em có chuyện muốn nói với anh... Em nghĩ..."

Lương bỗng đơ tay cản cô lại:

"Để anh nói giùm cho em. Anh biết câu chuyện em sắp nói rất khó nói. Nhưng mà giữa anh em mình, ngôn ngữ mà cần gì. Em không nói hết anh cũng hiểu được. Để xem anh có bắt được đúng ý em không nhé..."

Yên lặng một giây, Lương chậm rãi mở đầu:

"Đã đến lúc mình dứt khoát chia tay, phải không em. Anh thấy cái mòn mỏi nơi em, anh thấy rất rõ..."

Cô sững sờ. Cô tự trách mình làm sao có thể quên được rằng Lương là người tinh nhậy, khi chính cái tinh nhậy ấy là một lý do quan trọng làm cô quý trọng anh. Cô tự trách mình đã quá lộ liễu. Cô vẫn lấy cái thanh tao, cái tế nhị để xét người, mà chính cô lại thiếu thanh tao tế nhị như vậy. Đầu óc cô như tê liệt. Lương nói tiếp:

"Em, lúc ở bệnh viện, sau khi bác sĩ quang tuyến cho hay anh không bị chấn thương nơi sọ, anh trở lại phòng đợi thấy em đang làm việc với cảnh sát. Em không biết anh tới, nhưng anh có dịp ngắm em, nghe em khốn khổ trả lời những câu hỏi hình sự của người đội viên... Và đồng

thời anh ghi nhận được sư mòn mỏi nơi em... Em đừng ngắt lời anh... Anh biết em không mòn mỏi với anh mà mòn mỏi với những chuyện lê thê bê bết, với cái mớ hành lý lôi thôi lếch thếch của anh...

Lúc ấy anh khốn khổ đến tuyệt vọng... Tại vì lần này tìm lại được em, anh đã nghĩ chắc kiếp trước anh làm chuyện tốt lành, nên mặc dầu những lầm lỡ kiếp này, anh đã được thưởng, được sống những năm cuối cùng với em. Nhưng anh đã lầm, đã quá chủ quan...

Không, anh không trách em mòn mỏi, vì chính anh cũng mòn mỏi. Đừng hiểu lầm, anh không mòn mỏi với em. Mượn lời em, anh phải nói em như cơm gạo của anh, làm sao anh mòn mỏi với cơm với gạo được. Không, anh mòn mỏi với chính bản thân anh, với sự thiếu can đảm của anh để ghi nhận anh không nên quấy rầy em lâu hơn nữa...

Em để cho anh nói hết... Anh ghi nhận là không có phụ bạc trong cái mòn mỏi của em... Anh học được ở em, ở chuyện chúng mình một điều là đoạn tuyệt không bắt buộc phải có phụ bạc... Những mối tình lớn có lẽ cũng kết thúc như tình em dành cho anh...

Em, từ lúc ở bệnh viện, từ lúc về nhà, anh đã quan sát em, và những điều anh thấy làm anh vô cùng khốn khổ. Em mòn mỏi rồi mà vẫn còn quyết tâm che chở cho anh. Nhận là vợ không hôn thú của anh để trị thằng Thoại, em không thấy cái giải pháp ấy đã vô lý lại vô kế khả thi trong tình trạng kiệt quệ hiện tại của tình em dành cho anh... Anh vô cùng xót em và anh nghĩ đã đến lúc anh phải gỡ cho em khỏi cái mòn mỏi này..."

Anh bình tĩnh bao nhiêu thì cô hổ thẹn bấy nhiêu. Cô đã lo anh sẽ bám víu lấy cô, đến cái đoạn tuyệt khó khăn và đau đớn vì cái bám víu ấy.

Lương lại nói:

"Ngay hôm nay chính lúc Tâm vừa đưa em tới, chính lúc em mới bước vào nhà này, anh đã muốn nói với em những lời anh vừa nói. Thật ra còn sớm hơn nữa, từ lần trước khi em mới từ Việt Nam đặt chân tới Cali, anh đã muốn nói với em như vậy. Nhưng rồi anh không nói, có lẽ anh nghĩ ngôn từ giữa anh với em mà ăn nhằm gì.

Chữ đoạn tuyệt thật ra vô nghĩa. Vì dù em có không tới, có xa anh cả chiều ngang lục địa này như hồi em còn ở bên Hoa Thịnh Đốn, lúc nào anh cũng nghĩ đến em, cũng chỉ yêu một mình em... Nói chuyện đoạn tuyệt làm gì, khi vừa nói xong anh tức thì lại nghĩ đến em, để sung

sướng biết rằng trên đời này có em, và sự hiện hữu của em dù chẳng gần kề vẫn làm cho mọi chuyện có ý nghĩa...

Bây giờ thì cả xum họp hay đoàn tụ nữa cũng không còn nghĩa lý gì với anh nữa, già nua và tàn tật như anh thế này... Mà kỳ lạ thay, dù anh có còn trẻ, có còn khỏe mạnh như năm xưa, anh cũng không thể gần gũi em hơn bây giờ, mặc dù tật nguyền mặc dù bán thân bất toại... Anh nghĩ hiện tại anh còn gần em hơn cả năm xưa khi anh còn là nội trú bệnh viện... Không một người đàn ông nào có thể cảm thấy gần gũi với người đàn bà mình yêu hơn là anh cảm thấy gần em..."

Đầu ngả ra sau ghế, cô nghe lời anh thấm thấu vào hồn cô, nghe êm ả thấm thấu trong lòng. Cô nghe thời gian đi trong cái yên lặng của căn phòng, nghe bóng nắng nhạt dần ngoài cửa, nghe tiếng động của thành phố từ xa vọng lại... Cuộc sống như vẫn trôi qua theo những quy luật bất di bất dịch...

Cô nghĩ Lương nói đúng... Lương bao giờ cũng nói đúng, chuyện cô cũng như chuyện Lương... Những lời cuối cùng hôm nay cũng như những lời mở đầu năm xưa...

Cô như bị thôi miên. Cô nghe có gì trong lời anh còn quan trọng hơn là chuyện đúng hay sai... Thật vậy, nội dung dù có thế nào đi nữa, nghe chuyện Lương, cô vẫn cảm thấy cái êm ả và yên ổn... Êm ả ngay trong những sự chia tay sắp tới...

Lương lại nói:

"Nhưng với em, anh nghĩ hai chữ đoạn tuyệt vẫn còn hiệu lực... Chúng sẽ giúp em thoát khỏi cái mòn mỏi này... Vậy thì anh phải giúp em dứt khoát đoạn tuyệt với anh để cái khổ ấy dứt khoát không còn dày vò em nữa. An bình sẽ được trả lại cho em, sự an bình mà cuộc sống mắc nợ em từ lâu rồi..."

Bây giờ thì Lương lầm. Cô bỗng cảm thấy cái mãnh liệt của tình cô với anh... Chia ly hay xum họp, đoạn tuyệt hay gắn bó không gia tăng mà cũng không phá hủy được nó... Chuyện đoạn tuyệt lúc nãy cô vừa nghĩ tới như một sự việc nặng nề, như một biến cố mãnh liệt, một cái mức quan trọng trong cuộc đời cô với Lương, giờ đây nghe như chuyện chơi chữ, như những hạt mưa giông tầm tã mà không ướt nổi chiếc lá khoai... Lương chẳng vừa cho cô thấy giữa cô với Lương, đoạn tuyệt không hẳn là đoạn tuyệt mà đoàn tụ không hẳn là đoàn tụ, và cả đoạn

tuyệt lẫn đoàn tụ chỉ là hai diện của tình cô với Lương, bất di bất dịch như đời sống...

Giọng Lương trầm xuống:

"Em khỏi lo cho anh... Anh sẽ đi xa... Anh sẽ tình nguyện làm việc cho giáo hội, và xin về lại Hố Bò trông coi phòng chẩn bệnh nghe nói họ định tái lập ở đó... Trong khi chờ đợi, anh sẽ đi Nam Mỹ phục vụ tại chẩn y viện cho mấy làng thổ dân trong rừng già... Anh khởi sự tìm hiểu về mấy chương trình này hồi em chưa về Cali. Tòa giám mục đang đợi anh trả lời, mai anh sẽ gọi đây nói nhận việc với họ..."

Choáng váng, cô vội ngắt lời anh:

"Khoan đã anh, sức khỏe của anh..."

"Không có vấn đề sức khỏe em ạ. Ở Hố Bò hay ở Nam Mỹ, anh chỉ ở trong trại bệnh chứ có phải trèo núi lặn sông đâu mà cần sức khỏe. Việc thầy thuốc thì đại khái ở đâu cũng vậy, ngồi một chỗ bệnh tới thì khám thì cho thuốc..."

Cô ngồi nhổm dậy. Cô không còn nghe mòn mỏi. Cái mòn mỏi của cô lúc nãy thật ra đầy cảm tính và nhất thời. Đúng như Lương nói, cô cũng như Lương, ngôn từ mà ăn nhằm gì. Chuyện đoạn tuyệt, chuyện xum họp, nói đấy nghĩ đấy, mà rốt cuộc đâu vẫn hoàn đấy.

Nhưng mà Lương sắp đi xa, cái mất mát trước mặt cô lớn lao quá. Cô muốn năn nỉ Lương. Cô thoáng nghĩ đến tự ái, nhưng mà tự ái cũng ăn nhằm gì, khi đoạn tuyệt hay xum họp cũng đã thành vô nghĩa. Không ngôn từ nào làm cô hết yêu Lương. Cô nói:

"Anh đi cho em đi với..."

Tiếng chuông điện thoại gián đoạn câu chuyện. Lương nhấc máy lên nghe rồi đưa lại cho cô:

"Tâm gọi lại em."

Tâm hỏi mấy giờ cô muốn Tâm tới đón. Dứt khoát cô nói:

"Chị không về tối nay đâu. Mai tới đón chị."

38. Sáng hôm sau Tâm tới đón cô thì Lương đã đi làm. Thấy cô thoải mái với chiếc sơ mi rộng thùng thình mượn của Lương, Tâm nói:

"Sao hôm qua không gọi em mang quần áo ngủ tới cho chị thay?"

Vừa nói, Tâm nhìn quanh, mắt dừng lại tấm gương vỡ. Cô nhìn theo

em, thấy mặt Tâm rách nát trong gương đang ngạc nhiên nhìn cô. Tâm hỏi sẵng:

"Vợ cũ anh ấy lại tới phải không?"

"Không phải, thằng Thoại. Nhưng nó sẽ không dám tới nữa."

"Có vậy sao?"

Thấy em không tin, cô kể cho Tâm sự việc xảy ra. Cô bảo cảnh sát đã hứa sẽ cảnh cáo Thoại, và nếu cần, sẽ giúp cô lấy án tòa cấm nó lui tới và quấy rầy Lương và cô trong tương lai.

"Em biết thủ tục ấy," Tâm cắt ngang.

Tâm lại hỏi:

"Nhưng chị lấy tư cách gì mà tính làm những thủ tục ấy?"

"Là người nhà..."

Cô lúng túng trả lời rồi cô thấy hận Tâm. Câu hỏi của em còn thẳng thừng hơn cả mấy câu lục vấn của cảnh sát hôm qua. Cô quả quyết trực diện với sự phê phán ngầm của em:

"Chị muốn nói là bạn gái chung nhà của Lương. Kể như diện vợ chồng không giá thú ấy, em ạ."

Tâm đanh giọng:

"Chị khổ quá. Nhưng trễ rồi, chị thay đồ về nhà với em."

"Đây là nhà chị rồi, Tâm ạ. Ở lại ăn sáng với chị. Hôm qua chị mới đi chợ với anh, thức gì cũng sẵn."

Tâm nghiêm giọng:

"Em ăn rồi. Nhưng em ở lại uống cà phê với chị. Em phải bàn ra lẽ với chị vụ này."

*

Cô kéo Tâm vào trong bếp. Cô bảo:

"Em coi chị còn bao nhiêu việc phải làm. Cái bếp này thu xếp xong cũng mệt lắm."

Tâm nói:

"Cái bếp này mà ăn nhằm gì. Chị thích thu xếp thì còn cả cuộc đời của Lương để thu xếp."

Cô chợt nhớ đến mẹ, thấy nơi em cái cứng rắn của mẹ, tuy đổi dạng nhưng vẫn thẳng tay, vẫn nghiệt ngã. Tâm cũng không kém thành kiến với những cảnh sống hay lối suy nghĩ khác mình. Nhưng Tâm không

phải là mẹ cô, không có quyền khinh Lương hay dậy dỗ cô cách sống như thế nào. Tâm vẫn nói:

"Em không ngờ mới có hôm qua đến nay mà chị thay đổi nhiều lắm..."

"Em nói đúng. Chị đã thay đổi nhiều, em có ngạc nhiên cũng phải."

"Nhưng tại sao?"

"Tại hôm qua Lương chỉ cho chị một chân lý mới. Mà nắm được chân lý ấy rồi, những chuyện khác chỉ còn là vặt vãnh. Nhưng mà em không hiểu đâu."

Nói xong cô yên lặng như không còn gì để nói. Tâm cũng yên lặng, vầng trán nhăn lại như suy nghĩ. Sau cùng, nhấp ngụm cà phê, Tâm nói:

"Hoàng ạ..."

Biết Tâm sắp đem chuyện cô và Lương ra mổ xẻ, cô ngắt lời em:

"Em để cho chị nói trước nhé. Chị muốn em hiểu Lương, hiểu chuyện, để em khỏi lỡ lời."

Tự tín, cô kể cho em những chi tiết về Lương, những ổn định mới về đời sống nghề nghiệp của anh. Cô nghĩ những chi tiết thực tế ấy sẽ làm em yên lòng. Cô chỉ hoãn một chuyện chưa kể cho em là chuyến đi Nam Mỹ coi chẩn y viện cho giáo hội. Cô không muốn Lương mang tiếng khoác lác với em, nếu việc không thành. Cô gắng làm cho Tâm hiểu được cô đã tìm thấy nơi Lương tất cả những cái cô trông đợi ở một người bạn đời. Cô yêu tất cả mọi chuyện nơi Lương, không phải vì những đức tính siêu việt, không phải Lương không có tính xấu, mà vì Lương giống cô khi nhìn mọi chuyện, chia sẻ với cô tất cả mọi chuyện, tất cả đời sống... Cô đã không lầm khi yêu anh ngày xưa, và bây giờ với kinh nghiệm sống già nửa đời người, cô càng thấy tình yêu ấy xứng đáng. Một ngày chung sống với Lương cho cô thấy cô đã không lầm...

Thấy mặt Tâm vẫn căng thẳng, cô biết cô chưa thuyết phục được em. Cô lại nghĩ giá được đọc văn thơ của Lương, em cô sẽ hiểu được Lương qua những ý tưởng ấy. Cô bảo em:

"Anh ấy viết hay lắm em ạ... Mà anh ấy yêu đời lắm, chị mê từng câu từng chữ những điều anh ấy viết. Chị sẽ cho em mượn. Lắm khi chị nghĩ tàn tật nơi anh là một cái duyên để anh ấy được nhìn những vẻ đẹp của cuộc sống từ một thế nhìn đặc biệt, để mà chia sẻ với đời, chia sẻ với chị.

Em nghĩ chị thương hại anh ấy phải không? Không, không có chuyện

thương hại đâu em... Chị kiêu hãnh vì tật nguyền của anh ấy... Từ cái thế giới tàn tật ấy, anh bắt được những cái nhìn tốt lành về đời sống mà người lành không bao giờ được thấy..."

Tâm ngắt lời cô:

"Chị muốn em đọc thơ văn của Lương thì em sẽ đọc. Nhưng mà chị thích văn thơ của anh ấy thì cứ thích, việc gì phải ở chung với anh ấy... Chị về nhà với em bây giờ, rồi bao giờ đến chơi với anh ấy thì lại đến... Việc gì phải ở đây, việc gì phải đóng vai bạn gái của anh ấy... Việc gì phải lo nhà lo cửa cho anh ấy..."

Cô thấy cái hố cách biệt giữa hai chị em, dù cô có giảng giải đến đâu cũng không lấp nổi. Bầu khôug khí đột nhiên trở nên yên lặng nặng nề. Cô mở ví lấy phấn son ra trang điểm. Tưởng cô đã siêu lòng, Tâm trở lại thuyết phục chị:

"Hoàng, hai chị em mình mỗi đứa một tíuh, em không cãi khi chị nói những chuyện chị thích nơi anh Lương. Nhưng ngoài những cái chị thích ấy, còn những cái khác bình thường chị phải thích mà anh ấy lại không có. Tại sao lại khước từ những cái ấy?"

Như sợ chị không hiểu, Tâm giải thích thêm:

"Em nói thẳng nhé, Lương bại hai chân... Anh ấy hành nghề được, lái xe được, tự túc tự mãn được những điều căn bản, đó là điều đáng khen đáng mừng... Nhưng còn biết bao nhiêu chuyện khác anh ấy không làm được, chị biết không?

Đồng ý là bây giờ mọi dịch vụ công cộng được thiết bị thích nghi cho người tàn phế... Nhưng cái xe lăn có cái giới hạn của cái xe lăn... Em nói theo nghĩa đen mà cũng là theo nghĩa bóng... Không phải chỗ nào cũng thoai thoải cho Lương lái xe lăn theo chị được..."

Đang tô môi, cô dừng lại nhìn em. Cô bắt Tâm nói rõ ra:

"Những chỗ nào mà em cho là Lương không tới được?"

Tâm như sẵn câu trả lời:

"Người tàn tật có cái bất lực của người tàn tật, chị là y tá chị biết rõ điều ấy hơn em... Vậy mà chị nói như chị sẵn sàng lấy Lương. Em biết dưới mắt chị Lương là siêu nhân, nhưng có một chuyện tầm thường dù Lương có là siêu nhân cũng vẫn không làm được..."

"Chuyện gì hả em?"

"Chuyện làm chồng. Chuyện làm đàn ông. Em muốn nói Lương

không đủ khả năng thương yêu chị như một người chồng thương vợ... Em muốn nói như một người đàn ông thương một người đàn bà..."

Không trả lời em, cô nhắm mắt ôn lại cái hạnh phúc bên Lương gần hai mươi bốn giờ qua. Nữ tính như sống lại trong từng đường gân thớ thịt, mạch máu cô đập nhanh hơn, má cô nóng bừng. Cô nghe mỗi tế bào trong cô như đang thở, đang sống đời sống riêng của chúng, và từ những đời sống riêng nhỏ bé ấy bốc lên một đời sống chung man mác bao la đang ôm ấp lấy cô trong niềm hoan lạc. Cô bỗng thấy cái thân thể phụ nữ tự nó lệnh lạc và thiếu đối xứng, và cái lệch lạc cái thiếu đối xứng ấy như chờ đợi như mời gọi tình yêu mang lại sự cộng hưởng của nam tính... Chỉ khi đó, cái thân thể của người nữ mới trọn vẹn để mỗi phần, mỗi đường gân thớ thịt, mỗi bộ phận mới tìm ra lẽ sống của nó...

Tâm kết luận:

"Em khỏi nhắc chị là Lương liệt từ thắt lưng trở xuống..."

Cô nghe mà không ghi nhận nét mỉa mai trên mặt em. Vẫn còn say mê với dư âm của hạnh phúc, cô bảo:

"Tâm, em cũng biết chuyện liệt dương thì ăn thua gì."

Tiếp tục ngắm mình trong chiếc gương nhỏ và thoa son lên môi, cô nói tiếp:

"Em cũng biết chuyện vợ chồng đâu phải bao giờ cũng phải như vậy. Khi tâm hồn đã thật sự yêu nhau, thể xác thiếu gì cách để chiều nhau."

Tâm khựng lại. Nhìn theo làn môi của chị đang chìa ra đón lấy thỏi son hồng, Tâm bất thần chun mũi như ghê tởm. Tâm buột miệng:

"Như thế khác gì thú vật."

Cô dơ thẳng tay tát em. Tâm sững sờ trước hành động bất thần và phũ phàng của chị. Cô cũng sững sờ với chính mình. Cô ôm lấy Tâm, hôn lên má em còn hằn mấy vết ngón tay. Tâm cũng ôm lấy chị, khẽ nói trong nước mắt:

"Hoàng ơi, sao ai cũng khổ quá..."

Cô không trả lời em, và hai chị em ôm nhau khóc vùi...

HOÀNG XUÂN SƠN

cali, mười ba. chuyến muộn

Nhậu đi cho đã cơn bằng hữu
miếng buộc giữa đàng hay thật hay
lâu mưa mắt dại cuồng chân tửu
giờ nắng phân thân cuối ngã này

A, phố đông vui như ngày cũ
trời xanh trời xanh vốc nắng trong
mà sao cái lạnh về đêm cứ
dìu dịu vơi vơi một nỗi lòng

Chuyến muộn, khách phương nào đã hẳn
lạ mặt hồ sông lạ mặt người
trăm tiếng cười ròn vui như thể
vồn vã thân quen tự kiếp đời

Vụn thơ nằm ngủ quên manh áo
hồi văn không biết mộng phương nào
đứng lại một giây này hảo tửu
chén hồng bay vút tận trời cao.
Tháng 3-1994.

LÊ THỊ THẤM VÂN

mặt đất và em

Mặt đất
thấm đẫm
cơn mưa từ trời đổ xuống
mặt đất
dơm bông.

Em
đã uống
những giọt nước
từ mắt anh
từ môi anh
từ sự sống anh
Thân thể em
đơm bông.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

đọc "người trăm năm cũ" của hoàng khởi phong

Người Trăm Năm Cũ, trường thiên tiểu thuyết, Tập I nhan đề "Trên núi đồi Yên Thế", Đại Nam xuất bản 1993, USA; sách dày 434 trang. Giá 16 Mỹ kim.

Trong lời tựa mở đầu tập I bộ trường thiên tiểu thuyết của mình, Hoàng Khởi Phong viết: "Tôi vẫn nghĩ là văn chương chỉ là một cách thể hiện đời sống trên giấy, hay khác hơn, trí tưởng của nhà văn phong phú cách mấy vẫn không bao phủ được đời sống. Thế mà đời sống của tôi ở đây có hai mặt. Một là đời sống thường với những lo toan nhà ở, xe đi, áo mặc, cơm ăn, việc làm, bảo hiểm... Đời sống còn lại là những ao ước trong đầu, những thổn thức trong tim, những tiếc nuối... Tôi tự biết tôi là người xa lạ ở nơi đây, mặc dù đã tới đây rất sớm. Mười tám năm đã qua, cho dù có thêm mười tám năm nữa tôi tự biết tôi vẫn là một kẻ ở bên lề. Không nên viết về một đời sống khi hiểu được mình chỉ là một kẻ đứng bên lề".

Hoàng Khởi Phong đã giải thích như vậy khi tìm hiểu tại sao suốt mười năm từ 1978 đến 1988 anh không viết được chữ nào. Anh chỉ bắt đầu viết lại khi tìm ra một lối thoát bế tắc: đó là viết về cái phần anh cố đè nén bao nhiêu năm trong tâm tưởng anh, những ao ước, thổn thức, tiếc nuối... nói rõ hơn, đằng sau cuộc sống thầm lặng, nét mặt lầm lì của một người thợ tiện ca ba, suốt mười năm qua Hoàng Khởi Phong vẫn ray rứt hối tiếc cho số phận hẩm hiu của dân tộc, đồng thời mơ ước một tương lai nào đó cho đất nước anh phải cắn răng lìa bỏ năm 1975. Khác với nhiều đồng bào dễ dàng "quẳng gánh lo đi mà vui sống" với cuộc sống mới, Hoàng Khởi Phong canh cánh bên lòng nguyên vẹn những giấc mộng thời trẻ, cộng thêm những chua chát của những thất vọng liên tiếp chịu đựng trong đời. Anh là tiêu biểu của thế hệ di dân thứ nhất, thế hệ chịu nhiều hệ lụy với quá khứ và nước mẹ đến nỗi trở thành lạc loài với cuộc sống trước mắt, thế hệ mà con tim bỗng nhiên thổn thức chỉ vì một giọng hò bất chợt, một lũy tre thoáng hiện trên trang giấy cũ. Những ưu uất ấy làm thành cuộc sống thứ nhì của Hoàng Khởi Phong, âm thầm mà sống động, mờ nhạt mà hiển hiện, đau đớn mà hoan lạc. Tất cả những tích lũy nồng nhiệt ấy khi thành văn chương

thì khuôn khổ của văn không phải là một bài thơ, một truyện ngắn. Phải là trường thiên tiểu thuyết. "Người trăm năm cũ" ra đời là điều tất nhiên, không chỉ vì nhu cầu bộc bạch của tác giả, mà còn là nhu cầu cảm thông, nhu cầu xác định vị trí và đặc tính của một thế hệ.

Thế hệ của Hoàng Khởi Phong có những đặc tính gì so với thế hệ trước, thế hệ những người vào lứa tuổi đôi mươi khi cách mạng mùa thu nổ ra. Mai Thảo, Võ Phiến, Nghiêm Xuân Hồng, Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sỹ... là những thanh niên tràn đầy lý tưởng và sức sống vào năm 1945, và mỗi người tùy theo hoàn cảnh, thời thế đẩy đưa, đã lao mình vào cuộc đấu tranh giành độc lập. Lật đổ ách đô hộ của thực dân Pháp, hy sinh xương máu cho độc lập dân tộc, đã trở thành một lý tưởng tuyệt vời, khiến cho cuộc kháng chiến chống Pháp trở thành một thứ huyền thoại thiêng liêng cuốn hút cả một thế hệ. Dấu ấn hào tráng của cuộc kháng chiến đó vẫn còn rõ nét trong sáng tác của các nhà văn kể trên, mặc dù họ đã khám phá ra thực chất của lực lượng lãnh đạo cuộc kháng chiến đó, nên kẻ trước người sau đã bỏ kháng chiến để đứng về phía chống đối.

Năm 1945, Hoàng Khởi Phong mới là một cậu bé lên ba. Chín năm sau hiệp định Genève chia đôi đất nước, anh vẫn còn là một cậu bé mười hai tuổi. Trong hỗn loạn của một cuộc di cư đông đảo hàng triệu người, anh lạc gia đình, sống một thời gian trong trại mồ côi, rồi mới đoàn tụ lại với cha mẹ sau khi di cư vào Nam. Một lần gặp ông cụ thân sinh của Hoàng Khởi Phong ở Đà Lạt, tôi thấy ông cụ rắn rỏi, quắc thước, và hơi lạnh lẽo nghiêm khắc. Hình như ông cụ muốn giữ một khoảng cách nào đó với con cái và đám bạn bè văn nghệ của con. Về sau, tôi được Hoàng Khởi Phong giải thích là ông cụ vẫn giữ trong lòng nỗi khắc khoải của kẻ bỏ cuộc. Một giấc mộng không thành. Một câu chuyện thần tiên không có hậu. Kết cuộc dang dở, rã rời, phân ly... Nhưng trong lòng ông cụ, mối tình đầu với cuộc đấu tranh giành độc lập vẫn đẹp óng ả, cho nên những gì xảy ra sau đó đều trở nên tầm thường, nhàm chán, không có gì đáng phải nói tới. Tôi ngờ rằng "*những ao ước trong đầu, những thổn thức trong tim, những tiếc nuối...*" là phần gia tài tinh thần Hoàng Khởi Phong thừa hưởng từ người cha, cũng như hai câu thơ:

Từ thuở mang gươm đi mở cõi
Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long!

luôn luôn có sức mạnh quyến rũ và mê hoặc hết thế hệ này tới thế hệ khác.

Năm 1963, tròn hai mươi tuổi, Hoàng Khởi Phong tốt nghiệp khóa 15 Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức, đúng vào lúc tại các đô thị ngập ngụa khói lựu đạn cay, rối loạn xao xác vì những vụ biểu tình, xuống đường. Một chế độ sụp đổ. Sau đó liên miên nào đảo chính, chỉnh lý, ly khai, trong lúc những "thanh gươm đi mở cõi" không lúc nào thôi hoen máu đồng bào mình. Thăng Loug có còn đáng nhớ thương không? Chiến tranh ngày càng ác liệt, và trong cuộc đấu tranh để sống còn, người lính Hoàng Khởi Phong không có nhiều thì giờ để tự đặt ra những câu hỏi lôi thôi, phức tạp. Nhưng 1963 cũng là thời điểm đánh dấu cuộc đời cầm bút của Hoàng Khởi Phong. Anh bắt đầu làm thơ từ dạo ấy, cái thời hai mươi. Thế là anh bắt đầu dấn lên con đường gian nan thân phận anh đã đi. Anh sống cùng một lúc hai cuộc đời. Trong tim anh là thế giới hào sảng của những tráng sĩ mang gươm đi mở cõi, của những anh hùng xả thân tranh đấu cho độc lập dân tộc. Trước mắt anh là những cuộc dụng độ đẫm máu giữa những người cùng huyết thống, bóng dáng của ngoại bang trên xứ sở, và những xô bồ hỗn loạn trong vòng đai đô thị. Anh biết mình thuộc vào cái dòng sống xô bồ phi lý ấy, phải cột chặt đời mình với nó, sống chết với nó, trong khi vẫn xem thường nó. Anh cầm súng tham gia cuộc chiến như một người đứng bên lề. Anh là một quân nhân khá gương mẫu, nhưng lại làm thơ phản chiến. Thơ không trữ tình mà thấp thoáng đâu đó cái giọng hịch. Xin đọc nhan đề hai tập thơ Hoàng Khởi Phong thời ấy: "*Mặt trời lên*" (1967), "*Phục hồi quyền chức làm người*" (1971). Giữa một cuộc chiến phức tạp, anh ôm ấp giấc mơ của một tráng sĩ may mắn mài kiếm mang gươm vào một thời kỳ đơn giản, chiến tuyến phân minh, ta là toàn thể dân tộc từ già tới trẻ sát cánh bên nhau xả thân chống ngoại xâm để bảo vệ đất nước thừa hưởng từ ông bà tổ tiên, địch là người ngoại chủng ỷ mạnh xâm lấn bờ cõi của dân tộc khác.

Tôi cho rằng Hoàng Khởi Phong không giải quyết được mối mâu thuẫn giữa thực và mộng, giữa cuộc sống vô vị trước mắt và giấc mộng đội dá vá trời ấp ủ trong tim, giữa tâm trạng người đứng bên lề và tâm trạng người nhập cuộc nhiệt tín, trong suốt tuổi hoa niên, cho nên anh đã sống cầm chừng, viết cầm chừng. Mười năm không sờ đến cây bút anh kể trong lời tựa là giai đoạn khủng hoảng cao nhất do mối mâu

thuẫn đó, giai đoạn lưu vong mà cả đời thực lẫn dời mơ đều rã rời, phôi pha.

Thời gian qua, bây giờ Hoàng Khởi Phong đã ở vào tuổi "nửa đời nhìn lại". Mối mâu thuẫn đã bớt gay gắt, vì hình như anh đã có một lựa chọn quan trọng. Anh nhận thức được những hạn chế của cuộc đời một nhà văn lưu vong đối với các biến chuyển của đất nước, và vị trí khiêm nhường của một văn nghệ sĩ sắc tộc thiểu số ở một quốc gia gồm nhiều sắc tộc di dân khác nhau như Hoa Kỳ. Anh viết: "Tôi tự biết tôi là người xa lạ ở nơi đây, mặc dù đã tới đây rất sớm. Mười tám năm đã qua, cho dù có thêm mười tám năm nữa tôi tự biết tôi vẫn là một kẻ ở bên lề. Không nên viết về một đời sống khi hiểu được mình chỉ là một kẻ đứng bên lề".

Nhận thức chua chát đó, là đặc tính của thế hệ di dân thứ nhất, và nhận thức này tất nhiên đưa tới nhận thức thứ nhì: ý nghĩa của nửa đời còn lại không phải là "ở đây", "bây giờ", mà là những giấc mộng không thành, những "ao ước trong đầu, những thổn thức trong tim, những tiếc nuối" của nửa đời trước. Riêng Hoàng Khởi Phong, anh chọn cái phần huyền thoại hùng tráng mà thân phụ anh bỏ dở nửa chừng, và anh không có cơ hội tiếp nối: bản anh hùng ca của những tráng sĩ dựng nước, mở rộng biên cương và xả thân bảo vệ tổ quốc trước nạn ngoại xâm.

"Người trăm năm cũ" ra đời trong tâm cảnh đó!

Ưu và khuyết điểm của "Trên núi đồi Yên Thế", tập I bộ trường thiên "Người trăm năm cũ", không nằm ở những tiểu tiết, mà ở chính lòng đam mê và quyết tâm của tác giả: viết một thiên anh hùng ca.

Bởi vì anh hùng ca lúc nào cũng được xây dựng trên một niềm tin rạch ròi, tuyệt đối. Không có những mảnh tranh tối tranh sáng, không có những phân vân nghi hoặc. Tốt xấu, thiện ác phân minh và người anh hùng bao giờ cũng có một niềm tin sắt đá vào một chân lý tuyệt đối, vĩnh cửu. Ở đây, niềm tin ấy là lòng yêu nước, một thứ chân lý chính trị ít gây tranh luận, trong thời kỳ chưa có những phức tạp rối rắm về bang giao quốc tế và tình trạng sinh hoạt kinh tế vĩ mô không biên giới như ngày nay. Thời đó độc lập vẫn còn là một ý niệm đơn giản, và người anh hùng của lịch sử luôn luôn là những người cầm vũ khí lãnh đạo các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

Chọn những nhân vật Yên Thế (cả nhân vật có thật trong lịch sử như Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thiện Tuyển lẫn những nhân vật hư cấu như sư cụ chùa Lim, ông đồ Kinh Bắc, Sự, Duyên...), Hoàng Khởi Phong dễ

dàng mô tả vẻ đẹp của những anh hùng cứu nước, vì họ là những nhà hoạt động chính trị thất bại. Giả sử Hoàng Hoa Thám thành công, chắc chắn ông sẽ bị tha hóa vì quyền lực, vì tầm nhìn hạn hẹp trước các biến chuyển của thế giới, vì chất võ biền cao ngạo của các công thần... và chắc chắn hào quang của ông sẽ không còn khiến cho "người trăm năm sau" bỏ thì giờ tâm huyết viết về ông.

Từ ý định và tâm cảnh ban đầu của tác giả, từ đề tài tiểu thuyết, Hoàng Khởi Phong đã thành công tái dựng một giai đoạn lịch sử đẹp đẽ hùng tráng của dân tộc. Lần đầu tiên văn chương Việt Nam có một thiên anh hùng ca đúng nghĩa: khung cảnh núi non Yên Thế hùng vĩ, những tráng sĩ yêu nước mã thượng và nhân từ, những thôn nữ công dung ngôn hạnh vẹn toàn. Người và cảnh quyện vào nhau, cảnh hùng vĩ của núi đồi Yên Thế làm nền cho những hoạt động hào hùng, người hào hùng làm tăng thêm vẻ hùng vĩ thơ mộng có sẵn của trời đất. Những trang tả cảnh tuyệt vời, những đối thoại mộc mạc mà ý nhị chứng tỏ tài năng của Hoàng Khởi Phong, hơn thế nữa, có sức mạnh nghệ thuật khơi dậy lòng yêu nước nồng nàn, lòng yêu thiên nhiên, yêu ngôn ngữ dân tộc, lòng hãnh diện về lịch sử đất nước ta. Tác phẩm là một bài thơ dài ca tụng người Việt đất Việt, vừa thơ mộng vừa hùng tráng. Tác giả đã thực hiện được giấc mơ của mình, giấc mơ viết một bản anh hùng ca.

Nhưng chính vì tính chất anh hùng ca của "Trên núi đồi Yên Thế" mà tập I trường thiên tiểu thuyết "Người trăm năm cũ" cũng có những khuyết điểm căn bản. Tác giả đạt được những ưu điểm của một tập thơ, và vấp phải những khuyết điểm của một tập tiểu thuyết.

Tính cao cả, vượt thường, chất liệu cần thiết của anh hùng ca sẽ kết hợp thuận lợi với thể loại diễn đạt nếu tác phẩm là một tập trường ca (không phải ngẫu nhiên mà hầu hết các thiên anh hùng ca của văn chương thế giới đều viết theo thể thơ). Sang tiểu thuyết, tính cao cả vượt thường lại làm hại tác phẩm.

"Trên núi đồi Yên Thế" không nằm ngoại lệ.

Vì anh hùng ca xây dựng trên một chân lý xác quyết, nên Hoàng Khởi Phong nhìn người nhìn việc qua tấm lăng kính chân lý ấy. Kết quả là nhân vật và sự kiện tiểu thuyết bị lọc hết tính phức tạp, hàm hồ, bất trắc, dung thường, chỉ còn tính đơn giản xếp loại phân minh theo hai nhóm đối lập: chính tà, tốt xấu, yêu nước và tay sai thực dân, cao thượng và bần tiện, hùng dũng và yếu hèn.

Những người hùng Yên Thế, từ nam nữ, già trẻ, ai cũng đẹp. Cảnh

đẹp, người đẹp, đối thoại đẹp. Những cuộc tình giữa anh hùng Yên Thế và gái quan họ Cầu Lim đều đẹp. Cả đến cuộc hành quyết một nghĩa quân (Đề Tiến) cũng đẹp.

Ngược lại, bọn Việt gian tay sai thực dân đều xấu xa, nét mặt lấm lét, láo liên dê tiện, phong thái co rúm như con sâu cái kiến trước quan trên nhưng với dân đen thì độc ác nham nhở như hùm sói. Xin đọc một đoạn ở trang 370- 371, Hoàng Khởi Phong khắc họa nhân dáng bọn Việt gian:

"Đứng trên thềm đá xanh cao hơn mặt sân cả thước tây, Lê Hoan vẫy người hầu thân tín lại, sai tên này ra cổng báo cho mọi người biết quan Tổng đốc hôm nay bận, sau ngọ mới ra công dường. Vừa lúc ấy chiếc xe kéo trờ tới, người phu kéo *với cái mặt rỗ chằng chịt*, hạ càng xe xuống *đứng khúm núm* dưới thềm nhà. Viên Tổng đốc bước lên, *chiếc xe tay lún xuống dưới sức nặng của viên Tổng đốc phương phi và đường bệ*. Vài tên quân hầu mang khí giới đi theo, cùng một tên đầy tớ ôm cái táp. Cánh cổng gỗ lim dày mở ra, Lê Hoan nhìn thấy *mấy người lính lệ đang vung roi vun vút trên không, xô đẩy dân chúng dạt sang hai vệ đường* để lấy lối cho xe quan đi".

Người đọc không thuộc sử hay những ai không chú tâm nhớ hết các nhân vật truyện, dễ dàng xếp loại các nhân vật của "Trên núi đồi Yên Thế" vào phe tốt hay xấu, chính hay tà, qua cách tác giả dùng các đại danh từ xưng hô (tên, y, hắn, lão, nó...), chưa kể lối mô tả phân biệt theo những mẫu thức đơn giản. Hoàng Khởi Phong dành hết cái đẹp, cái hùng, cái cao thượng, cái nhân từ, cái tế nhị, cái thơ mộng cho phe chính. Phần rác rưởi, đê tiện, xấu xa, tham lam, xu nịnh... đùn hết cho bọn Việt gian. Lối nhìn người nhìn việc đơn giản ấy biến "Trên núi đồi Yên Thế" thành một tiểu thuyết luận đề. Cũng may luận đề ở đây là "tình yêu nước", cho nên không thể gây tranh luận, không tạo hoài nghi. Tất cả như đã được công nhận là dĩ nhiên, như một chân lý đơn giản.

Sự thật của lịch sử có đơn giản như thế không? Tôi ngờ lắm! Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Yên Thế dĩ nhiên là một trang sử đẹp của dân tộc. Nhưng những người tham gia cuộc kháng chiến đó, là những nông dân tha phương cầu thực, những thành phần ở cùng đáy của xã hội phải bỏ làng xóm đi kiếm ăn ở nương rẫy, rừng rú, chắc thể nào cũng có những tên lục lâm, thảo khấu, vì thế mạnh của Đề Thám mà phải quy thuận, gia nhập phong trào. Cái đẹp hào hùng của kháng chiến

chống Pháp có thể chiêu hồi những kẻ xấu, nhưng nếu tác phẩm có pha một ít "chất Lương Sơn Bạc", có lẽ "Trên núi đồi Yên Thế" sẽ gần gũi với cõi người hơn.

Sẽ dung thường hơn, "tiểu thuyết" hơn, nếu ở vào cái thế bị bao vây, một đôi người hùng Yên Thế có lúc ngã lòng, hoang mang, băn khoăn không hiểu mình đi đúng hay sai.

Sẽ dung thường hơn, "tiểu thuyết" hơn, nếu các giáo dân bị điều động đi làm đường hỏa xa khi tiếp xúc với những đồng bào cùng số phận như mình, sẽ có đôi thái độ hàm hồ, phức tạp: một đàng vâng lời cha xứ để cố gắng hoàn tất đoạn đường sắt theo kế hoạch của thực dân, một đàng nghe theo lời thuyết phục của nghĩa quân muốn phá hoại công trình xây dựng đó.

Sẽ dung thường hơn, "tiểu thuyết" hơn, nếu những cuộc hôn nhân giữa "trai Yên Thế" và "gái Cầu Lim" không xảy ra hàng loạt dễ dàng như tác giả muốn, và cuộc sống xa lạ trong một chiến khu bị bao vây không ngập tiếng cười như trong truyện. Các cô gái quan họ vợ chiến sĩ, qua nét bút Hoàng Khởi Phong, cũng hào sảng, mạnh mẽ y như các ông chồng chiến sĩ. Họ chỉ sống bằng nghĩa cả. Không hề yếu đuối. Kể cả khi gửi con nhỏ theo học Kỳ Đồng, họ cũng không hề bịn rịn, lo âu.

Vì thiếu những khoảng mờ, những yếu đuối, bất trắc... "Trên núi đồi Yên Thế" đẹp một cách đơn giản. Tác phẩm nhiều chất thơ, mà thiếu chất tiểu thuyết, nhiều chất anh hùng ca, mà thiếu cuộc đời thường.

Phải chăng sau khi nhận thức được rằng: dù cố gắng đến mấy, với cuộc đời này mình vẫn chỉ là kẻ đứng bên lề, Hoàng Khởi Phong chỉ còn tin vào những giấc mộng đẹp bao năm ấp ủ?

Có lẽ hỏi như thế e quá sớm, vì "Trên núi đồi Yên Thế" mới là tập đầu của một bộ trường thiên tiểu thuyết nhiều tập. Biết đâu sang các tập sau, những người hùng Yên Thế sẽ bước xuống khỏi bệ cao và trở thành người thường, như tất cả chúng ta.

Nguyễn Mộng Giác

---

* *Kỳ sau điểm quyển "Dung Thân" của Trần Long Hồ*

VĂN HỌC

ghi nhận đó đây

Giải thưởng Free Expression

Nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến, mới đến Hoa kỳ hôm 10-4-1994 vừa qua sau nhiều năm lao tù cộng sản, đã được tổ chức Human Rights Watch trao tặng giải thưởng Free Expression dành cho những người cầm bút từng bị lao tù vì tranh đấu cho tự do tư tưởng. Giải thưởng trao cho nhà báo Như Phong thuộc tài khóa năm 1993, nhưng vì lý do an ninh của Như Phong, đến nay tin trên mới được nhà văn Duy Lam loan báo. Năm nay, 1994, hai người Việt Nam khác cũng được trao giải này là ông Đoàn Viết Hoạt và nhà thơ Tô Thùy Yên. Giải Free Expression được phát hằng năm, trích từ quỹ mang tên The Hellman-Hammett.

Vừa đặt chân đến Hoa Kỳ chưa kịp nghỉ ngơi sau một chuyến hành trình dài, nhà báo Như Phong đã hăm hở đi thăm các bạn cũ trong báo giới và văn giới. Bẩy mươi mốt tuổi, nhiều lần đi tù, trong đó có mười lăm năm tù cộng sản, tóc bạc, nhưng nhanh nhẹn và khiêm cung, Như Phong tự gọi mình là "Người Sống Sót" và nhẹ nhàng nói là ông mong ước được học hỏi thêm sau 20 năm bị gián đoạn mọi thông tin.

Tưởng cũng cần nhắc lại là người Việt Nam được giải Free Expression đầu tiên là nhà văn Duy Lam, được giải năm 1992. Từ đó, bằng những vận động kín đáo và tích cực, nhà văn Duy Lam đã góp phần không nhỏ trong việc giúp cho tổ chức quốc tế Human Rights Watch biết được những gương sáng về tranh đấu nhân quyền và tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ Việt Nam.

Giải Thưởng Pulitzer 1994

Hội đồng chấm giải Pulitzer do Đại Học Columbia quản trị loan báo hôm 12 tháng Tư vừa qua các phóng viên, nhật báo và tác giả được trao giải Pulitzer 1994. Nhật báo The New York Times đoạt ba giải về Tường thuật tại chỗ (Spot news reporting), Nhiếp ảnh (Feature Photography) và Ký sự (Feature). Đặc biệt, năm nay kịch tác gia Edward Albee lại được trao giải với vở "Three Tall Women". Đây là lần thứ ba tác giả của vở kịch nổi tiếng "Who's Afraid of Virginia Woolf," (giải Tony Award năm 1936) đoạt giải Pulitzer, năm 1967 với "The Delicate

Balance," và "Seascape," năm 1975. Vở "Three Tall Women" được trình diễn lần đầu tiên vào năm 1991 trên sân khấu ở Vienna, Áo quốc. Edward Albee hiện dạy về môn Sáng tác Kịch ở Đại Học Houston, và đã trở lại New York trong tuần rồi để ra mắt vở kịch trên sân khấu Broadway.

Giải Tiểu thuyết năm nay lọt về tay E. Anne Proulx với tác phẩm "The Shipping News." Tác phẩm này đã đoạt giải National Book Award năm 1993, là một cuốn tiểu thuyết viết về một phóng viên hạng xoàng, sau những khó khăn trong đời sống gia đình và công việc ở New York, đã cùng bà cô và hai con gái nhỏ trở về sinh sống tại Newfoundland. Trong khung cảnh của một miền đất quanh năm tuyết phủ, nơi đời sống của một cộng đồng nhỏ như ngưng đọng lại trong các thế kỷ trước, Quoyle, nhân vật chính, làm phóng viên cho một tờ báo địa phương có tên Gammy Bird, phụ trách các tin về hàng hải, và tin các tai nạn xe cộ. Khi trở lại Newfoundland, Quoyle cùng bà cô sửa sang lại căn chòi nhỏ, ngôi nhà tổ tiên chàng để lại, cư ngụ ở đó trong suốt thời gian sinh sống tại Newfoundland cho đến một hôm kia, sau một trận bão tuyết, căn chòi đã biến mất dưới mặt nước băng giá của miền Bắc cực. Phương tiện di chuyển phần lớn là tàu nhỏ, vì đường sá vẫn còn ở trong tình trạng của các thế kỷ trước, tuy vẫn có những đoạn đường có thể dùng xe để di chuyển. Tác giả dùng những hình ảnh của các nút thắt (knot) mà ngày trước những người sống trên biển, hoặc làm nghề đánh cá, săn hải cẩu, hay những người sống trên những chiếc thương thuyền sử dụng để cột tàu, căng buồm, hay dùng trong công việc hằng ngày của họ để gợi người đọc nhận ra những khó khăn, những gì chưa được cởi mở trong đời sống của một đám dân hầu như sống biệt lập trong một thế giới riêng của họ. Đối với những người này, The Ashton Book of Knots và The Mariner's Dictionary dường như là một thứ thánh kinh, giải thích nhiều điều về đời sống, về những hệ lụy tình cảm, tuy mộc mạc nhưng có lúc cũng không thiếu những ẩn khuất mà lý trí con người chưa lý giải được. Tất cả những tiến bộ vật chất của một đời sống thế kỷ hai mươi chỉ là những hình ảnh hết sức mơ hồ trong trí họ, trong khi những giá trị đạo đức cổ truyền tuy vẫn còn đậm nét, nhưng có lúc cũng đã bị vẩn đục bởi những hành động phi đạo đức của thế kỷ hai mươi.

Về thi ca, nhà thơ Yusef Komunyakaa, thuộc Đại học Indiana được trao giải với tác phẩm "Neon Vernacular," quy tụ những bài thơ viết về mình và những kinh nghiệm của tác giả về những vấn đề chủng tộc

và ảnh hưởng của chiến tranh Việt Nam. Một tuần trước đó, nhà thơ này cũng đã được trao giải Kingsley-Tufts tại Đại học Claremnont, trị giá $50,000. Qua thi ca của mình, nhà thơ đã nói lên được sức sống cũng như cang cường về tinh thần của thế hệ ông, của những người da màu chịu đựng những thử thách của nạn kỳ thị chủng tộc và kinh qua những kinh nghiệm hãi hùng của cuộc chiến tranh Việt Nam. Ông phát biểu: "Chiến tranh Việt Nam đã giúp tôi nhìn thấy được nỗi kinh hoàng, sợ hãi trong lòng những con người bình thường, và khiến cho tôi nhận ra là chẳng thể nào mình quay mũi súng hay dặt mìn bẫy để giết chóc những người mà mình chưa hề nói với họ một lời. Thật tôi không thể nào hiểu được những sự bắn giết bừa bãi đó."

Văn Học sẽ giới thiệu đầy đủ hơn về hai giải Tiểu thuyết và Thi Ca trong các số sau.

Món quà hằng năm của Hội Y sĩ Việt Nam tại Pháp.

Hằng năm, Hội Y sĩ Việt Nam tại Pháp đã có một thông lệ đẹp. Đó là dành một số tiền nhỏ tặng cho những văn nghệ sĩ có nhiều đóng góp cho sinh hoạt văn nghệ và đang gặp khó khăn sinh kế. Năm ngoái, Hội đã gửi quà bằng hiện kim cho nhà nghiên cứu sử Tạ Chí Đại Trường, nhà thơ Nguyễn Đức Sơn và nhạc sĩ Vũ Nhật Tân. Năm nay, tin từ Paris cho hay hai nhà thơ được Hội Y sĩ Việt Nam tại Pháp tặng thưởng là Phạm Thiên Thư và Tô Thùy Yên.

Hội Y Sĩ Việt Nam tại Pháp đã nhờ một ủy ban gồm nhiều nhà văn hóa có uy tín đề nghị những người xứng đáng được yểm trợ, và ủy ban này gồm Bùi Xuân Quang, Đinh Trọng Hiếu, Nguyễn Thế Anh, Tôn Thất Tiết, Trần Quang Lộc, Vĩnh Ấn.

Sáng kiến của Hội Y sĩ Việt Nam tại Pháp, cùng cung cách phối hợp với những nhà văn hóa uy tín trong mọi ngành để tuyển chọn văn nghệ sĩ đáng tài trợ, là một mẫu sinh hoạt các hội y sĩ khác nên quan tâm.

Kịch tác gia Eugène Ionesco qua đời

Eugène Ionesco, nhà soạn kịch trứ danh, cha đẻ kịch phái Phi lý, tạ thế hôm 29-3-94 vừa qua. Ông thọ 84 tuổi.

Ngay từ những vở kịch đầu tiên, Eugène Ionesco đã gây sóng gió không ít. Vở kịch đầu tay, vở *Bà Ca Sĩ Sô-pra-nô Trọc Đầu*, ra mắt giới thưởng ngoạn ở Paris năm 1950, đã bị khán giả la ó phản đối dữ dội. Sau đó ít lâu vở *Bài Học* cũng gặp phản ứng tương tự. Buổi trình diễn

kết thúc, diễn viên chính đã phải ôm đầu bỏ chạy trước đám khán giả giận dữ điên cuồng. Thế nhưng, chỉ vài năm sau người ta ùn ùn đi xem kịch của ông và ngày nay sau 12 ngàn lần mở màn, hai vở kịch trên vẫn còn thu hút số đông khán giả.

Ionesco viết nhiều kịch bản nổi tiếng. Vở được nhắc nhở nhiều nhất có lẽ là vở *Con Tê Giác*. Vở kịch xoay quanh câu chuyện: Một buổi sáng đẹp trời trong một ngôi làng nhỏ nước Pháp, bỗng không biết từ đâu có con tê giác hung hãn xông vào làng. Mọi người túa ra xem và rốt cuộc tất cả đều biến thành tê giác - ngoại trừ anh thư ký. Vở kịch trình diễn lần đầu ở Dusseldorf, Đức quốc năm 1959, nhưng lại được tán thưởng nồng nhiệt ở Hoa Kỳ. Giới phê bình kịch nghệ đánh giá vở kịch như một hài kịch nhẹ, nhưng theo Ionesco thì vở kịch chuyên tải ẩn dụ ám chỉ những gì thô bạo cùng cực xảy ra trên quê hương Romania của ông dưới chế độ phát xít và cộng sản. Trong một bài báo vào khoảng năm 1940, ông viết, "*Công an là tê giác. Quan tòa là tê giác. Chỉ có bạn là con người giữa đám tê giác đó. Con tê giác tự hỏi làm sao con người có khả năng hướng dẫn thế giới được. Còn chính bạn, bạn cũng phân vân: có thực thế giới được hướng dẫn bởi con người không?*" Những ai trong thế giới này bị Ionesco gọi là tê giác? Ông cho chúng ta câu trả lời: "*Tôi nghĩ đến hình tượng con tê giác từ hồi chiến tranh chưa chấm dứt. Nhìn việc làm của các chính khách Romania và giới trí thức Pháp, tôi thấy họ càng lúc càng chấp nhận con đường của Hitler. Họ bào chữa như vầy: 'Ừ, bọn Đức quốc xã quả gớm ghiếc, nhưng ít nhiều chúng cũng có điểm hay chứ.' Bạn có thể cãi lại: 'Nhưng nếu ông cứ cho chúng điểm hay điểm tốt như vậy mãi, ông sẽ hoàn toàn khoan nhượng chúng lúc nào không biết đấy.' Trả lời như vậy, bạn biến thành kẻ dự báo hoang tưởng, rồi từ từ bạn sẽ đồng nghĩa với cái gì rầy rà phiền nhiễu và sau cùng một kẻ thù cần phải triệt hạ. Những con tê giác lúc đó xem chừng như đang hạ đầu xuống để chuẩn bị xông lên húc.*"

Qua những quan sát từ chính bản thân, Eugène Ionesco có cái nhìn sâu sắc về con người trong thế giới hiện đại. Câu nói nổi tiếng của ông, "*Chính con người chứ không phải một xã hội nào, khiến tôi thấy lố bịch, tức cười*" được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Ông đem suy nghiệm đó vào kịch nghệ và suốt thập niên kỷ 60 tên tuổi ông vang danh khắp nơi với những vở *Những Chiếc Ghế, Cuộc Đi Dạo Trong Không Khí, Ông Vua Tạ Thế*... Kịch ông viết có nét na ná Samuel Beckett, như vở *Những Chiếc Ghế*. Vở kịch tả một cặp vợ chồng già sống trong ngọn hải đăng,

hai người hì hục khuân đống ghế chất đầy phòng để chuẩn bị cho người thuyết minh ra nói chuyện. Người thuyết minh bước ra chẳng nói chẳng rằng mà chỉ lầm bầm trong miệng suốt buổi. Nhưng theo nhận xét chung thì kịch Ionesco vẫn có đối thoại nhiều hơn, hoạt kê hơn, động tác phong phú hơn kịch Beckett. Và không bao giờ tuyệt vọng như Beckett. Thật ra, trong kịch Ionesco, hai yếu tính hài hước và khủng khiếp luôn luôn trộn lẫn vào nhau và nhờ vậy ông khá thành công trong việc thu hẹp khoảng cách giữa nghệ thuật và giải trí. Ông được gọi là cha đẻ hay cha đỡ đầu của kịch phái Phi lý. Nhưng ông không thích từ Phi lý. Ông gọi kịch của ông là kịch Châm biếm.

Năm 1970, Eugène Ionesco được mời vào Hàn Lâm viện Pháp nhưng kịch ông viết càng ngày càng xa lạ và khô khan. Khán giả thưa dần, đến nỗi buổi trình diễn vở cuối cùng ông viết trước khi mất, vở *Cuộc Hành Trình Giữa Người Chết* phải dẹp bỏ ở New York. Càng về già Ionesco càng bị ám ảnh bởi cái chết.

Eugène Ionesco mất đi nhưng câu hỏi ông đặt ra hình như vẫn chưa có câu trả lời. Câu hỏi đó là: Có thực thế giới được hướng dẫn bởi con người?

Đính chính: *Văn Học số 96 tháng 3-4, 1994, do lỗi của Tòa soạn, đã có những thiếu sót và sai lầm quan trọng sau đây, xin bạn đọc sửa giùm:*

1. Trong bài "Trường hợp Trần Đức Thảo" của Đặng Phùng Quân, trang 22, dòng 10, đánh máy sót một đoạn sau đây: (thì Merleau Ponty) "là caiman ở đây, với những học viên xuất sắc có Vuillemin và Trần Đức Thảo. Con đường nghiên cứu triết lý của Trần Đức Thảo mang những chuyển biến tư tưởng như theo dấu ấn của Merleau Ponty"...

2. Trong bài "Mười bảy năm mười bảy đoạn thơ" của Trần Mộng Tú, xin đính chính:

* Đoạn 1, trang 76 câu thứ tư: "bỗng đổi" xin sửa thành "vẫn đổi"

* Đoạn 5, trang 76 câu thứ tư: "cũng ngỡ ngàng" xin sửa thành "vẫn ngỡ ngàng"

* Đoạn cuối, trang 78 câu thứ hai: "chim chóc" xin sửa thành "chim khóc".

Văn Học xin cáo lỗi cùng các bạn Đặng Phùng Quân, Trần Mộng Tú và quý bạn đọc.

MUỐN BIẾT NGUỒN GỐC SÂU XA CỦA HAI CUỘC CHIẾN 30 NĂM TRÊN QUÊ HƯƠNG, MUỐN BIẾT BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC LỰC LƯỢNG THAM CHIẾN, MUỐN TÌM MỘT SỬ LUẬN LƯƠNG THIỆN CHO LỊCH SỬ CẬN ĐẠI CỦA NƯỚC TA, MUỐN TRA CỨU NHỮNG TÀI LIỆU CHƯA TỪNG ĐƯỢC PHỔ BIẾN ĐẠI CHÚNG... HÃY TÌM ĐỌC NGAY

VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI

Hồi Ký Chính Trị

HOÀNH LINH ĐỖ MẬU

■ Cuốn sách đã từng làm chấn động dư luận trong và ngoài nước, tạo ra những **tranh luận** sôi nổi trong giới Sử học và Chính trị gia.

■ Cuốn sách khởi dẫn cho **13 tác phẩm khác** lý giải về chế độ Ngô Đình Diệm và sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1975 mà chính Hà Nội cũng phải in lại cho cán bộ nghiên cứu.

■ Cuốn sách mà **dù ủng hộ hay chống đối** ông Ngô Đình Diệm và chín năm cai trị của ông, cũng đều phải đọc để biết tường tận hơn.

Trong lần Tái bản thứ Ba, Ấn bản thứ Chín này, tác giả cập nhật và bổ túc thêm nhiều bí ẩn lịch sử mới:

• Âm mưu xâm lăng Việt Nam thực sự có từ thời Giáo sĩ Pháp nào? • Vì sao Giáo Hoàng Pius XII và Hồng Y Spellman đã chọn ông Ngô Đình Diệm cho nước Việt Nam? • Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa đã bị một số Luật gia tên tuổi phê phán như thế nào? • Bảo Đại có phải là vị Vua Thiên Chúa giáo đầu tiên của Việt Nam không, và vì sao ông không có cảm tình với cuộc đấu tranh của Phật giáo? • Thượng Tọa Trí Quang và cuộc đấu tranh 1966 của Phật giáo tại miền Trung dưới mắt một Luật sư tên tuổi. • Ông Nixon đã không lương thiện với Lịch sử Việt Nam ở điểm nào? • Giáo Hoàng Paul VI đã tiếp tay Cộng sản tiến chiếm miền Nam như thế nào? • Và nhiều tiết lộ lịch sử mới...

Nội dung tăng thêm 15% so với ấn bản cũ.
Sách dày 1100 trang khổ lớn, đóng bằng chỉ.
Bìa cứng có jacket và bọc plastic.

Giá bán kể cả cước phí: 32 Mỹ kim
Ngoài Hoa Kỳ, thêm 5 Mỹ kim
Có bán ở các hiệu sách hoặc đặt mua tại:

P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

VIỆT NAM THẮNG VÀ BẠI

BẢN NGHIÊN CỨU
TỔNG KẾT
CUỘC CHIẾN
VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH
CUỘC
CHIẾN TRANH LẠNH

LÊ QUẾ LÂM

Với đề tựa của Thạc sĩ Vũ Quốc Thúc,
Giáo sư Đại học Paris XII

- Sách in công phu, bìa cứng, khổ lớn
  mầu sắc trang nhã

- Dày 1070 trang, bao gồm mục Niên biểu (Chronology)
  và Từ ngữ tham chiếu (Index), đăng bộ tại Thư viện
  Quốc gia ISBN 0 7316 1813 0

- Giá bán 210 Francs (bao gồm bưu phí)
  Địa chỉ: 30 Allée de L'Arlequèn
  NANTERRE 92000
  Phone 47670567 (Tư thất Giáo Sư Vũ Quốc Thúc)

NGỌC THU XUẤT BẢN • SYDNEY • 1994

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ NỐI DÀI

Hồi ký cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi ký mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

"Một khoảnh Việt nam Cộng hoà nối dài" của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi ký cải tạo. Tuy nhiên, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi ký này hiện ở Việt nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể đến. Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử.

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỆ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

SÁCH MỚI TÁI BẢN

• HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG

Hồ Sĩ Khuê

Một tác phẩm đặc biệt về một hiện tượng chính trị lạ lùng: **Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam** (còn được gọi tắt là Mặt Trận hay Việt Cộng).

Ông Hồ đã khai sinh và dọn đường cho Mặt Trận như thế nào? **Ông Diệm** đã nuôi dưỡng và mở đường cho Mặt Trận như thế nào? Mặt Trận này có thật không? Bản chất và nhiệm vụ của nó là gì? Mặt Trận đã chết chưa? Di sản và tương lai của nó ra sao?

Tác phẩm là một công trình nghiên cứu và lý luận nghiêm chỉnh về Mặt Trận thông qua hai nhân vật lãnh đạo và hai chế độ của hai miền Bắc Nam. Đồng thời cũng là một phân tích lịch sử và nhân văn táo bạo về **Người Nam Kỳ và Đất Nam Kỳ** trong cơn lốc chính trị Quốc Cộng kéo dài suốt 16 năm hiện hữu của Mặt Trận.

Tác giả là người lúc thì tham dự, lúc thì theo dõi chính tình Việt nam trong 60 năm trời. Ông cũng là "người quen" từ Tướng **Dương văn Minh** đến ông **Tạ Bá Tòng**, từ Tổng Thống **Ngô Đình Diệm** đến Thượng Tọa **Thích Trí Quang**, từ Tướng **Đỗ Mậu** đến nhà thơ **Tố Hữu**...

Khởi viết từ năm 1987, một năm sau Đại Hội VI "đổi mới" của Đảng Cộng sản Việt nam. Sách dày 450 trang, khổ lớn 6x9, đóng bìa cứng. Giá 22MK, ngoài Mỹ 25MK.

HÃY TÌM MUA NGAY TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HAY ĐẶT MUA TRỰC TIẾP TẠI:

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761

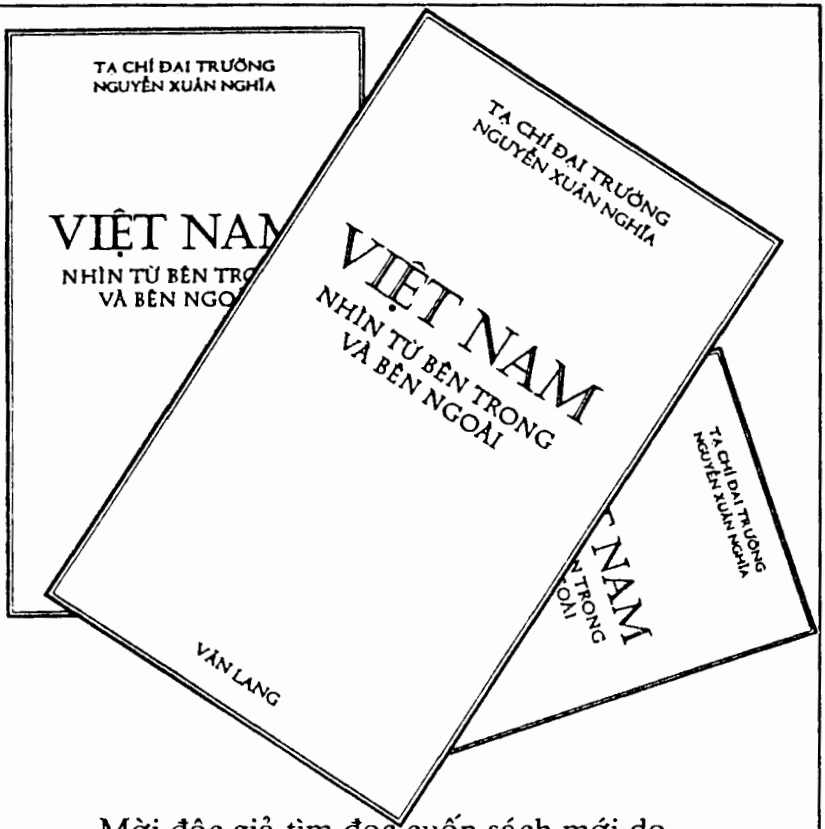

Mời độc giả tìm đọc cuốn sách mới do cơ sở tập san Văn Lang xuất bản.

Giá: $15.00

Liên lạc mua sách:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Wesminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

SÁCH MỚI

1. **NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI** 13MK
   Đức Đạt Lai Lạt Ma (Hồi ký) Hồng Hà dịch, gồm nhiều hình ảnh
2. **ĐỜI NGHỆ SĨ** 9MK
   Nguyễn Hiến Lê (Sách mới in)
3. **VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI** 32MK
   Hoành Linh Đỗ Mậu (Tái bản lần 9 thêm 15% bổ chính - đóng bìa cứng)
4. **HỒ CHÍ MINH NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG** 22MK
   Hồ Sĩ Khuê (Tái bản - bìa cứng)
5. **TUẦN TỬ** (Sách mới) 18MK
   Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch, chú thích
6. **MÂY BÃO** 12MK
   Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh (Tái bản)
7. **VIẾT** 10MK
   Võ Phiến (Sách mới)
8. **ĐỐI THOẠI** 8MK
   Võ Phiến (Sách mới)
9. **TRUYỆN MIỀN NAM Tập II** 10MK
   Võ Phiến (Sách mới)
10. **KÝ, BÚT - KỊCH MIỀN NAM** 10MK
    Võ Phiến (Sách mới)
11. **KÝ THÁC** 7MK
    Truyện Bình Nguyên Lộc (Tái bản)
12. **CUỐNG RÚN CHƯA LÌA** 8MK
    Truyện Bình Nguyên Lộc (Tái bản)
13. **KINH DỊCH** 20MK
    Nguyễn Hiến Lê (Tái bản)
14. **TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY** 14MK
    Đạt Lai Lạt Ma (Tái bản)

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách dưới 10MK, thêm 2MK cho sách trên 10MK. Riêng quyển số (3) thêm 5MK và số (4) thêm 3MK. Mua tại một số nhà sách ở Mỹ hoặc trực tiếp nhà xuất bản:

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Tel (714) 527-5761

Đêm nhạc hội

TÌNH XUÂN

MỘT CHƯƠNG TRÌNH CA NHẠC ĐẶC SẮC ĐỂ TƯỞNG NIỆM CỐ NHẠC SĨ VŨ THÀNH

TÁC PHẨM & TÁC GIẢ — WORKS & COMPOSERS:

* Đa số các nhạc phẩm bất hủ của nhà soạn nhạc tài danh Vũ Thành
* Nhiều ca khúc tiền chiến tiêu biểu và các nhạc phẩm giá trị của Văn Cao, Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Tô Vũ, Dzoãn Mẫn, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Mỹ Ca, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Cung Tiến, Lê Văn Khoa, Lê Hữu Mục,...

CA SĨ — VOCALISTS:

— Kim Tước — Hà Thanh — Anh Ngọc
— Mai Hương — Ái Vân — Tuấn Ngọc
— Quỳnh Giao — Vũ Anh
— Lệ Thu — Nguyễn Thành Văn

HÒA ÂM — ARRANGEMENTS BY:

— Nghiêm Phú Phi — Văn Phụng — Đoàn Châu Nhi
— Lê Văn Khoa — Lê Ngọc Chân

GIÀN NHẠC THÍNH PHÒNG — CHAMBER MUSIC ORCHESTRA:

Gồm 20 nhạc sĩ (musicians) Việt và Mỹ.
— Là giáo sư âm nhạc hoặc đã tốt nghiệp tại các đại học và nhạc viện, và đang chơi cho các giàn nhạc lớn tại Mỹ.
— Với sự góp mặt đặc biệt của:
* Karen Lak (first violinist), Master of Music
* Đoàn Châu Nhi (guitarist), Master of Music
* Lê Ngọc Chân (pianist), Master of Music

NHẠC TRƯỞNG — CONDUCTOR: Larry Grossman

ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH — MASTER OF CEREMONY: Nguyễn Cao Kỳ Duyên

THỜI GIAN & ĐỊA ĐIỂM:

PLUMMER AUDITORIUM
201 E. CHAPMAN (at LEMON) FULLERTON, CA.
Đúng 8:00 PM Thứ Bẩy ngày 25 tháng Sáu năm 1994
(Xin vui lòng đến trước 7:30 PM để sắp xếp chỗ ngồi)

VÉ CÓ BÁN TRƯỚC TẠI: **Giá ủng hộ: $50 • Giá đồng hạng: $25**

* Nhà sách TỰ LỰC 14318 Brookhurst St. Garden Grove (714) 531-5290
* Nhà sách TÚ QUỲNH 9581 Bolsa Ave. Westminster (714) 531-4284
* Nhà sách VĂN KHOA 9200 Bolsa Ave. Suite 123 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster (714) 892-0801
* Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN 9200 Bolsa Ave., Suite 137 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster (714) 897-4519

Checks xin đề tên: **NGUYỄN MINH TÂM** và gửi về:
4142 E. Bainbridge Ave., Anaheim, CA 92807. Phone (714) 630-2627

PHONG PHÚ * ĐỘC ĐÁO * GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

Giá $3.50